

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

Phùng Thị Hiền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC
TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC KHÁM PHÁ KIẾN THỨC
MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

Mã sinh viên: 2552020531

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

Phùng Thị Hiền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC
TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC KHÁM PHÁ KIẾN THỨC
MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

Mã sinh viên: 2552020531

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: ThS. Bùi Thị Hồng

NINH BÌNH, 2025

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Ban Giám hiệu Trường Đại học Hoa Lư, Quý Thầy (Cô) trong Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non đã tạo điều kiện thuận lợi, đồng hành và hỗ trợ em trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn Quý Thầy (Cô) và các em học sinh Trường Tiểu học Quang Sơn - Thành phố Tam Điệp và Trường Tiểu học Quang Trung - Thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã nhiệt tình giúp đỡ, tạo điều kiện cho em trong quá trình khảo sát, tìm hiểu thực tế, từ đó góp phần quan trọng vào việc hoàn thành đề tài này.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô Bùi Thị Hồng - Giảng viên Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non, người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Cô không chỉ là người định hướng mà còn là nguồn động viên, khích lệ em vững tin theo đuổi mục tiêu nghiên cứu.

Dù em đã cố gắng để hoàn thiện đề tài một cách tốt nhất, nhưng do giới hạn về thời gian và kinh nghiệm, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý quý báu từ Quý Thầy (Cô) và các bạn để nội dung được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

Sinh viên

Phùng Thị Hiền

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài khóa luận tốt nghiệp “*Vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4*” là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi.

Toàn bộ nội dung và kết quả trình bày trong khóa luận là trung thực, không sao chép dưới bất kì hình thức nào từ các công trình nghiên cứu khác. Các tài liệu, số liệu, trích dẫn sử dụng trong khóa luận (nếu có) đều được ghi rõ nguồn và thực hiện đúng quy định về trích dẫn tài liệu tham khảo. Tôi xin chịu trách nhiệm về sự cam đoan này.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

Sinh viên

Phùng Thị Hiền

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “*Vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4*” là công trình nghiên cứu của sinh viên Phùng Thị Hiền, nội dung trong đề tài chưa công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Đề tài đã được chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp ngày 22/5/2025.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

Người hướng dẫn

ThS. Bùi Thị Hồng

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1	GV	Giáo viên
2	HS	Học sinh
3	HTTC	Hình thức tổ chức
4	KHBD	Kế hoạch bài dạy
5	KTDH	Kĩ thuật dạy học
6	Nxb	Nhà xuất bản
7	PP	Phương pháp
8	PPDH	Phương pháp dạy học
9	SGK	Sách giáo khoa
10	SGV	Sách giáo viên

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ

Bảng 2.1. Thống kê một số bài học được lựa chọn để thiết kế hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) có sử dụng PPDH tích cực.....	52
Bảng 3.1. Kết quả kiểm tra kiến thức sau thực nghiệm Bài 13: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.....	107
Hình 3.1. Biểu đồ so sánh kết quả kiểm tra kiến thức sau thực nghiệm Bài 13: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.....	107
Hình 3.2. Biểu đồ phân bố điểm kiểm tra sau thực nghiệm Bài 13: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.....	108
Bảng 3.2. Kết quả kiểm tra kiến thức sau thực nghiệm Bài 15: Người thầy đầu tiên của bố tôi	109
Hình 3.3. Biểu đồ so sánh kết quả kiểm tra kiến thức sau thực nghiệm Bài 15: Người thầy đầu tiên của bố tôi	109
Bảng 3.3. Cảm xúc của HS trong tiết học.....	110
Bảng 3.4. Mức độ hiểu bài của HS.....	110
Bảng 3.5. Mức độ tham gia các hoạt động học tập của HS	111
Bảng 3.6. Cơ hội nêu ý kiến, trình bày suy nghĩ của HS	111

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu	7
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	7
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG	8
1.1. Một số khái niệm.....	8
1.1.1. Phương pháp dạy học.....	8
1.1.2. Phân biệt phương pháp dạy học, quan điểm dạy học, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học	9
1.1.3. Phương pháp dạy học tích cực.....	10
1.2. Khái quát về phương pháp dạy học tích cực.....	11
1.2.1. Đặc trưng của phương pháp dạy học tích cực	11
1.2.2. Sự khác nhau giữa phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học tích cực	13
1.2.3. Sự cần thiết của việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực	16
1.2.4. Một số phương pháp dạy học tích cực thường được sử dụng ở tiểu học	17
1.3. Hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4.....	32
1.3.1. Cấu trúc của Kế hoạch bài dạy	32
1.3.2. Hoạt động dạy học	34
1.3.3. Đặc điểm của hoạt động dạy học Khám phá kiến thức	35
1.3.4. Tầm quan trọng của hoạt động dạy học Khám phá kiến thức	37
1.4. Khái quát về chương trình, nội dung dạy học Tiếng Việt lớp 4.....	37
1.4.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	37
1.4.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù	38
1.4.3. Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe	39
1.4.4. Khái quát về sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	41

1.5. Đặc điểm tâm lí, nhận thức của học sinh lớp 4 chi phối việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực	43
1.5.1. Đặc điểm thể chất	43
1.5.2. Đặc điểm tâm lí.....	44
1.5.3. Đặc điểm nhận thức	44
1.5.4. Đặc điểm tâm lí lứa tuổi của học sinh lớp 4 chi phối đến việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực	46
1.5.5. Một số lưu ý khi vận dụng phương pháp dạy học tích cực để phù hợp với đặc điểm của học sinh lớp 4	47
Kết luận chương 1	49
CHƯƠNG 2. VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4.....	50
2.1. Một số nguyên tắc khi vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4 ..	50
2.1.1. Nguyên tắc lấy người học làm trung tâm	50
2.1.2. Nguyên tắc phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.....	50
2.1.3. Nguyên tắc phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí học sinh lớp 4	50
2.1.4. Nguyên tắc đa dạng hóa các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	50
2.1.5. Nguyên tắc gắn kết giữa dạy học và đánh giá	51
2.2. Thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4 có sử dụng phương pháp dạy học tích cực.....	51
2.2.1. Thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức trong dạy Đọc	53
2.2.2. Thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức trong dạy Luyện từ và câu.....	67
2.2.3. Thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức trong dạy Nói và nghe	86
2.2.4. Thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức trong dạy Viết	93
2.3. Những lưu ý khi áp dụng phương pháp dạy học tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4	101
2.3.1. Tổ chức hoạt động vừa sức, phù hợp mục tiêu, tránh sa đà làm loãng nội dung trọng tâm	101

2.3.2. Cân đối giữa các phương pháp dạy học và thời lượng tiết học	102
2.3.3. Chú ý đến sự tham gia của tất cả học sinh.....	102
2.3.4. Đảm bảo tính khả thi trong điều kiện thực tiễn lớp học	102
2.3.5. Cần kết hợp hài hòa giữa đánh giá quá trình và đánh giá kết quả	102
Kết luận chương 2	104
CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM.....	105
3.1. Mục đích thực nghiệm.....	105
3.2. Kế hoạch thực nghiệm	105
3.3. Nội dung thực nghiệm	105
3.4. Tiến hành thực nghiệm.....	106
3.5. Kết quả thực nghiệm.....	106
3.6. Đánh giá và kết luận	111
Kết luận chương 3	112
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	113
TÀI LIỆU THAM KHẢO	115

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Chương trình Giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tháng 12 năm 2018 coi phát triển năng lực HS là một trong những quan điểm nổi bật của việc xây dựng chương trình và tổ chức quá trình dạy học. Trong nhà trường tiểu học, môn Tiếng Việt thể hiện rõ tư cách là môn học trung tâm, giữ vai trò trọng yếu, bởi nó vừa là môn học độc lập vừa mang tính công cụ để HS học tập tất cả các môn học và hoạt động giáo dục khác. Chính vì vậy, việc đổi mới PPDH Tiếng Việt nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học là việc làm rất quan trọng và cần thiết.

Năng lực của người học chỉ có thể hình thành và phát triển thông qua hoạt động. Để thực hiện mục tiêu của môn Tiếng Việt theo chương trình Giáo dục Phổ thông mới, các nội dung học tập cần được tổ chức thông qua những hoạt động dạy học cụ thể, từ khởi động, khám phá kiến thức đến luyện tập, vận dụng, mở rộng. Trong tiến trình dạy học trên lớp, hoạt động Khám phá kiến thức là hoạt động chính, quan trọng nhất của mỗi bài học. Hoạt động này giúp HS phát hiện, kiến tạo kiến thức, giá trị mới trong bài học dựa trên những hiểu biết đã có, từ đó thực hành, vận dụng nhằm phát triển kỹ năng, giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống của chính các em. Điều này sẽ dễ dàng thực hiện nếu GV vận dụng tốt các PPDH tích cực.

Thực tế cho thấy, để tổ chức được một hoạt động dạy học Khám phá kiến thức hiệu quả, thiết thực, phù hợp với nội dung bài học và đối tượng HS không phải là điều đơn giản, nhất là đối với môn Tiếng Việt - môn học chiếm thời lượng nhiều nhất trong trường tiểu học.

Năm học 2024 - 2025 là năm học thứ hai thực hiện bộ SGK mới đối với HS lớp 4. Do vậy, để có thể lựa chọn được những PPDH phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, với nội dung chương trình, tổ chức được những giờ HS động, hấp dẫn và lôi cuốn HS là một thách thức không nhỏ. Việc đầu tư nghiên cứu, vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt nói chung, hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4 nói riêng là việc làm cần thiết đối với mỗi GV và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: **Vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4.**

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

PPDH tích cực đã được các nhà giáo dục và học giả quốc tế nghiên cứu sâu rộng, với mục tiêu giúp HS chủ động hơn trong quá trình học tập. Các

công trình quốc tế đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc HS tham gia vào các hoạt động tương tác, hợp tác và giải quyết vấn đề. Một số nhà nghiên cứu tiên phong như John Dewey, Lev Vygotsky, và Jerome Bruner đã đặt nền móng cho lý thuyết học tập chủ động:

John Dewey, một triết gia và nhà giáo dục nổi tiếng người Mỹ, có nhiều quan điểm sâu sắc về giáo dục, đặc biệt là về PPDH tích cực và vai trò của trải nghiệm trong học tập. Ông xác định: *"Give the pupils something to do, not something to learn; and the doing is of such a nature as to demand thinking; learning naturally results."* (Hãy cho học sinh một việc gì đó để làm chứ không phải một việc gì đó để học; và việc làm đó có tính chất đòi hỏi phải suy nghĩ; việc học sẽ mang lại kết quả một cách tự nhiên) [22]. Dewey cho rằng HS cần phải tham gia trực tiếp vào quá trình học tập thay vì chỉ tiếp nhận thông tin một cách thụ động. Dewey thể hiện quan điểm sâu sắc của ông về vai trò của trải nghiệm và tư duy trong giáo dục, đó cũng là nền tảng cho PPDH tích cực, nơi HS không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn chủ động tham gia và khám phá.

Lev Vygotsky (1896 – 1934) là một nhà tâm lý học phát triển người Nga, nổi tiếng với các lý thuyết về nhận thức và học tập. Quan điểm của ông có ảnh hưởng sâu rộng trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt về mối liên hệ giữa quá trình học tập và phát triển nhận thức ở trẻ em. Một trong những đóng góp nổi bật của ông là *Lý thuyết xã hội học nhận thức* (lý thuyết văn hóa xã hội về phát triển nhận thức) và khái niệm *Vùng phát triển gần* (Zone of Proximal Development - ZPD). Vygotsky nhấn mạnh học tập là một quá trình mang tính xã hội và nhận thức của mỗi cá nhân được hình thành nhờ sự tương tác với những người khác (thường là những người có kinh nghiệm hơn như GV, cha mẹ, hoặc bạn bè). Vì vậy, sử dụng PPDH tích cực sẽ giúp HS tiếp nhận kiến thức một cách dễ dàng hơn.

Jerome Bruner với thuyết học tập phát hiện (discovery learning) đã khuyến khích việc học tập thông qua khám phá và thử nghiệm, trong đó HS tìm hiểu kiến thức thông qua các hoạt động cụ thể. Bruner nhấn mạnh rằng HS học tốt nhất khi tự khám phá và tham gia tích cực vào quá trình học tập.

Những lý thuyết này là nền tảng hình thành và phát triển nhiều PPDH tích cực hiện đại, chẳng hạn như học dựa trên vấn đề (Problem-based learning - PBL), học dựa trên dự án (Project-based learning), và học qua trải nghiệm. Cùng với đó, những nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới cũng cho thấy hiệu quả của PPDH tích cực như:

Johnson, Johnson & Smith (1998) đã nghiên cứu về học tập hợp tác (cooperative learning) và phát hiện ra rằng HS học theo nhóm có xu hướng đạt được thành tích cao hơn, phát triển các kỹ năng xã hội tốt hơn so với những HS học cá nhân.

Michael Prince là một học giả đóng góp quan trọng vào công việc nghiên cứu và cung cấp PPDH tích cực, đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tham gia trong các hoạt động học tập. Prince (2004) đã thực hiện tổng hợp các nghiên cứu về dạy học tích cực và cho thấy rằng học tập dựa trên hoạt động, thảo luận nhóm và giải quyết vấn đề đã cải thiện đáng kể khả năng tiếp thu kiến thức của HS. Ngoài ra, các PP này còn giúp phát triển các kỹ năng tư duy phản biện và hợp tác.

Có thể nói, các công trình nghiên cứu trên thế giới đều chỉ ra rằng PPDH tích cực không chỉ nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức mà còn phát hiện phát triển các kỹ năng quan trọng như tư duy phản biện, hợp tác và sáng tạo của HS. Vận dụng PPDH tích cực giúp cải thiện kết quả học tập, phát triển kỹ năng xã hội, đồng thời tạo ra một môi trường học tập tích cực và đầy động lực cho các em.

Ở Việt Nam, vấn đề phát huy tính tích cực học tập của HS là vấn đề đã được đặt ra trong ngành giáo dục nước ta từ những năm 60 của thế kỷ XX. Bậc tiểu học là bậc học nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân nên vấn đề đổi mới PPDH đã nhận được nhiều sự quan tâm, nghiên cứu của các nhà tâm lý học, giáo dục học và các nhà sư phạm trong cả nước. Nhất là từ những năm 2000 đến nay, nội dung nghiên cứu về vấn đề này càng trở nên sâu sắc, thiết thực hơn.

Trong khuôn khổ của khóa luận, chúng tôi chỉ trích dẫn và thống kê những công trình khoa học có liên quan mật thiết với vấn đề nghiên cứu.

Về PPDH, giáo dục của môn Ngữ văn (ở tiểu học là môn Tiếng Việt), Chương trình Giáo dục phổ thông (2018) đã nêu rõ: “*Vận dụng các phương pháp giáo dục theo định hướng chung là dạy học tích hợp và phân hoá; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh*” [2]. Đó chính là quan điểm chỉ đạo đối với các nhà sư phạm trong việc vận dụng các PPDH nhằm phát triển năng lực HS.

Tác giả Lê Phương Nga (2021) với cuốn *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I* trình bày các kiến thức lý luận chung về PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học; cấu trúc, nội dung chương trình môn Tiếng Việt ở Tiểu học; các nguyên tắc và PPDH đặc trưng của môn học. Trong đó, tác giả nhấn mạnh

đến chiến lược dạy học “*lấy học sinh làm trung tâm, lấy lợi ích của các em làm đích và tổ chức quá trình dạy học sao cho để học sinh tự “làm ra” kiến thức và phù hợp với đặc điểm, trình độ nhận thức, phù hợp với đặc điểm hứng thú của từng học sinh*” [16].

Sách *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới* của Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2023) cung cấp những PPDH phát triển năng lực trong môn Tiếng Việt – Ngữ Văn. Đó là các PPDH đọc hiểu văn bản, dạy viết, dạy kiến thức tiếng Việt, dạy nghe – nói. Tài liệu tạo điều kiện thuận lợi cho GV trong việc lựa chọn, triển khai PPDH, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS.

Các bộ SGK môn Tiếng Việt của ba bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, *Cánh diều*, *Chân trời sáng tạo* cũng là nguồn tài liệu rất quan trọng, không thể thiếu đối với hoạt động dạy học Tiếng Việt ở trường tiểu học. Trong đó, các tác giả đã trình bày phương án tổ chức hoạt động dạy học tương ứng với từng bài học trong sách HS. Tuy nhiên, các bài được biên soạn chỉ mang tính gợi ý, định hướng, nêu một vài phương án để GV lựa chọn hoặc dựa vào đó để tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế lớp học.

Nhóm tác giả Lê Anh, Huỳnh Bảo Hân, Nguyễn Minh Thanh Nhân, Hoàng Thụy Bích Thủy, Bùi Thị Thu Thủy (2023) với cuốn *Thiết kế bài dạy theo phương án mở môn Tiếng Việt lớp 4* đã đưa ra một số nguyên tắc thiết kế và những định hướng đổi mới PPDH. Đồng thời, tài liệu cũng thiết kế một số KHBD minh họa theo hướng mở, nhằm phát triển năng lực, phẩm chất của người học.

Ngoài những cuốn sách nói trên, còn có các công trình là luận văn, đề tài, khóa luận tốt nghiệp,... nghiên cứu về việc vận dụng PPDH tích cực trong đào tạo GV ngành Giáo dục Tiểu học và trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học:

Đề tài *Vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học* của Nguyễn Xuân Khoa (2018), Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã nghiên cứu và phân tích các PPDH tích cực, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. Đề tài cho thấy việc vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, giúp HS phát triển toàn diện và chuẩn bị tốt cho những thách thức trong tương lai.

Nhóm tác giả Bùi Thị Hồng (Chủ nhiệm), Đỗ Hồng Linh, Nguyễn Thị Thanh Nga (2021) có đề tài *Phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy học phần “Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2”* – Trường Đại học Hoa Lư. Đề tài đưa ra những chỉ dẫn quý báu về việc vận dụng những PPDH

tích cực vào việc thiết kế một số KHBD học phần “Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2” nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên. Qua đó, đề tài góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực sư phạm có đủ trình độ, năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông mới, thích ứng với những đổi mới của giáo dục.

Đề tài khoa học *Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học* của sinh viên Dương Thị Ngọc Ánh (Chủ nhiệm) và Đinh Thị Xuân Hương (2022), Trường Đại học Hoa Lư, tập trung thiết kế các KHBD môn Tiếng Việt ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực của HS. Đề tài đã khẳng định PPDH tích cực đóng vai trò quan trọng trong việc giúp HS nắm vững các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) một cách toàn diện, đồng thời phát triển phẩm chất và năng lực học tập lâu dài của các em.

Sinh viên Trần Thị Ngọc Ánh (2023), Trường Đại học Hoa Lư, với đề tài *Thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 theo định hướng phát triển năng lực học sinh*, đã thiết kế các hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt lớp 3 nhằm phát triển năng lực, phẩm chất của người học. Đề tài là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho GV và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong việc áp dụng các PP, KTDH tích cực để tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học Tiếng Việt.

Ngoài ra, trên các báo, tạp chí chuyên ngành cũng đăng tải những bài viết về vấn đề đổi mới PPDH môn Tiếng Việt. Tiêu biểu như: ThS. Nguyễn Thị Hoài Dung (2021), Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An với bài *Một số phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học theo định hướng phát triển năng lực nhằm đáp ứng chương trình - sách giáo khoa mới* đăng trên Tạp chí Sài Gòn, số 76, tháng 4/2021; tác giả Nguyễn Trọng Hoàn có bài *Đổi mới phương pháp dạy học trong đổi mới giáo dục phổ thông* đăng trên Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 19/5/2024; bài “*Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong thảo luận nhóm để dạy học đọc hiểu văn bản tập đọc lớp 4*” của tác giả Trần Hồng Hoa (2019) đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ; TS. Lê Thị Mai Hoa (2021) với bài “*Phát triển giáo dục mở góp phần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo*” đăng trên Tạp chí Ban Tuyên giáo Trung ương,... nói về đổi mới PPDH trong thời đại mới.

Có thể nói, đổi mới PPDH theo hướng phát huy tính tích cực hóa hoạt động của HS là vấn đề luôn nhận được sự quan tâm, đồng thuận của những nhà khoa học, những nhà nghiên cứu cũng như của tập thể những người làm công tác giáo dục. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu được kể trên đã làm rõ những vấn

đề lí luận cơ bản về PPDH tích cực, cách sử dụng một số PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018). Tuy vậy, trong khả năng bao quát tài liệu liên quan đến đề tài, chúng tôi chưa tiếp cận được với công trình nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu về việc vận dụng những PPDH tích cực trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 4 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trên cơ sở kế thừa thành tựu nghiên cứu quý báu của các tác giả đi trước, đề tài tập trung nghiên cứu việc vận dụng PPDH tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4 nhằm phát triển năng lực, phẩm chất của HS, đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục của Việt Nam trong thời đại hội nhập.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc vận dụng PPDH tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4 nhằm phát triển năng lực, phẩm chất của HS.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu lí thuyết chung về PPDH tích cực.
- Phân tích, làm rõ vai trò của việc vận dụng những PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.
- Tìm hiểu nội dung chương trình, SGK Tiếng Việt lớp 4, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Chỉ ra những PPDH tích cực có thể sử dụng hiệu quả trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4.
- Vận dụng PPDH tích cực để thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Thiết kế KHBD thử nghiệm và tiến hành thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng vấn đề nghiên cứu của khóa luận.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Vận dụng PPDH tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Khóa luận tập trung nghiên cứu một số PPDH tích cực có thể vận dụng trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2024.

- Tổ chức dạy thực nghiệm tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

5. Phương pháp nghiên cứu

Khóa luận sử dụng một số PP nghiên cứu sau:

- Nhóm PP nghiên cứu lí thuyết:

+ PP phân tích, tổng hợp; PP phân loại, hệ thống hóa lí thuyết: nghiên cứu cơ sở khoa học của đề tài.

+ PP so sánh, đối chiếu: so sánh, chỉ ra điểm khác nhau giữa PPDH truyền thống và PPDH tích cực.

- Nhóm PP nghiên cứu thực tiễn:

+ PP quan sát: dự giờ dạy Tiếng Việt lớp 4 tại một số trường tiểu học, quan sát hoạt động học tập của HS, từ đó có định hướng để vận dụng PPDH tích cực cho phù hợp.

+ PP thực nghiệm sư phạm: tổ chức dạy thực nghiệm tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

+ PP thống kê: thống kê, đánh giá kết quả thực nghiệm sư phạm.

+ PP phân tích và tổng hợp kinh nghiệm: tham khảo PPDH, KHBD Tiếng Việt của một số GV có kinh nghiệm.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Góp phần khẳng định và làm sâu sắc hơn hệ thống lí thuyết về các PPDH tích cực.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Làm tài liệu tham khảo cho GV, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong dạy học Tiếng Việt, góp phần giải quyết những khó khăn trong việc đổi mới PPDH hiện nay.

- Đề tài nếu được vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt sẽ phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong dạy học Tiếng Việt lớp 4, góp phần thực hiện mục tiêu môn học.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Phương pháp dạy học

Thuật ngữ “phương pháp” có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp “méthodos” có nghĩa là con đường hay cách thức để đạt đến mục tiêu cụ thể. PPDH là sự kết hợp hài hòa giữa các hoạt động của người dạy và người học, đảm bảo tính hiệu quả và sự thích ứng linh hoạt với mục tiêu giáo dục. PPDH không chỉ dừng lại ở những kĩ thuật truyền đạt mà còn bao hàm cả sự phối hợp giữa GV và HS trong suốt quá trình học tập.

Thuật ngữ PPDH hiện nay được sử dụng rất rộng rãi và có nhiều định nghĩa khác nhau. Một số nhà nghiên cứu giáo dục như Iu. K. Babanski cho rằng: PPDH là cách thức tương tác giữa GV và HS nhằm thực hiện các nhiệm vụ giáo dục, giáo dưỡng và phát triển trong quá trình dạy học. Theo cách hiểu này, PPDH không chỉ là công cụ truyền đạt kiến thức mà còn là phương tiện giúp hình thành và phát triển nhân cách cho HS.

PPDH là tập hợp những cách thức, kĩ thuật và quy trình mà GV sử dụng để tổ chức và hướng dẫn quá trình học tập của HS nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục. Đây là yếu tố quan trọng giúp người dạy truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả, đồng thời kích thích tư duy và sự phát triển toàn diện của HS.

PPDH là yếu tố then chốt, đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và tạo động lực học tập cho HS. Khi được áp dụng đúng đắn và linh hoạt, PPDH sẽ giúp HS không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phát triển các kĩ năng sống, khả năng tư duy sáng tạo và thích ứng với sự biến đổi của xã hội.

PPDH là một hệ thống những hành động có mục đích của GV nhằm tổ chức hoạt động nhận thức và thực hành của HS, đảm bảo cho HS lĩnh hội nội dung học vấn.

Theo Trần Thị Tuyết Oanh, “dù định nghĩa theo cách nào thì PPDH cũng được hiểu là cách thức phối hợp thống nhất giữa GV và HS trong quá trình dạy học được tiến hành dưới vai trò chủ đạo của GV nhằm thực hiện tối ưu mục tiêu và nhiệm vụ dạy học”. Đó là phương tiện, là con đường, là cách thức hoạt động chung của cả người dạy và người học nhằm trang bị tri thức, kĩ năng, kĩ xảo và phát triển năng lực, phẩm chất cho HS.

Trong đề tài này, chúng tôi sử dụng định nghĩa PPDH của GS.TSKH. Nguyễn Văn Hộ làm tiền đề cho việc nghiên cứu: “Phương pháp dạy học là

cách thức hoạt động phối hợp, thống nhất của GV và HS, do GV tổ chức, điều khiển, HS tự tổ chức, tự điều khiển nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học”.

1.1.2. Phân biệt phương pháp dạy học, quan điểm dạy học, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học

Các nghiên cứu về lí luận dạy học thường đề cập đến ba bình diện của PPDH: Quan điểm dạy học – PPDH – KTDH.

- Bình diện vĩ mô là quan điểm về PPDH. Ví dụ: Dạy học hướng vào người học, dạy học phát huy tính tích cực của HS, dạy học tích hợp, dạy học phân hóa, học thông qua chơi,...

Quan điểm dạy học là những định hướng tổng thể cho các hành động PP, trong đó có sự kết hợp giữa nguyên tắc dạy học làm nền tảng, những cơ sở lí thuyết của lí luận dạy học đại cương hay chuyên ngành, những điều kiện dạy học và tổ chức cũng như những định hướng mang tính chiến lược dài hạn, có tính cương lĩnh, là mô hình lí thuyết của PPDH. Tuy nhiên các quan điểm dạy học chưa đưa ra những mô hình hành động cũng như những hình thức xã hội cụ thể của PP.

- Bình diện trung gian là PPDH cụ thể. Ví dụ: PP đóng vai, thảo luận nhóm, trò chơi,... Ở bình diện này, khái niệm PPDH được hiểu với nghĩa hẹp, là những hình thức, cách thức hành động của GV và HS nhằm thực hiện mục tiêu dạy học, phù hợp với những nội dung và điều kiện dạy học cụ thể. PPDH cụ thể quy định những mô hình hành động của GV và HS.

PPDH cụ thể bao gồm những PP chung cho nhiều môn và các PP đặc thù bộ môn. Bên cạnh các PP truyền thống quen thuộc như thuyết trình, đàm thoại, trực quan, làm mẫu, có thể kể một số PP khác như: PP giải quyết vấn đề, PP điều tra, PPDH dự án,...

- Bình diện vi mô là KTDH. Ví dụ: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật giao nhiệm vụ, kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật hỏi chuyên gia,...

KTDH: Là những động tác, cách thức hành động của GV và HS trong các tình huống, hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học.

Các KTDH chưa phải là các PPDH độc lập mà là những thành phần của PPDH. Ví dụ, trong PP thảo luận nhóm có các KTDH như: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật các mảnh ghép,...

Tóm lại, quan điểm dạy học là khái niệm rộng, định hướng cho việc lựa chọn các PPDH cụ thể. Các PPDH là khái niệm hẹp hơn, đưa ra mô hình hành động. KTDH là khái niệm nhỏ nhất, thực hiện các tình huống hành động.

Như vậy, với mỗi quan điểm dạy học có những PPDH phù hợp với nó, mỗi PPDH có các KTDH đặc thù. Có những PPDH phù hợp với nhiều quan điểm dạy học, cũng có những KTDH được sử dụng trong nhiều PPDH khác nhau. Tuy nhiên, việc phân định cấp độ chỉ mang tính tương đối.

Ngoài việc phân biệt giữa quan điểm dạy học, PPDH, KTDH còn có những bình diện liên quan như: phương tiện dạy học và HTTC dạy học.

Phương tiện dạy học chỉ các đồ dùng (vật chất) để phục vụ cho việc dạy học, nhằm mang lại hiệu quả và đạt được mục tiêu bài học, như: máy tính, máy chiếu, loa, các video-clip, tranh ảnh minh họa, mô hình, một số phần mềm dạy học,...

HTTC dạy học là cách thức tổ chức hoạt động dạy học của GV và HS được tiến hành trong một không gian, thời gian, số lượng và theo một trật tự nhất định. Thường có các HTTC dạy học như: dạy học trong lớp, dạy học ngoài lớp học, dạy học tại hiện trường, dạy học trải nghiệm,...

Trong thực tiễn dạy học, cùng một PP, GV có thể vận dụng các HTTC khác nhau. Và ngược lại, ở một HTTC nào đó, có thể vận dụng một số PP. Ví dụ: Hoạt động nhóm có thể được vận dụng phù hợp với các PP thảo luận nhóm, điều tra, đóng vai,... Do đó, khi tổ chức các hoạt động cho HS, GV cần vận dụng PP và HTTC phù hợp.

Trên đây là một số nét cơ bản về PPDH xét trong mối quan hệ với quan điểm, kĩ thuật, phương tiện và HTTC dạy học. Sau khi nắm được bản chất của mỗi khái niệm, GV cần vận dụng vào thực tế dạy học một cách linh hoạt vì bản thân các thuật ngữ, khái niệm ấy cũng rất tương đối, không phải lúc nào cũng rạch ròi minh bạch, tùy vào bối cảnh cụ thể mà định danh cho phù hợp.

1.1.3. Phương pháp dạy học tích cực

PPDH tích cực là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước để chỉ những PP giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

“Tích cực” trong PPDH được dùng với nghĩa là hoạt động, chủ động, trái nghĩa với không hoạt động, thụ động, chứ không dùng theo nghĩa trái với tiêu cực.

Từ thập kỉ cuối cùng của thế kỷ XX, các tài liệu giáo dục ở nước ngoài và trong nước, một số văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo thường nói tới việc cần thiết phải chuyển “dạy học lấy GV làm trung tâm” sang “dạy học lấy HS làm trung tâm”.

Dạy học lấy HS làm trung tâm còn có một số thuật ngữ tương đương như: dạy học tập trung vào người học, dạy học căn cứ vào người học, dạy học hướng vào người học,... Các thuật ngữ này có chung một nội hàm là nhấn mạnh hoạt động học và vai trò của HS trong quá trình dạy học, khác với cách tiếp cận truyền thống lâu nay là nhấn mạnh hoạt động dạy và vai trò của GV.

Muốn đổi mới cách học phải đổi mới cách dạy. Cách dạy chỉ đạo cách học, nhưng ngược lại, thói quen học tập của HS cũng ảnh hưởng tới cách dạy của GV. Trong đổi mới PPDH phải có sự hợp tác của cả GV và HS, sự phối hợp nhịp nhàng hoạt động dạy với hoạt động học thì mới thành công.

PPDH tích cực không phải là một PPDH cụ thể mà là một khái niệm, bao gồm nhiều PP, KTDH, HTTC dạy học khác nhau, nhằm tích cực hóa, tăng cường sự tham gia của người học, tạo điều kiện cho người học phát triển tối đa khả năng học tập và những năng lực, phẩm chất cần thiết. Như vậy, dạy học tích cực nhấn mạnh đến tích tích cực của người học và tính nhân văn của giáo dục.

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (2018) đã nêu định hướng chung về PPDH như sau: “Các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các PP tích cực hóa hoạt động của HS, trong đó GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện kiến thức qua đó rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển”.

Theo PGS.TS Vũ Hồng Tiến: “Phương pháp dạy học tích cực là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Phương pháp dạy học tích cực hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy, tuy nhiên để dạy học theo phương pháp tích cực thì giáo viên phải nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp thụ động.”

Như vậy, PPDH tích cực đề cao vai trò chủ động, sáng tạo của HS trong quá trình học tập. GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn, tạo môi trường học tập tích cực và phát huy năng lực người học. Mục tiêu cuối cùng là phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực của HS và nâng cao hiệu quả dạy học.

1.2. Khái quát về phương pháp dạy học tích cực

1.2.1. Đặc trưng của phương pháp dạy học tích cực

1.2.1.1. Dạy và học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của HS.

Trong PPDH tích cực, người học - đối tượng của hoạt động “dạy”, đồng thời là chủ thể của hoạt động “học”- được cuốn hút vào các hoạt động học tập do GV tổ chức và chỉ đạo, thông qua đó, HS tự khám phá những điều mình chưa rõ chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được GV sắp đặt. Được đặt vào những tình huống của đời sống thực tế, người học trực tiếp quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình. Từ đó, người học vừa nắm được kiến thức kĩ năng mới, vừa nắm được PP “làm ra” kiến thức, kĩ năng đó, không rập theo những khuôn mẫu sẵn có, được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo.

Dạy theo cách này thì GV không chỉ giản đơn truyền đạt tri thức mà còn hướng dẫn HS hành động.

1.2.1.2. Dạy và học chú trọng rèn luyện PP tự học

PPDH tích cực xem việc rèn luyện PP học tập cho HS không chỉ là một biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học mà còn là một mục tiêu dạy học.

Xã hội hiện đại đang biến đổi nhanh chóng, sự bùng nổ thông tin, khoa học, kĩ thuật, công nghệ phát triển như vũ bão. Chúng ta không thể nhồi nhét vào đầu óc HS khối lượng kiến thức quá nhiều mà phải quan tâm dạy cho HS PP học tập ngay từ bậc Tiểu học.

Trong các PP học tập thì cốt lõi là PP tự học. Nếu rèn luyện cho người học có được PP, kĩ năng, thói quen, ý chí tự học thì sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy nội lực vốn có trong mỗi con người, kết quả học tập sẽ được nhân lên gấp bội. Vì vậy, ngày nay người ta nhấn mạnh hoạt động học trong quá trình dạy học, nỗ lực tạo ra sự chuyển biến từ học tập thụ động sang tự học chủ động, đặt vấn đề phát triển tự học ngay trong trường phổ thông, không chỉ tự học ở nhà sau bài lên lớp mà tự học cả trong tiết học có sự hướng dẫn của GV.

1.2.1.3. Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác

Trong một lớp học mà trình độ kiến thức, tư duy của HS không đồng đều, khi áp dụng PPDH tích cực buộc phải chấp nhận sự phân hóa về cường độ, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, nhất là khi bài học được thiết kế thành một chuỗi hoạt động độc lập. Áp dụng PPDH tích cực ở trình độ càng cao thì sự phân hóa này càng lớn. Việc sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin trong nhà trường sẽ đáp ứng yêu cầu cá thể hóa hoạt động học tập theo nhu cầu và khả năng của mỗi HS.

Tuy nhiên, trong học tập, không phải mọi tri thức, kĩ năng, thái độ đều được hình thành bằng những hoạt động độc lập cá nhân. Lớp học là môi

trường giao tiếp thầy - trò, trò - trò, tạo nên mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân trên con đường chiếm lĩnh nội dung học tập.

Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả học tập, nhất là lúc phải giải quyết những vấn đề, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung.

1.2.1.4. Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò

Trong dạy học, việc đánh giá HS không chỉ nhằm mục đích nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động học của trò mà đồng thời, tạo điều kiện nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động dạy của thầy.

Trước đây, GV giữ độc quyền trong đánh giá HS. Trong PPDH tích cực, GV phải hướng dẫn HS phát triển kỹ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh cách học. Chính vì vậy, GV cần tạo điều kiện thuận lợi để HS được tham gia đánh giá lẫn nhau. Tự đánh giá đúng và điều chỉnh hoạt động kịp thời là năng lực cần thiết trong cuộc sống mà nhà trường cần trang bị cho HS.

Đối với PPDH tích cực, để đào tạo những con người năng động, sớm thích nghi với đời sống xã hội thì việc kiểm tra, đánh giá không thể dừng lại ở yêu cầu tái hiện các kiến thức, lặp lại các kỹ năng đã học mà phải khuyến khích trí thông minh, óc sáng tạo trong việc giải quyết những tình huống thực tế.

Với sự trợ giúp của các thiết bị kỹ thuật, kiểm tra đánh giá mang lại cho GV những thông tin kịp thời để linh hoạt điều chỉnh hoạt động dạy, chỉ đạo hoạt động học.

PPDH tích cực giúp GV không đơn thuần là người truyền đạt kiến thức, GV trở thành người *thiết kế, tổ chức, hướng dẫn* các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ để HS tự chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của chương trình. Trên lớp, HS hoạt động là chính nhưng trước đó, khi soạn KHBD, GV phải đầu tư công sức, thời gian rất nhiều mới có thể thực hiện bài lên lớp với vai trò là người *gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài* trong các hoạt động tìm tòi, tranh luận sôi nổi của HS.

1.2.2. Sự khác nhau giữa phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học tích cực

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRUYỀN THỐNG	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC
1. Tập trung vào hoạt động của GV. PPDH truyền thống coi GV là “diễn viên”, người độc thoại với HS.	1. Tập trung vào hoạt động của HS. PPDH tích cực đề cao vai trò chủ thể tích cực của HS, tạo điều kiện cho HS tự học (khi đó, vai trò của GV là tổ

	chức, hướng dẫn, điều khiển, hỗ trợ, giúp đỡ HS học tập,...).
2. GV truyền đạt kiến thức đã chuẩn bị sẵn và huy động vốn hiểu biết của mình để giúp HS tiếp thu bài học. PPDH truyền thống áp đặt kiến thức và hình thành kỹ năng, trong nhiều trường hợp, theo các dạng bài mẫu.	2. GV hướng dẫn các hoạt động của HS và huy động vốn kiến thức, kinh nghiệm của HS để xây dựng bài học. PPDH tích cực coi trọng sự phát triển tư duy của HS, đặt ra các vấn đề cho HS giải quyết.
3. HS lắng nghe lời giảng của GV, ghi chép và học thuộc. PPDH truyền thống phụ thuộc vào SGK và lời giảng của GV, HS ít được tiếp xúc với thực tế.	3. HS chủ động chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng dưới sự hướng dẫn của GV. PPDH tích cực tạo điều kiện cho HS tham gia, thực hiện các hoạt động trải nghiệm, nhất là với những sự vật, sự việc trong thực tế cuộc sống của HS.
4. PPDH truyền thống coi trọng kết quả kiến thức, kỹ năng mà coi nhẹ quá trình HS hoạt động để đạt được những kết quả đó.	4. PPDH tích cực chú trọng quá trình hơn kết quả, quá trình dạy học diễn ra thông qua các hoạt động học tập của HS.
5. Quan hệ học tập: GV chủ động, HS bị động. PPDH truyền thống tương tác hạn chế giữa GV với HS.	5. Quan hệ học tập: Chủ đạo của GV, tạo sự chủ động, tự tin ở HS. PPDH tích cực ngoài tương tác giữa GV với HS còn tạo điều kiện cho HS tương tác tích cực với nhau, qua đó, các em giao tiếp và hợp tác với nhau một cách hợp lý.
6. GV dạy học theo mẫu: GV đưa ví dụ, HS làm theo tương tự. HS nghe giảng và ghi bài đầy đủ.	6. GV khuyến khích sự sáng tạo, giải quyết theo quan điểm riêng của HS. HS nghe giảng và ghi bài theo nhu cầu.
7. SGK là pháp lệnh; lời thầy là chân lý; kiểm tra, thi cử phải đúng như thế.	7. SGK chỉ là phương tiện; lời giảng của GV là gợi ý; kiểm tra, thi cử linh hoạt, gắn với thực tiễn.
8. HS ít có cơ hội bày tỏ nguyện vọng, tham gia tranh luận.	8. HS có cơ hội bày tỏ nguyện vọng và tham gia tranh luận.

9. PPDH truyền thống thì tiến hành đồng loạt, coi mọi HS như nhau.	9. PPDH tích cực chú ý đến đặc điểm riêng của cá nhân HS, tiến hành việc dạy học phân hoá qua các hoạt động thực hành, ứng dụng, mở rộng.
--	---

PPDH truyền thống là những PP được nhiều thế hệ GV sử dụng trong một khoảng thời gian dài trước đây. Trong đó, GV là truyền đạt kiến thức một chiều, HS thì thụ động tiếp thu lời giảng của GV. PPDH truyền thống khó phát triển được phẩm chất và năng lực HS bởi những lí do sau:

- Bị áp đặt một chiều, HS học tập thụ động nên chưa phát triển được năng lực tự chủ và tự học. Về lâu dài, HS có thói quen chờ đợi GV giảng cho nghe, đọc cho chép mà không có kĩ năng và không muốn tự đọc sách cũng như tìm kiếm các nguồn thông tin khác.

- HS không được giao tiếp và hợp tác với nhau một cách phù hợp nên không được phát triển đúng mức. Trong khi đó, sự tương tác tích cực giữa các HS có tác dụng rất quan trọng bởi “học thầy không tày học bạn”.

- HS được giảng cho nghe, được đọc cho chép những kiến thức quan trọng, được yêu cầu học thuộc lòng cho nhớ, HS được cung cấp các dạng bài mẫu cùng với cách giải, còn tư duy của HS không được phát triển đúng mức nên năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo khó được phát triển. Chúng ta biết, tư duy là yếu tố cốt lõi của quá trình phát triển năng lực HS, do đó, một khi tư duy không được phát triển đúng mức thì việc phát triển tất cả các năng lực khác đều bị ảnh hưởng xấu.

- Việc dạy học chủ yếu phụ thuộc vào lời giảng của GV và các bài tập trong SGK, ít gắn với thực tiễn, nhất là các bối cảnh thực gắn với cuộc sống của chính HS, làm cho HS ít được trải nghiệm, thiếu điều kiện và cơ hội vận dụng những điều học được vào thực tế.

- Quá trình dạy học diễn ra đồng loạt, thiếu tính phân hoá làm cho nội dung không vừa sức với nhiều HS. Điều đó không chỉ làm giảm hứng thú, sự tiến bộ trong học tập của HS, mà còn làm giảm hiệu quả của quá trình phát triển năng lực HS.

Tuy nhiên, các PPDH truyền thống vẫn được sử dụng ở những thời điểm thích hợp trên cơ sở phát huy những mặt tích cực của chúng. Ví dụ: Khi tổ chức hoạt động Khởi động nhằm “làm mới”, “hâm nóng” kiến thức, kĩ năng và khai thác kinh nghiệm của HS trước khi vào bài học mới, GV có thể sử dụng PP vấn đáp. Hoặc khi đưa ra một tình huống đạo đức cho HS giải quyết, GV có thể sử dụng PP kể chuyện.

Do đó, để phát triển năng lực HS, GV nên vận dụng các PPDH truyền thống trong những thời điểm thích hợp và tăng cường vận dụng các PPDH tích cực như giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi, điều tra, đóng vai, dự án,...

1.2.3. Sự cần thiết của việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực

Việc vận dụng các PPDH tích cực là cần thiết trong giáo dục hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu của một nền giáo dục đổi mới, chú trọng phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của HS, bởi vì:

- *Phát huy tính tích cực, chủ động của HS:* PPDH tích cực khuyến khích HS tham gia vào quá trình học tập, không chỉ ngồi nghe một cách thụ động, HS trở thành người chủ động tìm hiểu, khám phá và tự chiếm lĩnh kiến thức thông qua các hoạt động như thảo luận, thực hành, điều tra,... Điều này giúp HS phát triển tư duy độc lập, sáng tạo, khả năng phân tích và giải quyết vấn đề, đáp ứng yêu cầu của xã hội về năng lực tự học và thích ứng.

- *Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp cho HS:* Các PPDH tích cực như dạy học dự án, học theo góc hay PP đóng vai thường khuyến khích HS làm việc nhóm. Thông qua đó, HS được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, trao đổi, góp ý, giúp các em làm việc và tương tác tốt với bạn bè. Đây là những kỹ năng cần thiết cho HS khi tham gia vào môi trường làm việc và đời sống xã hội trong tương lai.

- *Tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn:* Các PPDH tích cực như dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề giúp HS hiểu sâu và biết cách áp dụng kiến thức vào các tình huống thực tế, giúp HS thấy rõ ý nghĩa của kiến thức, gắn học tập với cuộc sống và tăng hứng thú học tập.

- *Tạo môi trường học tập năng động và hiệu quả:* PPDH tích cực giúp tiết học trở nên sinh động, hấp dẫn và gần gũi hơn. Khi được tham gia vào các hoạt động học tập phong phú, HS cảm thấy thoải mái, hứng thú và có động lực học tập. Môi trường học tập tích cực không chỉ giúp HS tiếp thu kiến thức dễ dàng mà còn giúp GV theo dõi sát sao, kịp thời hỗ trợ và điều chỉnh hướng học tập cho từng HS.

- *Phát triển phẩm chất và năng lực của HS theo hướng toàn diện:* Giáo dục hiện nay không chỉ hướng tới việc truyền đạt kiến thức mà còn chú trọng đến phát triển các phẩm chất như tự tin, độc lập, có trách nhiệm và biết hợp tác. Các PPDH tích cực khuyến khích HS bộc lộ và phát triển các phẩm chất thông qua các hoạt động tự khám phá, tự trải nghiệm và tự hoàn thiện.

- *Đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông mới:* Chương trình giáo dục phổ thông mới đòi hỏi GV thay đổi cách

dạy, chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực, giúp HS chủ động và sáng tạo trong học tập. Việc vận dụng các PPDH tích cực là cần thiết để GV thực hiện hiệu quả mục tiêu đổi mới này.

- *Thúc đẩy sự gắn kết giữa GV và HS:* Các PPDH tích cực tạo ra sự tương tác qua lại giữa GV và HS, giúp xây dựng mối quan hệ gắn bó, thân thiện. GV không chỉ là người truyền đạt mà còn là người hướng dẫn, hỗ trợ HS, tạo cảm giác thoải mái và khuyến khích các em bày tỏ ý kiến, suy nghĩ.

Như vậy, việc vận dụng các PPDH học tích cực là cần thiết và quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục, giúp HS không chỉ học tập hiệu quả mà còn phát triển các kĩ năng và phẩm chất toàn diện, đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại.

1.2.4. Một số phương pháp dạy học tích cực thường được sử dụng ở tiểu học

Việc vận dụng các PPDH tích cực không chỉ giúp HS có được kiến thức mà còn phát triển kĩ năng, thái độ và nhận thức cá nhân. Dưới đây là một số PPDH tích cực thường được sử dụng ở Tiểu học như: giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi, điều tra, dự án, đóng vai,...

1.2.4.1. Phương pháp Giải quyết vấn đề

* *Khái niệm:* PP Giải quyết vấn đề là PPDH tích cực, PP đặt ra trước HS các vấn đề nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết, chuyển HS vào tình huống có vấn đề, kích thích HS chủ động và có nhu cầu mong muốn giải quyết vấn đề.

Một trong những đặc trưng cơ bản của PP Giải quyết vấn đề là tồn tại một vấn đề và HS giải quyết vấn đề ấy để từ đó tìm ra kiến thức mới, cách thức hành động mới.

“Vấn đề” là một tình huống mà với sự vận dụng những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã có của mình, HS chưa thể ngay tức thì giải quyết được nó, chưa có biện pháp hay hướng giải quyết một cách rõ ràng. Khi đó, HS cần đề xuất và thử các phương án và trong trường hợp thành công, các em hình thành được kiến thức hay kĩ năng tương ứng.

* *Quy trình áp dụng phương pháp Giải quyết vấn đề:*

- *Xác định, nhận dạng vấn đề:* Bước đầu tiên là xác định rõ ràng vấn đề cần giải quyết. Đây có thể là một câu hỏi, một tình huống hoặc một thách thức mà HS cần tìm ra giải pháp.

- *Thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề đặt ra:* HS cần thu thập dữ liệu và thông tin liên quan đến vấn đề. Điều này bao gồm việc đọc tài liệu, tìm kiếm thông tin, nghiên cứu sách báo,...

- Liệt kê các cách giải quyết: HS đưa ra danh sách các giải pháp khả thi cho vấn đề. Đây là bước sáng tạo, khuyến khích HS nghĩ ra càng nhiều giải pháp càng tốt mà không đánh giá ngay lập tức.

- Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết: HS cần phân tích từng giải pháp, đánh giá những ưu điểm và nhược điểm, tác động tích cực và tiêu cực liên quan. Điều này giúp các em hiểu rõ hơn về tính khả thi và hiệu quả của từng giải pháp.

- So sánh kết quả các cách giải quyết: Sau khi phân tích từng giải pháp, HS cần so sánh các kết quả này để tìm ra giải pháp tốt nhất. So sánh dựa trên các tiêu chí như hiệu quả, khả thi, chi phí, thời gian và tác động.

- Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất: Dựa trên phân tích và so sánh, HS sẽ chọn ra giải pháp tốt nhất để thực hiện. Quyết định này cần được cân nhắc kỹ lưỡng, dựa trên các tiêu chí đã đặt ra.

- Thực hiện theo cách giải quyết đã lựa chọn: HS sẽ tiến hành thực hiện giải pháp đã chọn. Bước này bao gồm việc lập kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ và triển khai các hoạt động cần thiết.

- Rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác: Sau khi thực hiện, HS cần đánh giá kết quả và rút ra bài học kinh nghiệm. Điều này giúp cải thiện kỹ năng giải quyết vấn đề và áp dụng những kinh nghiệm đã học vào các tình huống tương lai.

** Ưu điểm của phương pháp Giải quyết vấn đề:*

- Phát triển tư duy logic và sáng tạo: PP này khuyến khích HS suy luận, phân tích và tìm ra các giải pháp sáng tạo. Qua đó, HS phát triển tư duy logic, khả năng phân tích vấn đề và tư duy sáng tạo.

- Tăng cường kỹ năng giải quyết vấn đề: PP giúp HS rèn luyện kỹ năng xác định vấn đề, phân tích nguyên nhân, lập kế hoạch và đưa ra giải pháp. Kỹ năng này hữu ích trong học tập và cả trong cuộc sống hằng ngày.

- Nâng cao khả năng tự học và tự chủ: Khi phải tự tìm hiểu và giải quyết vấn đề, HS có cơ hội rèn luyện khả năng tự học và tự điều chỉnh quá trình học tập, từ đó hình thành thói quen học tập tích cực và chủ động.

- Tăng cường tính kiên trì và trách nhiệm: Quá trình giải quyết vấn đề đòi hỏi sự kiên trì và trách nhiệm trong việc hoàn thành nhiệm vụ. Điều này giúp HS học cách chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.

- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp: PP giải quyết vấn đề thường được thực hiện dưới hình thức làm việc nhóm, giúp HS rèn luyện kỹ năng giao tiếp, lắng nghe ý kiến của người khác và hợp tác trong nhóm.

** Hạn chế của phương pháp Giải quyết vấn đề:*

- Đòi hỏi nhiều thời gian và công sức: PP này thường đòi hỏi nhiều thời gian để HS có thể tìm hiểu, phân tích và tìm ra giải pháp cho vấn đề.

- Phụ thuộc vào năng lực và sự hứng thú của HS: HS cần có nền tảng kiến thức, kĩ năng phân tích và tư duy nhất định để có thể tham gia vào quá trình giải quyết vấn đề.

- Yêu cầu cao về trình độ và kĩ năng của GV: Để thực hiện PPDH giải quyết vấn đề, GV cần có khả năng thiết kế các vấn đề phù hợp, hướng dẫn HS một cách linh hoạt và biết cách khơi gợi sự suy nghĩ, tìm tòi ở HS.

- Khó đánh giá kết quả học tập: Việc đánh giá HS qua PPDH giải quyết vấn đề có thể phức tạp vì cần phải xem xét quá trình học tập, cách thức giải quyết vấn đề và kết quả cuối cùng. Điều này có thể gây khó khăn trong việc đưa ra các tiêu chí đánh giá cụ thể và công bằng.

** Lưu ý khi áp dụng phương pháp Giải quyết vấn đề:*

- Lựa chọn tình huống có vấn đề phù hợp với mục tiêu bài học, gắn với bối cảnh cuộc sống. Việc lựa chọn như vậy giúp HS đạt được mục tiêu phát triển năng lực và đồng thời gây hứng thú, kích thích tư duy HS.

- HS cần được trang bị những phương tiện, đồ dùng dạy học cần thiết và phù hợp để giải quyết vấn đề.

- Nên tổ chức cho HS giải quyết vấn đề theo nhóm: Khi làm việc theo nhóm, HS hợp tác cùng nhau để đề xuất, thử các phương án giải quyết vấn đề và tìm ra kiến thức cần thiết.

- Khi đánh giá, ngoài kết quả là kiến thức và kĩ năng, cần chú trọng đến quá trình HS tư duy, thực hiện hoạt động. Khi đó, GV cần đề nghị HS trình bày, giải thích quá trình giải quyết vấn đề của mình, tạo điều kiện cho tranh luận, bổ sung ý kiến.

Như vậy, việc vận dụng một cách phù hợp PPDH giải quyết vấn đề có thể giúp HS phát triển một số năng lực khác nhau như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp,...

1.2.4.2. Phương pháp Thảo luận nhóm

** Khái niệm:* PP Thảo luận nhóm là PPDH tích cực trong đó HS của một lớp học được chia thành các nhóm nhỏ, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm được trình bày và đánh giá trước lớp.

PP Thảo luận nhóm còn được gọi bằng những tên khác nhau như: dạy học hợp tác, dạy học theo nhóm nhỏ, dạy học nhóm,...

Một trong những đặc trưng cơ bản của PP Thảo luận nhóm là HS tương tác với nhau trong nhóm nhỏ, chia sẻ, trao đổi, hợp tác để cùng nhau thực hiện nhiệm vụ và tìm ra kết quả học tập chung.

PP Thảo luận nhóm nếu được tổ chức tốt sẽ phát huy tính tích cực, trách nhiệm; phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp của HS.

** Tiêu chí để thành lập nhóm:*

- Nhóm gồm những người tự nguyện tham gia, có thể đã chơi với nhau từ trước.

- Các nhóm có thể được tự sắp xếp, hoặc gọi theo danh sách, hoặc đếm theo số thứ tự.

- Phân nhóm dựa vào năng lực học tập.

- Phân chia các nhóm có bài tập khác nhau.

- Các nhóm cố định trong một thời gian dài.

- Các bạn có học lực khá có thể hỗ trợ các bạn HS yếu kém.

** Quy trình áp dụng phương pháp Thảo luận nhóm:*

- Cả lớp làm việc: GV giới thiệu về bài học, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm và tiến hành phân chia nhóm.

- Làm việc nhóm: HS sẽ tự phân bố vị trí làm việc trong nhóm, lập kế hoạch về việc cần làm và đề ra các quy tắc làm việc chung với nhau.

- Giải quyết các công việc được giao: Các nhóm sẽ tiến hành thảo luận, tìm phương án và lần lượt báo cáo kết quả trước cả lớp.

- Đánh giá và nhận xét: Các nhóm nhận xét, GV nhận xét chung, đánh giá về kết quả báo cáo của các nhóm và tổng kết lại kiến thức cho buổi học.

** Ưu điểm của phương pháp Thảo luận nhóm:*

- Phát huy khả năng làm việc và tinh thần trách nhiệm của HS.

- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, biết lắng nghe và phản hồi có hiệu quả.

- Thảo luận nhóm tạo cơ hội cho HS học hỏi lẫn nhau, cùng nhau giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Tăng sự tự tin của HS: Tham gia thảo luận và trình bày ý kiến trước nhóm giúp HS tự tin hơn trong giao tiếp và thể hiện quan điểm cá nhân.

** Hạn chế của phương pháp Thảo luận nhóm:*

- Kết quả nhiều khi không đúng với mong muốn ban đầu: Do sự khác biệt về quan điểm và trình độ giữa các thành viên trong nhóm, đôi khi kết quả thảo luận không đạt như kì vọng.

- Lớp dễ bị ồn ào: Khi thảo luận nhóm, tiếng ồn có thể tăng lên do nhiều HS trao đổi cùng lúc, làm ảnh hưởng đến sự tập trung của các nhóm khác và gây khó khăn cho GV trong việc kiểm soát lớp học.

- Sự tham gia của các thành viên không đồng đều: Trong một nhóm, có thể chỉ một vài HS tích cực, số còn lại thụ động, không đóng góp ý kiến. HS yếu có thể ỷ lại vào bạn khác, làm giảm hiệu quả học tập.

** Lưu ý khi áp dụng phương pháp Thảo luận nhóm:*

- Nội dung thảo luận phải phù hợp với mục tiêu bài học.
- Nhóm HS cần được tổ chức một cách phù hợp. Chú ý số lượng HS trong mỗi nhóm sao cho tối ưu và trình độ HS trong nhóm.
- Cần đánh giá cả kết quả và quá trình HS thảo luận nhóm.

1.2.4.3. Phương pháp Trò chơi học tập

** Khái niệm:* PP Trò chơi học tập là PPDH tích cực, trong đó GV tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay thử nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó. Đồng thời, giúp các em hình thành được kiến thức hay kỹ năng cần thiết.

Vui chơi là một nhu cầu không thể thiếu của HS tiểu học. Vận dụng trò chơi trong dạy học được thực hiện theo phương châm “học mà chơi, chơi mà học”. Trò chơi đòi hỏi HS phải nỗ lực huy động trí tuệ cao độ, bộc lộ thái độ tích cực, cảm xúc mãnh liệt, phối hợp và hợp tác với nhau một cách phù hợp (đối với trò chơi đồng đội) để đạt được kết quả tối ưu và giành chiến thắng.

** Quy trình áp dụng phương pháp Trò chơi học tập*

- Giới thiệu trò chơi: GV phổ biến tên trò chơi, nội dung và luật chơi cho HS. Trong bước này, GV cần giải thích rõ ràng để HS nắm được cách chơi, mục tiêu và những quy định cần tuân thủ trong trò chơi.

- Chơi thử (nếu cần thiết): GV có thể tổ chức một lần chơi thử để HS làm quen với luật chơi và hình thức của trò chơi. Chơi thử giúp HS hiểu rõ hơn về cách tham gia cũng như tạo cơ hội để giải đáp những thắc mắc nếu có.

- HS tham gia chơi: Sau khi đã nắm rõ cách thức, HS tiến hành tham gia trò chơi theo đúng nội dung và luật đã quy định. GV sẽ theo dõi, hỗ trợ và đảm bảo trò chơi diễn ra đúng quy định, tạo điều kiện để HS hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Đánh giá sau trò chơi: GV đánh giá kết quả và mức độ tham gia của HS trong trò chơi, có thể dựa trên sự nhiệt tình, tính đúng sai hoặc kỹ năng HS đã thể hiện. Đánh giá này giúp GV hiểu thêm về mức độ hiểu bài và khả năng thực hành của HS.

- Thảo luận về ý nghĩa giáo dục của trò chơi: GV và HS cùng thảo luận để rút ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi. Đây là bước quan trọng giúp HS nhận thức được kiến thức và kỹ năng đã học qua trò chơi, cũng như cách áp dụng vào thực tế.

Quy trình này không chỉ giúp HS hứng thú hơn với bài học mà còn khuyến khích khả năng sáng tạo, phát triển kỹ năng giao tiếp và tinh thần làm việc nhóm trong quá trình học tập.

** Ưu điểm của phương pháp Trò chơi học tập*

- Tăng cường sự hứng thú và tích cực của HS: Trò chơi tạo không khí vui vẻ, giúp HS cảm thấy thoải mái và có động lực học tập. Khi tham gia vào trò chơi, HS có xu hướng chú ý và tham gia tích cực hơn vào bài học.

- Giúp HS ghi nhớ kiến thức tốt hơn: Việc học qua trò chơi giúp HS dễ dàng ghi nhớ kiến thức thông qua các hoạt động trải nghiệm, thay vì chỉ học lý thuyết. Những trải nghiệm thực tế trong trò chơi thường để lại ấn tượng sâu sắc và dễ nhớ.

- Phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm: Trò chơi thường yêu cầu HS tương tác, hợp tác với nhau, giúp rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau và nâng cao tinh thần làm việc nhóm.

- Tăng khả năng phản xạ và giải quyết vấn đề: Tham gia trò chơi giúp HS rèn luyện khả năng phản xạ nhanh và tư duy linh hoạt, từ đó phát triển khả năng giải quyết vấn đề qua những tình huống thực tế.

- Trò chơi có thể được kết hợp với các yếu tố như hình ảnh, âm thanh, vận động, ... nhằm tăng tính hấp dẫn và tạo không khí sôi nổi cho tiết học.

** Hạn chế của phương pháp Trò chơi học tập*

- Dễ gây mất trật tự: Trò chơi có thể khiến HS bị kích động, dễ dẫn đến mất trật tự, đặc biệt là khi số lượng HS đông và việc quản lý lớp học khó khăn. Nếu GV không kiểm soát tốt, trò chơi có thể ảnh hưởng đến không khí học tập chung.

- Tốn nhiều thời gian chuẩn bị: Một số trò chơi đòi hỏi GV phải chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung, luật chơi, dụng cụ hỗ trợ và hướng dẫn, dễ làm mất nhiều thời gian của cả GV và HS.

- Dễ làm HS phân tâm vào tính giải trí hơn là nội dung học tập: Nếu không được hướng dẫn rõ ràng, HS có thể chú trọng vào mục tiêu thắng thua thay vì bài học, từ đó mất đi ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

** Lưu ý khi áp dụng phương pháp Trò chơi học tập*

- Trò chơi phải phục vụ cho mục tiêu đã xác định của bài học.

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề bài học, với đặc điểm và trình độ HS, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HS.

- Chọn HS chơi sao cho đông đảo HS được tham gia trò chơi, ưu tiên cho những em rụt rè, nhút nhát, chưa có kỹ năng tham gia trò chơi, tạo sự cân

sức giữa các đội chơi,... Nếu chỉ chọn những em quen thuộc, nhanh nhẹn, hoạt bát, giỏi giang, thành thạo, các đội chơi không cân sức thì sẽ làm giảm hứng thú, giảm hiệu quả của việc phát triển năng lực HS.

- Nên tổ chức trò chơi đồng đội nhằm tạo điều kiện cho các em phối hợp, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, nhiều HS được tham gia, gây hứng thú, tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các đội,...

- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, tạo điều kiện cho HS tham gia tổ chức, điều khiển các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.

1.2.4.4. Phương pháp Điều tra

* *Khái niệm:* PP Điều tra là PPDH tích cực trong đó HS được khuyến khích khám phá và thu thập thông tin qua các hoạt động điều tra, nghiên cứu thực tế hoặc tìm hiểu dữ liệu để trả lời các câu hỏi hoặc giải quyết vấn đề. PPDH điều tra thúc đẩy HS chủ động học hỏi, suy luận và tự phát hiện ra kiến thức thông qua thực hành và trải nghiệm thực tế.

* *Quy trình áp dụng phương pháp Điều tra:*

- Xác định vấn đề hoặc câu hỏi điều tra: GV đưa ra một vấn đề hoặc câu hỏi cụ thể để HS điều tra. Vấn đề này cần rõ ràng, kích thích tò mò và có ý nghĩa thực tiễn hoặc liên quan đến nội dung bài học.

- Lập kế hoạch điều tra: HS lập kế hoạch cho quá trình điều tra bao gồm các hoạt động cần làm, PP thu thập dữ liệu, nguồn thông tin sẽ tìm kiếm và các công cụ hỗ trợ. GV hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch phù hợp.

- Thu thập thông tin: HS tiến hành thu thập thông tin từ nhiều nguồn như tài liệu sách báo, internet, khảo sát thực tế, phỏng vấn hoặc tiến hành thí nghiệm, quan sát.

- Xử lý và phân tích thông tin: HS phân tích và xử lý dữ liệu thu thập được để tìm ra những điểm chính liên quan đến vấn đề điều tra. GV có thể hỗ trợ HS trong việc định hướng cách tổ chức và sắp xếp thông tin một cách khoa học.

- Rút ra kết luận: HS tổng hợp kết quả từ quá trình phân tích để rút ra kết luận trả lời cho câu hỏi hoặc vấn đề ban đầu. Kết luận này có thể là thông tin mới, một giải pháp hoặc một hiểu biết sâu hơn về vấn đề điều tra.

- Trình bày và đánh giá: HS trình bày kết quả điều tra của mình cho GV và các bạn trong lớp thông qua báo cáo, thuyết trình hoặc sản phẩm trực quan. Sau đó, GV và các bạn sẽ đánh giá kết quả, góp ý và phản hồi để hoàn thiện kỹ năng điều tra và trình bày của HS.

** Ưu điểm của phương pháp Điều tra:*

- Kích thích sự tò mò và sáng tạo của HS: PPDH điều tra khuyến khích HS tìm hiểu, khám phá và phát hiện kiến thức mới, từ đó tạo ra sự hứng thú, chủ động và sáng tạo trong học tập.

- Phát triển tư duy phản biện và giải quyết vấn đề: PP này giúp HS rèn luyện tư duy logic, suy luận và phân tích thông tin để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.

- Tăng cường kỹ năng thực hành và làm việc độc lập: Qua các hoạt động điều tra, HS rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tổ chức và xử lý dữ liệu. Điều này giúp HS học cách làm việc một cách độc lập và phát triển tính kỉ luật.

- Phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác: Trong quá trình điều tra, HS có thể làm việc theo nhóm, phối hợp với nhau để thu thập và phân tích thông tin, từ đó phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả.

- Gắn kiến thức với thực tiễn: PPDH điều tra giúp HS hiểu rõ hơn ý nghĩa của việc học và có cái nhìn sâu sắc hơn về vấn đề nghiên cứu.

** Hạn chế của phương pháp Điều tra:*

- Tốn thời gian và công sức: PP điều tra đòi hỏi HS và GV phải dành nhiều thời gian cho việc tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin. Với những chủ đề phức tạp, việc điều tra có thể kéo dài, khó phù hợp với thời lượng lớp học cố định và có thể ảnh hưởng đến tiến độ dạy học.

- Khó khăn trong quản lí và hướng dẫn: Khi HS thực hiện điều tra theo nhóm hoặc cá nhân, GV cần phải theo dõi, hướng dẫn và quản lí để đảm bảo HS đi đúng hướng và không bị sa đà vào những thông tin ngoài lề. Điều này đòi hỏi GV có kỹ năng quản lí tốt, nhưng có thể gặp khó khăn trong các lớp đông HS.

- Dễ dẫn đến thông tin sai lệch nếu HS không biết cách chọn lọc: Khi tự tìm kiếm thông tin, HS có thể gặp phải nguồn thông tin không đáng tin cậy hoặc thông tin chưa được kiểm chứng. Nếu không có kỹ năng chọn lọc và phân tích, HS có thể bị ảnh hưởng bởi các nguồn thông tin sai lệch.

- Đòi hỏi kỹ năng và sự chủ động của HS: PPDH điều tra yêu cầu HS phải chủ động, kiên nhẫn và có kỹ năng tư duy độc lập.

- Yêu cầu cao về tài liệu và nguồn lực hỗ trợ: Một số dự án điều tra có thể yêu cầu các tài liệu chuyên sâu, công cụ hoặc phương tiện đặc biệt. Nếu điều kiện tài liệu hoặc cơ sở vật chất tại trường không đáp ứng đủ, HS sẽ khó có thể thực hiện điều tra một cách hiệu quả.

** Lưu ý khi áp dụng phương pháp Điều tra:*

- Lựa chọn vấn đề hoặc câu hỏi điều tra phù hợp: GV nên lựa chọn các chủ đề điều tra vừa phù hợp với trình độ, khả năng của HS, vừa có tính thực tiễn và kích thích sự tò mò, hứng thú. Vấn đề nên rõ ràng, dễ hiểu và có khả năng điều tra, giúp HS không bị lúng túng và đi sai hướng.

- Hướng dẫn HS kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin: Để tránh tình trạng thông tin sai lệch, GV cần hướng dẫn HS cách chọn lọc, phân tích và đánh giá độ tin cậy của các nguồn thông tin. HS cũng nên được hướng dẫn về cách ghi chép và hệ thống dữ liệu để thuận tiện cho việc tổng hợp sau này.

- Giám sát và hỗ trợ kịp thời: GV cần theo dõi sát sao quá trình thực hiện điều tra của HS, kịp thời can thiệp và hướng dẫn khi HS gặp khó khăn. Việc hỗ trợ kịp thời giúp HS không bị lệch hướng và tạo động lực để các em tiếp tục quá trình điều tra.

- Xây dựng kế hoạch điều tra rõ ràng: GV và HS nên cùng nhau lập kế hoạch điều tra chi tiết, bao gồm các bước cần thực hiện, nguồn thông tin, PP, phương tiện thu thập và thời gian thực hiện.

- Đảm bảo tài nguyên và điều kiện hỗ trợ: Để quá trình điều tra đạt hiệu quả, GV nên đảm bảo HS có đủ tài nguyên như tài liệu, thiết bị hoặc các công cụ hỗ trợ. Nếu điều kiện không cho phép, GV có thể điều chỉnh phạm vi điều tra sao cho phù hợp với nguồn lực hiện có.

- Tôn trọng sự đa dạng về cách tiếp cận và ý tưởng của HS: Trong quá trình điều tra, HS có thể đưa ra những quan điểm và cách tiếp cận khác nhau. GV cần khuyến khích sự sáng tạo và cho phép HS tự do trình bày ý tưởng của mình, miễn là phù hợp với mục tiêu điều tra.

- Chuẩn bị phương án đánh giá phù hợp: GV nên xây dựng các tiêu chí đánh giá rõ ràng để đánh giá toàn diện quá trình và kết quả điều tra của HS. Tiêu chí nên xem xét không chỉ kết quả cuối cùng mà còn cả quá trình làm việc, kĩ năng tìm kiếm, khả năng phân tích và tinh thần hợp tác của HS.

Việc áp dụng PPDH điều tra đòi hỏi GV cần linh hoạt, hướng dẫn rõ ràng và theo sát quá trình học tập của HS để giúp các em phát triển kĩ năng và đạt được kết quả tốt nhất.

1.2.4.5. Phương pháp Dự án

** Khái niệm:* PP dự án là PP trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, kết hợp lí thuyết với thực hành.

Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao, từ việc lập kế hoạch đến việc thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện dự án. Hình

thức làm việc chủ yếu là theo nhóm. Kết quả dự án là những sản phẩm có thể giới thiệu được.

** Quy trình áp dụng phương pháp Dự án*

- Bước 1: Lập kế hoạch

+ Lựa chọn chủ đề: GV và HS cùng nhau chọn chủ đề của dự án, thường là các vấn đề có tính thực tiễn hoặc liên quan đến nội dung bài học.

+ Xây dựng tiêu chủ đề: Chủ đề lớn được chia thành các chủ đề nhỏ hơn để mỗi nhóm hoặc mỗi HS có thể thực hiện một phần công việc cụ thể.

+ Lập kế hoạch các nhiệm vụ học tập: GV và HS cùng lập kế hoạch chi tiết về các nhiệm vụ cần thực hiện, bao gồm xác định nguồn tài liệu, công cụ cần thiết và phân công vai trò cụ thể cho từng thành viên. Kế hoạch cũng cần đề ra thời gian hoàn thành cho từng nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện dự án

+ Thu thập thông tin: HS tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn như sách, báo, internet, hoặc các nguồn tài liệu địa phương. Mục đích là thu thập dữ liệu có liên quan để phục vụ cho việc thực hiện dự án.

+ Thực hiện điều tra: Tùy vào chủ đề, HS có thể tiến hành các hoạt động điều tra thực tế như khảo sát, phỏng vấn, hoặc thực hành thí nghiệm để có thêm dữ liệu chính xác và phong phú.

+ Thảo luận với các thành viên khác: Các thành viên nhóm thường xuyên thảo luận để chia sẻ tiến độ, đưa ra ý kiến và điều chỉnh kế hoạch.

+ Tham vấn GV hướng dẫn: Trong quá trình thực hiện, HS có thể tham khảo ý kiến của GV để nhận được hướng dẫn và giải quyết các vấn đề gặp phải. GV đóng vai trò người hỗ trợ, định hướng và đảm bảo quá trình thực hiện đi đúng hướng.

- Bước 3: Tổng hợp kết quả

+ Tổng hợp các kết quả: Sau khi hoàn thành các nhiệm vụ, HS tổng hợp và hệ thống lại toàn bộ kết quả thu được. Đây là quá trình phân tích, đánh giá và lựa chọn thông tin để chuẩn bị cho việc xây dựng sản phẩm.

+ Xây dựng sản phẩm: HS sử dụng kết quả và thông tin đã tổng hợp để xây dựng sản phẩm cuối cùng của dự án. Sản phẩm có thể là báo cáo, bài thuyết trình, mô hình hoặc sản phẩm thực tế khác tùy vào yêu cầu của dự án.

+ Trình bày kết quả: HS trình bày sản phẩm dự án trước lớp hoặc GV, nêu rõ các kết quả đã đạt được và ý nghĩa của dự án.

+ Phản ánh lại quá trình học tập: HS và GV cùng thảo luận và đánh giá lại quá trình học tập. Mục đích là rút ra bài học từ những gì đã làm, xác định những điểm mạnh và những khía cạnh cần cải thiện cho các dự án sau.

Quy trình này giúp HS có cơ hội thực hành, khám phá và sáng tạo, đồng thời phát triển nhiều kỹ năng học tập quan trọng như kỹ năng tìm kiếm thông tin, hợp tác nhóm và tư duy phản biện.

** Ưu điểm của phương pháp Dự án*

- Phát triển kỹ năng thực hành và tư duy độc lập: HS được tham gia vào các hoạt động thực tế, giúp rèn luyện kỹ năng thu thập, phân tích thông tin và giải quyết vấn đề. PP này khuyến khích HS tư duy độc lập, tự mình tìm kiếm kiến thức thay vì chỉ tiếp thu từ GV.

- Tăng cường tính sáng tạo và chủ động: Trong quá trình thực hiện dự án, HS có thể phát triển sự sáng tạo và tinh thần chủ động. Từng thành viên sẽ đóng góp ý tưởng và tham gia vào việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, giúp phát huy tối đa khả năng cá nhân.

- Phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp: Dạy học theo dự án thường diễn ra dưới hình thức làm việc nhóm, giúp HS rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, lắng nghe và giao tiếp hiệu quả. Qua đó, các em học cách chia sẻ, phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau.

- Gắn kiến thức với thực tiễn: PPDH dự án giúp HS áp dụng kiến thức lý thuyết vào các tình huống thực tế, làm cho nội dung học trở nên gần gũi và có ý nghĩa hơn. Điều này giúp các em hiểu rõ hơn ý nghĩa của việc học và ứng dụng vào cuộc sống.

- Tăng cường hứng thú và động lực học tập: Việc tham gia vào các dự án giúp HS cảm thấy học tập thú vị hơn, từ đó tạo ra động lực và niềm đam mê trong học tập. Các em không chỉ học để đạt điểm mà còn để thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu và khám phá của mình.

** Hạn chế của phương pháp Dự án*

- Tốn nhiều thời gian: Thực hiện một dự án đòi hỏi nhiều thời gian để thu thập thông tin, điều tra, xây dựng sản phẩm và tổng kết kết quả. Nếu không được sắp xếp hợp lý, PP này có thể ảnh hưởng đến tiến độ học tập của các môn khác.

- Khó quản lý và đánh giá: Trong một nhóm dự án, có thể có sự chênh lệch về đóng góp giữa các thành viên, không phải lúc nào GV cũng có thể đánh giá chính xác hiệu quả học tập của từng HS. Điều này có thể dẫn đến đánh giá không công bằng.

- Đòi hỏi cao về năng lực tổ chức của GV: GV cần có kỹ năng tổ chức và quản lý tốt để hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ HS trong suốt quá trình thực hiện dự án. PP này đòi hỏi sự linh hoạt và khả năng xử lý tình huống cao.

- Phụ thuộc vào tài nguyên và điều kiện hỗ trợ: Một số dự án có thể yêu cầu tài liệu, công cụ hoặc phương tiện hỗ trợ đặc biệt, điều này có thể khó khăn nếu trường học không đủ điều kiện cung cấp. Thiếu tài nguyên có thể khiến dự án khó đạt được kết quả như mong đợi.

- Dễ gây mất cân bằng giữa lí thuyết và thực hành: PPDH dự án thường tập trung vào việc thực hành và áp dụng nên có thể làm giảm thời gian dành cho lí thuyết. Điều này có thể gây khó khăn trong việc đảm bảo HS nắm vững kiến thức nền tảng.

Nhìn chung, PPDH dự án là một PP hiệu quả trong việc nâng cao kĩ năng và sự tự chủ của HS. Tuy nhiên, GV cần cân nhắc kĩ lưỡng và chuẩn bị tốt để phát huy tối đa lợi ích và khắc phục các hạn chế của PP này.

** Lưu ý khi áp dụng phương pháp Dự án*

- Các dự án học tập cần góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội; có sự kết hợp giữa nghiên cứu lí thuyết và vận dụng lí thuyết vào hoạt động thực tiễn, thực hành.

- Nhiệm vụ dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng của HS.

- HS được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân.

- Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.

- Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm.

- Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lí thuyết; sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

1.2.4.6. Phương pháp Đóng vai

** Khái niệm:* PP Đóng vai là PP tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là PP nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được. Việc “diễn” không phải là phần chính của PP này mà điều quan trọng là sự thảo luận sau phần diễn ấy.

** Quy trình áp dụng phương pháp Đóng vai*

- Bước 1: GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó có quy định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

- Bước 2: Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.

- Bước 3: Các nhóm lên đóng vai.

- Bước 4: Lớp thảo luận, nhận xét về cách ứng xử và cảm xúc của các vai diễn; về ý nghĩa của các cách ứng xử.

- Bước 5: GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho.

** Ưu điểm của phương pháp Đóng vai*

- Phát triển kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống: PPDH đóng vai giúp HS rèn luyện kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong các tình huống giả định.

- Tăng cường khả năng diễn đạt và tự tin: Khi thực hiện đóng vai, HS được rèn luyện khả năng diễn đạt ý tưởng, biểu cảm qua ngôn ngữ và cử chỉ, giúp các em tự tin hơn khi giao tiếp.

- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm: PPDH đóng vai thường tổ chức dưới hình thức làm việc nhóm, giúp HS học cách lắng nghe, phối hợp và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác, phát huy tinh thần đồng đội và kỹ năng làm việc nhóm.

- Khởi gợi sự sáng tạo và hứng thú học tập: Đóng vai khuyến khích HS sáng tạo trong cách diễn xuất và xử lý tình huống, giúp các em cảm thấy học tập thú vị, chủ động và gắn kết hơn.

- Gắn kiến thức với thực tiễn: Qua các tình huống thực tế giả định, HS không chỉ học kiến thức lý thuyết mà còn học cách áp dụng vào cuộc sống, làm cho bài học trở nên sinh động và có ý nghĩa hơn.

** Hạn chế của phương pháp Đóng vai*

- Tốn nhiều thời gian: Đóng vai đòi hỏi thời gian để HS chuẩn bị kịch bản, luyện tập và trình diễn. Với thời lượng hạn chế của tiết học, GV có thể gặp khó khăn trong việc bố trí thời gian để đảm bảo tiến độ.

- Khó khăn trong việc quản lý lớp học: PP yêu cầu HS tự do sáng tạo và thể hiện, điều này có thể dẫn đến không khí lớp học sôi nổi nhưng cũng khó quản lý và dễ gây mất trật tự nếu lớp đông HS hoặc HS chưa quen với PP.

- Yêu cầu sự tự tin của HS: Không phải HS nào cũng tự tin khi diễn xuất trước lớp, một số em có thể cảm thấy ngại ngùng và không thể hiện hết khả năng của mình.

- Khó đánh giá kết quả một cách toàn diện: Việc đánh giá kết quả học tập qua đóng vai có thể gặp khó khăn vì mỗi HS có cách thể hiện và diễn đạt khác nhau. Đánh giá công bằng đòi hỏi GV cần có tiêu chí rõ ràng, nhưng điều này đôi khi vẫn khó đảm bảo tính toàn diện.

** Lưu ý khi áp dụng phương pháp Đóng vai*

- GV nên chọn các nội dung phù hợp với lứa tuổi, trình độ của HS và có tính ứng dụng thực tế cao, giúp HS dễ dàng nhập vai và rút ra ý nghĩa.

- Đưa ra hướng dẫn rõ ràng: GV cần giải thích kỹ yêu cầu của hoạt động, vai trò và quy định cho từng nhóm. Thời gian chuẩn bị, thời gian trình diễn cần được thông báo rõ ràng để tránh kéo dài hoặc lộn xộn.

- Hỗ trợ và định hướng HS khi cần thiết: Trong quá trình HS chuẩn bị đóng vai, GV nên giám sát và hướng dẫn kịp thời nếu các em đi lệch hướng hoặc gặp khó khăn trong việc xây dựng tình huống. GV có thể đưa ra gợi ý hoặc mẫu để HS hiểu rõ yêu cầu hơn.

- Khuyến khích sự sáng tạo và tự tin của HS: GV nên tạo điều kiện để các em tự do thể hiện ý tưởng, khuyến khích tinh thần tự tin và sáng tạo giúp HS thể hiện cảm xúc và phát huy hết khả năng của mình.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng: Để đảm bảo công bằng, GV cần đưa ra tiêu chí đánh giá cụ thể. Điều này giúp GV dễ dàng đánh giá và HS hiểu rõ yêu cầu cần đạt.

- Đảm bảo môi trường học tập tích cực và an toàn: Trong suốt quá trình đóng vai, GV cần tạo ra môi trường học tập thân thiện, khuyến khích HS lắng nghe và tôn trọng ý kiến của bạn bè.

Việc áp dụng PPDH đóng vai hiệu quả sẽ giúp HS học tập tích cực hơn nhưng cần GV chuẩn bị kỹ lưỡng và điều chỉnh phù hợp để tận dụng tối đa lợi ích của PP này.

1.2.4.7. Phương pháp Dạy học theo góc

* *Khái niệm*: PPDH theo góc là PPDH tích cực trong đó HS thực hiện các nhiệm vụ khác nhau tại các vị trí xác định trong không gian lớp học nhưng cùng hướng tới chiếm lĩnh một nội dung học tập theo các phong cách học khác nhau, đảm bảo cho HS học sâu và học thoải mái.

** Quy trình áp dụng PPDH theo góc*

- Bước 1: Chuẩn bị và tổ chức các góc học tập

+ Lựa chọn nội dung học tập: GV lựa chọn nội dung bài học có thể triển khai dưới nhiều hình thức và phong cách học tập. Các nội dung nên được phân chia thành các nhiệm vụ hoặc hoạt động riêng biệt, phù hợp cho từng góc.

+ Xác định và sắp xếp các góc học tập: GV xác định số lượng và nội dung của từng góc, mỗi góc đại diện cho một phong cách học khác nhau, ví dụ: góc đọc, góc thực hành, góc thảo luận, góc sáng tạo. Mỗi góc cần trang bị các tài liệu, dụng cụ cần thiết cho nhiệm vụ học tập tại đó.

+ Chuẩn bị tài liệu, công cụ: GV chuẩn bị tài liệu, phiếu bài tập, thiết bị và các đồ dùng cần thiết cho từng góc, đảm bảo HS có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm nhỏ tại mỗi góc.

- Bước 2: Phân công nhiệm vụ và hướng dẫn HS
 - + Nêu mục tiêu và yêu cầu của từng góc học tập: GV giải thích mục tiêu của bài học và nhiệm vụ tại từng góc, giúp HS hiểu rõ yêu cầu và cách thức làm việc tại mỗi góc.
 - + Phân chia nhóm HS hoặc cho HS tự chọn góc: GV có thể phân chia HS thành các nhóm nhỏ để thực hiện nhiệm vụ tại các góc hoặc cho phép HS tự chọn góc học tập theo sở thích và phong cách học tập của mình.
 - Bước 3: HS thực hiện nhiệm vụ tại các góc học tập
 - + Thực hiện nhiệm vụ tại từng góc: HS thực hiện nhiệm vụ tại góc mà mình được phân công hoặc lựa chọn. GV nên theo dõi và hỗ trợ HS khi cần thiết, đảm bảo các em hiểu và làm đúng yêu cầu.
 - + Luân chuyển góc: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tại một góc, HS có thể được di chuyển sang góc khác để trải nghiệm các cách học khác nhau, giúp các em tiếp cận kiến thức toàn diện hơn. Quá trình luân chuyển nên được sắp xếp theo trình tự và thời gian hợp lý.
 - Bước 4: Thảo luận và chia sẻ kết quả
 - + Thảo luận trong nhóm hoặc với cả lớp: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tại các góc, HS được khuyến khích thảo luận và chia sẻ kết quả của mình với các bạn trong nhóm hoặc cả lớp. GV có thể tổ chức một buổi thảo luận chung để HS trình bày những gì đã học được tại từng góc.
 - + Phân tích và so sánh các cách tiếp cận: GV hướng dẫn HS nhận xét, so sánh và phân tích các cách tiếp cận khác nhau từ các góc học tập, giúp các em nhận ra điểm mạnh của từng phong cách học và cách áp dụng vào các tình huống khác nhau.
 - Bước 5: GV kết luận và củng cố kiến thức
 - + Kết luận nội dung bài học: GV tổng kết và củng cố kiến thức của bài học, đảm bảo HS nắm vững nội dung trọng tâm.
 - + Đánh giá và rút kinh nghiệm: GV đánh giá quá trình học tập của HS tại từng góc, đưa ra nhận xét và rút kinh nghiệm để cải thiện PP học tập theo góc trong những buổi học sau.
- * Ưu điểm của PPDH theo góc*
- Tăng cường sự tham gia, tạo hứng thú cho HS: HS được chọn góc theo sở thích phù hợp với phong cách học, các hoạt động học tập đa dạng, luôn thay đổi nên tạo được hứng thú và sự thoải mái cho HS.
 - HS được học sâu và hiệu quả bền vững: HS được tìm hiểu một nội dung theo các cách khác nhau: nghiên cứu lý thuyết, thí nghiệm, quan sát và áp dụng.

- Các nhiệm vụ và hình thức học tập được thay đổi tại các góc tạo hứng thú, kích thích tính tích cực của HS, tránh sự nhàm chán, thụ động.

- GV có nhiều thời gian để hỗ trợ cá nhân, HS có nhiều cơ hội được trợ giúp, do đó tạo ra sự tương tác tích cực giữa GV với HS, giữa HS với HS thay cho độc thoại của GV trong suốt giờ học.

** Hạn chế của PPDH theo góc*

- GV cần thiết kế số góc phù hợp với nội dung và không gian lớp học.

- Cần nhiều thời gian cho hoạt động học tập: Cùng một nội dung nhưng HS được tiếp cận theo các cách khác nhau nên cần thời gian nhiều hơn. Ngoài ra, cần có thời gian hướng dẫn HS chọn góc, thời gian HS luân chuyển góc.

- GV cần nhiều thời gian cho chuẩn bị: GV phải thiết kế nhiệm vụ học tập cho các góc, đồ dùng phương tiện học tập tại mỗi góc; chuẩn bị, sắp đặt không gian phù hợp với các góc.

- GV phải quản lý chặt chẽ thời gian và việc luân chuyển góc của HS: Trong giờ học, khi HS học tại các góc, GV không chỉ quan sát hướng dẫn HS cách học tại góc mà còn phải quản lý việc chọn góc, di chuyển góc của HS để tránh lộn xộn, đảm bảo tất cả các HS đều được học tích cực ở đủ các góc. Đồng thời, phải quản lý chặt chẽ thời gian để không mất thời gian trong việc chọn góc, di chuyển và ổn định tổ chức tại các góc.

** Lưu ý khi áp dụng PPDH theo góc*

- Chọn nội dung bài học phù hợp với PP học theo góc.

- Không gian lớp học phù hợp với số góc học tập.

- Thiết bị đồ dùng, phương tiện dạy học và tư liệu đầy đủ theo nhiệm vụ của các góc.

- Số lượng HS phù hợp với không gian lớp học

- Trong quá trình HS hoạt động, GV thường xuyên theo dõi, quan sát, phát hiện khó khăn của HS để hỗ trợ kịp thời.

- Trước khi hết thời gian tối đa cho hoạt động tại mỗi góc, GV thông báo để HS nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị luân chuyển góc.

1.3. Hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4

1.3.1. Cấu trúc của Kế hoạch bài dạy

KHBD được xem là một sản phẩm trí tuệ của GV trong quá trình dạy học. KHBD do GV thiết kế bao gồm các hoạt động của HS và GV trong quá trình dạy học một bài học nhằm giúp HS đạt được yêu cầu cần đạt. KHBD được GV thực hiện chủ động, linh hoạt, phù hợp với đối tượng HS, điều kiện tổ chức dạy học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn

học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất. KHBD được điều chỉnh, bổ sung liên tục cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện tổ chức dạy học.

Trên cơ sở nghiên cứu chương trình, tài liệu dạy học và đối tượng HS, GV đề xuất các chiến lược dạy học thông qua việc hoạch định KHBD. KHBD là tác động sư phạm của GV đến HS, giúp các em rèn luyện kỹ năng, phát triển phẩm chất và năng lực; mặt khác, gia tăng sự chủ động của người dạy đối với các hoạt động, tình huống sư phạm.

KHBD cần thiết cho việc tổ chức các hoạt động dạy học trong thực tiễn ở nhà trường phổ thông, là “điểm tựa” để các nhà thực hành sư phạm có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các thông tin, các phương án tương tác sau khi thu nhận phản hồi và đánh giá hiệu quả người học.

Công văn 2345/BGDĐT-GDTH V/v Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học (ban hành ngày 07 tháng 6 năm 2021) đã đề xuất khung KHBD như sau:

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học:; lớp:

Tên bài học:; số tiết:

Thời gian thực hiện: ngày ... tháng ... năm ... (hoặc từ .../.../... đến .../.../...)

1. Yêu cầu cần đạt

2. Đồ dùng dạy học

3. Hoạt động dạy học

- Hoạt động Khởi động

- Hoạt động Khám phá kiến thức

- Hoạt động Luyện tập

- Hoạt động Vận dụng

- Hoạt động Mở rộng

4. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

Thiết kế KHBD môn Tiếng Việt ở tiểu học nói chung và môn Tiếng Việt lớp 4 nói riêng đều cần đảm bảo các nguyên tắc về tính hệ thống, tính khoa học, tính linh hoạt (tính mở) nhằm tường minh các thông tin về bài dạy, các định hướng rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói và nghe cho HS. KHBD chỉ phát huy vai trò của mình trong quá trình dạy học khi từng thành tố trong cấu trúc được trình bày sáng rõ, logic. Theo đó, yêu cầu cần đạt phải nêu cụ thể

những việc làm của HS, khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng họ đã rèn luyện vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn, trong cuộc sống. Yêu cầu cần đạt cũng cần nêu bật cơ hội hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực cụ thể thông qua bài học Tiếng Việt.

KHBD chú trọng các chỉ dẫn về đồ dùng, phương tiện dạy học; trong đó người thiết kế cần nêu rõ thiết bị, học liệu được khai thác, sử dụng trong bài dạy, qua từng hoạt động học tập. Đồ dùng dạy học cũng phản ánh tư duy khoa học, sự phạm của GV trong tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

Trong KHBD, các hoạt động dạy học cần có sự kết nối chặt chẽ với nhau. Theo đó, các hoạt động dạy học chủ yếu cần hướng đến kết quả đầu ra được nêu ở yêu cầu cần đạt; đồng thời tường minh cho việc vận dụng các PP, KTDH tích cực và những đồ dùng dạy học được đề xuất.

Hoạt động dạy học được cấu thành bởi hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS. Khi thiết kế các hoạt động dạy học trong KHBD, GV cần thiết kế sao cho GV thể hiện được vai trò hướng dẫn, tổ chức, đồng hành, kết nối và gia tăng các cơ hội chủ động, tích cực ở HS.

Một KHBD được đánh giá cao về tính mở, tính khả thi bên cạnh việc nhấn mạnh vị trí trung tâm trong hoạt động học tập, khám phá, chiếm lĩnh tri thức và rèn luyện kỹ năng của HS còn cần linh hoạt các phương án lựa chọn PP, phương tiện dạy học.

1.3.2. Hoạt động dạy học

Hoạt động dạy học là hoạt động được thực hiện theo một chiến lược, chương trình đã được thiết kế, tác động đến người học nhằm hướng tới mục tiêu hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Theo Chương trình GDPT 2018, cấu trúc một bài học thường gồm 5 hoạt động dạy học cơ bản, đó là: Khởi động, Khám phá kiến thức, Luyện tập, Vận dụng, Mở rộng.

Hoạt động Khởi động giúp HS “hâm nóng”, làm mới những kiến thức, kỹ năng, huy động vốn kinh nghiệm, giúp việc tiếp cận bài mới được thuận lợi. Ngoài ra, GV có thể đặt ra những vấn đề thực tế cuộc sống liên quan đến bài học nhằm kích thích trí tò mò, khơi gợi sự hứng thú của HS đối với bài học mới,... Cần tổ chức hoạt động Khởi động thông qua hoạt động cá nhân hoặc nhóm, hoặc tổ chức linh hoạt sao cho vừa giúp các em huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân, vừa xây dựng được ý thức hợp tác, tinh thần học tập lẫn nhau trong HS. Việc trao đổi với GV có thể thực hiện sau khi đã kết thúc hoạt động nhóm.

Hoạt động Khám phá kiến thức giúp HS phát hiện, chiếm lĩnh được kiến thức của bài học. Khi đó, GV đưa ra nhiệm vụ, công việc mà HS cần thực hiện như: giải quyết các tình huống có vấn đề, quan sát và thực hiện các thao tác với các đối tượng học tập (mô hình, vật thật, môi trường xung quanh...), khai thác thông tin từ kênh hình, kênh chữ của tài liệu, video clip,... để tìm ra, phát hiện ra kiến thức mới.

Hoạt động Luyện tập giúp HS vận dụng kiến thức chiếm lĩnh được qua hoạt động trước đó để hình thành kỹ năng, năng lực tương ứng. Khi đó, tốt nhất, GV nên đưa ra các tình huống có vấn đề liên quan đến bối cảnh thực tế để HS giải quyết. Cũng ở hoạt động này, HS còn trải nghiệm, liên hệ thực tế, củng cố kiến thức vừa khám phá,...

Hoạt động Vận dụng nhằm gợi ý, khuyến khích, tạo điều kiện cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng liên quan đến bài học vào thực tiễn cuộc sống của mình ở gia đình, trường học, cộng đồng, nơi công cộng,... Khi tham gia hoạt động này, HS tương tác không chỉ với bạn bè, mà còn với những người trong gia đình, cộng đồng; trong đó, các em vừa tác động đến những người xung quanh (như tuyên truyền những điều tốt đẹp, có ích,...), vừa chịu sự tác động của những người đó (như nhận được sự giúp đỡ của họ,...)

Hoạt động Mở rộng khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá. GV giao cho HS những nhiệm vụ nhằm bổ sung kiến thức và hướng dẫn các em tìm những nguồn tài liệu khác, cung cấp cho HS nguồn sách tham khảo và nguồn tài liệu trên mạng để HS tìm đọc thêm qua các kênh thông tin khác nhau như: internet, sách, báo, các nhà chuyên môn, thực tế địa phương,...

Tuy nhiên, tùy vào mục tiêu, nội dung bài học, đối tượng HS và thời lượng dạy học, GV có thể: lược bớt hoặc kết hợp một số hoạt động với nhau (ví dụ: gộp hoạt động Luyện tập và Vận dụng; gộp hoạt động Vận dụng và Mở rộng,...), điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với ngữ cảnh lớp học thực tế. Với một số bài luyện tập, bài ôn tập, hoặc tiết dạy tích hợp, có thể không cần đủ 5 hoạt động, mà tập trung vào các phần trọng tâm như Luyện tập và Vận dụng.

1.3.3. Đặc điểm của hoạt động dạy học Khám phá kiến thức

Trong cấu trúc bài học theo định hướng phát triển năng lực HS, hoạt động Khám phá kiến thức (còn gọi là Hình thành kiến thức mới) giữ vai trò trung tâm trong quá trình dạy học. Đây là giai đoạn chủ yếu nhằm tổ chức cho HS chiếm lĩnh tri thức mới thông qua sự tham gia chủ động, tích cực vào các

hoạt động học tập, thay vì tiếp thu một cách thụ động từ GV. Hoạt động này có các đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất: Tính chủ động – kiến tạo của người học

Hoạt động Khám phá kiến thức đặt người học vào vai trò trung tâm của quá trình học tập. Thay vì tiếp nhận tri thức một cách thụ động, HS tự kiến tạo tri thức thông qua quan sát, thực hành, thảo luận, phân tích và rút ra kết luận. Đây là biểu hiện rõ nét của mô hình dạy học kiến tạo, trong đó người học không đơn thuần là đối tượng tiếp nhận mà là chủ thể tích cực của hoạt động nhận thức.

Thứ hai: Tổ chức thông qua tình huống có vấn đề

Một trong những phương thức đặc trưng của hoạt động này là sử dụng tình huống có vấn đề để kích thích tư duy, tạo ra nhu cầu nhận thức. Tình huống cần phù hợp với trình độ HS, có tính gợi mở và gắn với thực tiễn, từ đó giúp HS hình thành câu hỏi, giả thuyết và khám phá kiến thức mới một cách tự nhiên, logic.

Thứ ba: Sử dụng đa dạng các PP và HTTC dạy học tích cực

Hoạt động Khám phá kiến thức thường được triển khai thông qua các PPDH tích cực như: thảo luận nhóm, dạy học theo dự án, trò chơi học tập, điều tra, thí nghiệm, dạy học theo trạm/góc,... Các PP này giúp HS tham gia trải nghiệm, tương tác, hợp tác và phản biện, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp thu tri thức.

Thứ tư: Tích hợp kiến thức với kỹ năng và thái độ

Không chỉ hình thành kiến thức mới, hoạt động này còn góp phần rèn luyện kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và giao tiếp, đồng thời xây dựng thái độ tích cực trong học tập. Do đó, đây là hoạt động có tính tích hợp cao, góp phần phát triển toàn diện năng lực người học.

Thứ năm: Vai trò định hướng, hỗ trợ của GV

Trong hoạt động khám phá kiến thức, GV giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn, gợi mở và cố vấn học tập thay vì trực tiếp giảng giải. GV cần thiết kế tình huống phù hợp, khơi gợi tư duy và điều tiết quá trình học tập sao cho HS đạt được mục tiêu kiến thức mà không làm thay quá trình nhận thức của các em.

Có thể nói, hoạt động Khám phá kiến thức là trung tâm của quá trình dạy học phát triển năng lực, phản ánh rõ nét quan điểm dạy học tích cực và lấy người học làm trung tâm. Việc tổ chức hiệu quả hoạt động này đòi hỏi GV có năng lực thiết kế sư phạm linh hoạt, vận dụng phù hợp các PP và KTDH hiện đại, từ đó góp phần hình thành tri thức một cách sâu sắc, bền vững và phát triển toàn diện năng lực người học.

1.3.4. Tầm quan trọng của hoạt động dạy học Khám phá kiến thức

Hoạt động Khám phá kiến thức giúp HS phân tích, khám phá và rút ra kiến thức mới. Đây là hoạt động làm cơ sở cho các hoạt động luyện tập và vận dụng cũng như toàn bộ quá trình học tập của HS. Hoạt động dạy học Khám phá kiến thức là hoạt động vô cùng quan trọng, bởi vì:

- *Xây dựng nền tảng kiến thức*: Hoạt động Khám phá kiến thức là bước đầu tiên và quan trọng nhất trong mỗi bài học, giúp HS tiếp thu những kiến thức cơ bản và cốt lõi của nội dung học tập.

- *Phát triển tư duy phân tích và khám phá*: Hoạt động này khuyến khích HS tự mình phân tích, khám phá và rút ra kết luận từ các bài học. Điều này không chỉ giúp HS hiểu sâu về bài học mà còn phát triển các kỹ năng, tư duy cần thiết.

- *Tạo cơ sở cho các hoạt động tiếp theo*: Kiến thức mới hình thành là nền tảng vững chắc cho các hoạt động Luyện tập, Vận dụng và Mở rộng. Từ đó, HS có thể ứng dụng kiến thức vào các tình huống thực tiễn và các bài tập nâng cao.

Vì vậy, GV cần quan tâm, dành nhiều thời gian và trí tuệ cho việc nghiên cứu, thực hiện nội dung hoạt động dạy học Khám phá kiến thức.

1.4. Khái quát về chương trình, nội dung dạy học Tiếng Việt lớp 4

1.4.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

1.4.1.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

Chương trình Giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Với những biểu hiện chính sau đây:

- *Yêu nước*: Biết yêu thiên nhiên, yêu đất nước với những biểu hiện phong phú trong cuộc sống cũng như trong văn học; yêu quý và tự hào về truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với đất nước; biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp; giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá, các di tích lịch sử; có lí tưởng sống và có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia và tương lai của dân tộc.

- *Nhân ái*: Biết quan tâm đến những người thân, tôn trọng bạn bè, thầy cô; biết nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.

- *Chăm chỉ*: Chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ

học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.

- *Trung thực*: Sống thật thà, ngay thẳng, thành thật với bản thân và người khác; yêu lẽ phải, trọng chân lí; thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.

- *Trách nhiệm*: Biết giữ lời hứa, dám chịu trách nhiệm về lời nói, hành động và hậu quả do công việc mình đã làm; có thái độ và hành vi tôn trọng các quy định chung nơi công cộng; có ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân; biết giữ gìn tư cách, bản sắc của công dân Việt Nam; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại để hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

1.4.1.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Những năng lực chung được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua PP và HTTC dạy học mới với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Những yêu cầu cần đạt về năng lực chung được hình thành và phát triển cho HS thông qua môn Tiếng Việt lớp 4 như sau:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Nghe, nói, đọc, viết để thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, trao đổi thông tin trong các tình huống giao tiếp phù hợp với lứa tuổi. Biết lắng nghe, phản hồi phù hợp với người khác trong giao tiếp. Tham gia thảo luận, làm việc nhóm, chia sẻ ý kiến và hợp tác với bạn bè trong học tập.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Sử dụng kiến thức và kĩ năng ngôn ngữ để giải quyết một số vấn đề trong học tập và đời sống. Biết đặt và trả lời câu hỏi để khám phá kiến thức mới. Biết suy nghĩ sáng tạo trong việc lựa chọn từ ngữ, hình ảnh khi nói hoặc viết bài.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết tự đánh giá kết quả học tập như tự nhận xét về bài nói, bài viết của mình. Biết điều chỉnh cách học khi được hướng dẫn.

1.4.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Năng lực đặc thù là những năng lực được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định. Trong môn Tiếng Việt, HS lớp 4 đạt được năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học với các yêu cầu sau:

- *Năng lực ngôn ngữ*: HS đọc đúng, đọc diễn cảm các văn bản; hiểu được nội dung chính và ý nghĩa từ văn bản đọc. Các em viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết bài văn ngắn thuộc các kiểu bài kể, tả, giới thiệu; biết trình bày

cảm xúc, suy nghĩ và ý kiến cá nhân về những vấn đề quen thuộc. Ngoài ra, HS có khả năng nói rõ ràng, sử dụng cử chỉ phù hợp; biết chia sẻ cảm xúc, trình bày ý tưởng; nghe hiểu nội dung và có phản hồi phù hợp.

- *Năng lực văn học*: HS bước đầu cảm thụ được nội dung và hình thức nghệ thuật của văn bản truyện, thơ; tóm tắt, kể lại văn bản đã học; nhận biết được nhân vật, sự việc, ngôn ngữ, hình ảnh và một số biện pháp tu từ đơn giản (so sánh, nhân hoá). Các em biết liên tưởng, tưởng tượng và thể hiện cảm xúc cá nhân trong nói, viết về tác phẩm văn học.

1.4.3. Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe

1.4.3.1. Yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc

a) Kĩ thuật đọc

- Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch, thơ, văn bản miêu tả: nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc.

- Tốc độ đọc khoảng 80 - 90 tiếng trong 1 phút.

- Sử dụng được từ điển HS để tìm từ và nghĩa của các từ ngữ mới.

- Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

b) Đọc hiểu

*** Văn bản văn học**

- Đọc hiểu nội dung: Nhận biết được một số chi tiết và nội dung chính của văn bản; dựa vào gợi ý hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản. Tóm tắt được văn bản truyện đơn giản. Nhận biết được chủ đề văn bản.

- Đọc hiểu hình thức: Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời thoại. Nhận biết được trình tự sắp xếp các sự việc trong câu chuyện theo quan hệ nhân quả. Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện thể hiện qua cách xưng hô. Nhận biết được hình ảnh trong thơ, lời thoại trong văn bản kịch. Hiểu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá.

- Liên hệ, so sánh, kết nối: Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản. Nêu được câu chuyện, bài hoặc đoạn thơ mà mình yêu thích nhất và giải thích vì sao. Nêu được cách ứng xử của bản thân nếu gặp những tình huống tương tự như tình huống của nhân vật trong tác phẩm.

- Đọc mở rộng: Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. Thuộc lòng ít nhất 10 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 80 chữ.

** Văn bản thông tin*

- Đọc hiểu nội dung: Nhận biết được những thông tin chính trong văn bản. Biết tóm tắt văn bản.

- Đọc hiểu hình thức: Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc. Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối.

- Liên hệ, so sánh, kết nối: Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gợi ra từ văn bản đã đọc. Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).

- Đọc mở rộng: Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

1.4.3.2. Yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết

** Kỹ thuật viết:* Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.

** Viết đoạn văn, văn bản:*

- Quy trình viết: Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả). Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.

- Thực hành viết:

Viết được bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia và chia sẻ suy nghĩ, tình cảm của mình về sự việc đó.

Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe hoặc viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe.

Viết được bài văn miêu tả con vật, cây cối; sử dụng nhân hoá và những từ ngữ gợi lên đặc điểm nổi bật của đối tượng được tả.

Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về một nhân vật trong văn học hoặc một người gần gũi, thân thiết.

Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

Viết được văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm gồm 2 - 3 bước.

Viết được báo cáo thảo luận nhóm, đơn theo mẫu, thư cho người thân, bạn bè.

1.4.3.3. Yêu cầu cần đạt về các kỹ năng nói và nghe

** Yêu cầu cần đạt về kỹ năng nói*

- Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài; có thái độ tự tin; biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp.

- Nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ (ví dụ: tranh ảnh, sơ đồ,...).

- Kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó.

- Trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống.

** Yêu cầu cần đạt về kỹ năng nghe*

- Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện.

- Ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác.

** Nói nghe tương tác*

- Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận.

- Biết đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.

1.4.4. Khái quát về sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

SGK Tiếng Việt 4 bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” của Nxb Giáo dục Việt Nam tuân thủ các quy định của Chương trình tổng thể, Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 và Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sách thể hiện một cách tiếp cận mới mẻ và hiện đại trong lĩnh vực biên soạn và dạy học Tiếng Việt, nhất quán với tinh thần đổi mới đã triển khai từ SGK Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2 và Tiếng Việt 3.

Tiếng Việt 4 chú trọng khai thác vốn tiếng Việt của HS với tư cách người bản ngữ, tăng cường cơ hội cho HS thực hành để phát huy hiệu quả dạy học ngôn ngữ trong nhà trường, hạn chế yêu cầu HS nắm kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ. Kiến thức tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên và gần gũi với đời sống thực.

Trong SGK Tiếng Việt 4, các bài học được thiết kế theo hoạt động giao tiếp: đọc, viết, nói và nghe. Các kiến thức tiếng Việt cũng được tiếp cận theo hướng thực hành, vận dụng. Cách tiếp cận này giúp cho hoạt động dạy học ngôn ngữ gần với giao tiếp thực tế, tạo được hứng thú ở người học và nâng cao hiệu quả dạy học. Các văn bản trong một bài học được gắn kết với nhau theo từng chủ điểm. Các bài học vừa tính đến sự kết nối giữa các bài đọc với nhau theo chủ điểm vừa bảo đảm sự tích hợp giữa nội dung bài đọc với hoạt động viết, nói, nghe và kết nối với kiến thức tiếng Việt chương trình lớp 4.

SGK Tiếng Việt 4 được chia thành 2 tập, tập một dành cho học kì I (18 tuần, mỗi tuần 7 tiết), tập hai dành cho học kì II (17 tuần, mỗi tuần 7 tiết). Ngoài các bài học, mỗi tập sách đều có các phần mục lục (đặt ở đầu sách), bảng tra cứu thuật ngữ, bảng tra cứu tên riêng nước ngoài (ở cuối sách). Về cơ bản, cấu trúc cả tập sách và cấu trúc của từng bài học trong 2 tập là như nhau.

Các bài học ở tập một được tổ chức theo 4 chủ điểm sau: Mỗi người một vẻ (4 tuần), Trải nghiệm và khám phá (4 tuần), Niềm vui sáng tạo (4 tuần), Chắp cánh ước mơ (4 tuần). Các chủ điểm ở tập một tập trung vào đời sống tình cảm, suy nghĩ, trải nghiệm của bản thân HS. Mỗi tuần có 2 bài, bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Ngoài ra, có một tuần dành cho ôn tập giữa học kì I (7 tiết) và một tuần dành cho ôn tập và đánh giá cuối học kì I (7 tiết).

Các bài học ở tập hai cũng được tổ chức theo 4 chủ điểm: Sống để yêu thương (4 tuần), Uống nước nhớ nguồn (4 tuần), Quê hương trong tôi (4 tuần), Vì một thế giới bình yên (3 tuần). Các chủ điểm ở tập hai được mở dần sang những phạm vi rộng lớn khác của đời sống, thể hiện mối quan hệ của HS với những người xung quanh, với quê hương, đất nước và nhìn ra thế giới. Tương tự tập một, ở tập hai, mỗi tuần có 2 bài, bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Ngoài ra, có một tuần dành cho ôn tập giữa học kì II (7 tiết) và một tuần dành cho ôn tập và đánh giá cuối học kì II (cuối năm) (7 tiết).

Cuối mỗi tập sách đều có đề tham khảo để GV có thể dựa vào đó thiết kế đề kiểm tra học kì và cuối năm cho HS. Đề tham khảo chỉ là gợi ý về cấu trúc và các dạng bài tập cần có trong đề kiểm tra. Còn độ khó thì cần được linh hoạt trong giới hạn cho phép và tùy theo điều kiện dạy học thực tế của mỗi địa phương và nhà trường.

Về thời lượng dạy học trong 1 tuần như sau: Bài thứ nhất học trong 3 tiết, tập trung thực hành các kĩ năng đọc, viết, luyện từ và câu. Bài thứ hai học trong 4 tiết, trong đó tiết 1 và 2 dành cho việc thực hành đọc và luyện tập theo văn bản đọc (thường là các bài tập thực hành về từ và câu dựa trên các chất

liệu ngôn từ của văn bản đọc); tiết 3 và 4 tập trung thực hành các kỹ năng viết, nói và nghe.

1.5. Đặc điểm tâm lý, nhận thức của học sinh lớp 4 chi phối việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực

1.5.1. Đặc điểm thể chất

HS lớp 4, ở độ tuổi khoảng 9 - 10 tuổi, đang trong giai đoạn phát triển mạnh về thể chất. Cơ thể các em đang có sự phát triển và hoàn thiện dần về cả cấu trúc và chức năng. Các hệ cơ quan trong cơ thể đang phát triển mạnh nhưng chưa thật đồng bộ. Cụ thể:

- Hệ xương: Nhiều mô sụn, xương sống, xương hông, xương chân, xương tay,... của các em đang trong thời kỳ phát triển (thời kỳ cốt hóa) nên dễ bị cong vẹo, gãy dập do ngồi sai tư thế, ngồi quá lâu trên lớp học hay vận động mạnh,... Vì thế, không nên bắt ép trẻ ngồi quá lâu với tư thế gò bó mà cần cho các em vận động nhẹ nhàng sau những phút ngồi học trong lớp.

- Hệ cơ: Theo nghiên cứu của các nhà sinh học, lứa tuổi từ 9 đến 10 tuổi là giai đoạn hệ cơ phát triển mạnh mẽ nên các em rất thích các trò chơi vận động như chạy, nhảy, nô đùa,... Hơn nữa, do hệ cơ đang trong quá trình hoàn thiện nên khả năng tập trung chú ý của tuổi này còn thấp, trẻ thường không ngồi yên lâu một chỗ được. Vì vậy mà các hoạt động vận động nhẹ nhàng, an toàn rất thích hợp với các em.

- Hệ thần kinh: Hệ thần kinh cấp cao đang trong quá trình phát triển cả về mặt chức năng cũng như cấu tạo. Đến 9, 10 tuổi hệ thần kinh của các em tương đối hoàn thiện. Điều này tạo điều kiện cho việc thành lập nhiều phản xạ có điều kiện. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, khả năng ức chế thần kinh còn yếu, các em dễ bị kích thích, hưng phấn, dễ khóc, dễ cười,... Đây cũng là một đặc điểm mà trong quá trình giáo dục cho HS tiểu học GV cần chú ý.

HS lớp 4 thuộc giai đoạn cuối của thời kỳ nhi đồng, chuẩn bị bước vào tuổi thiếu niên. Đây là giai đoạn trẻ có sự phát triển nhanh chóng về chiều cao, cân nặng, hệ cơ và hệ thần kinh. Tuy nhiên, do các cơ quan chưa phát triển toàn diện, HS ở độ tuổi này thường dễ bị mệt mỏi, khả năng tập trung kéo dài còn hạn chế.

Qua phân tích các đặc điểm cơ bản về mặt cơ thể của HS tiểu học, việc vận dụng PPDH tích cực trong dạy học môn Tiếng Việt nói chung và tổ chức dạy học hoạt động Khám phá kiến thức nói riêng là hoàn toàn phù hợp. Các em được lĩnh hội kiến thức một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, không gượng ép và hiệu quả.

1.5.2. Đặc điểm tâm lí

Ở tuổi lớp 4, trẻ đã phát triển tương đối toàn diện về thể chất, trí tuệ và cảm xúc. Các em có khả năng tư duy trừu tượng, sáng tạo và bắt đầu hình thành những mối quan hệ xã hội phức tạp hơn. Những đặc trưng tâm lí của trẻ lớp 4 như sau:

- Cảm xúc: Trẻ bộc lộ cảm xúc phong phú hơn, nhưng vẫn dễ thay đổi và chưa kiểm soát tốt. Các em nhạy cảm với lời nói, hành vi của người khác và dễ bị tổn thương. Trẻ cần sự quan tâm, yêu thương và bắt đầu thể hiện sự đồng cảm, biết quan tâm đến người khác.

- Cảm giác: Trẻ có khả năng phân biệt màu sắc, hình dạng, kích thước chính xác; ghi nhớ tốt và chú ý trong thời gian ngắn. Các em yêu thích hoạt động sáng tạo, giải trí và có trí tưởng tượng phong phú.

- Lí trí: Trẻ bắt đầu tư duy logic, có khả năng giải quyết vấn đề độc lập. Các em tiếp thu kiến thức nhanh, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, mạch lạc, và dần hình thành tư duy trừu tượng (như về thời gian, không gian, nguyên nhân - kết quả).

- Nhân cách: Trẻ có ý thức rõ hơn về bản thân, muốn được độc lập và được người lớn tôn trọng. Các em dần hình thành hệ thống giá trị đạo đức, biết phân biệt đúng - sai và cố gắng hành xử đúng chuẩn mực.

- Hành vi: Trẻ chủ động tham gia các hoạt động học tập và vui chơi, thích khám phá, giao tiếp và làm việc nhóm. Các em cũng có ý thức hơn trong việc tuân thủ quy tắc và kiểm soát hành vi của mình.

Ở lứa tuổi này, HS bắt đầu có nhu cầu được khẳng định bản thân trong tập thể, biết quan tâm đến cách người khác nhìn nhận về mình, từ đó hình thành cảm xúc xã hội phong phú hơn. HS đã biết đánh giá bản thân qua lời nhận xét của người lớn và bạn bè, đồng thời có xu hướng bắt chước những hành vi được khen ngợi.

Chính vì vậy, trong quá trình tổ chức dạy học tích cực, GV cần tạo ra một môi trường học tập thân thiện, dân chủ, nơi HS được khuyến khích chia sẻ, thể hiện chính kiến và được tôn trọng. Việc sử dụng các hình thức động viên, phản hồi tích cực sẽ có tác dụng lớn trong việc tạo động cơ học tập và giúp HS phát triển lòng tự tin.

1.5.3. Đặc điểm nhận thức

HS lớp 4 đang trong giai đoạn có nhiều chuyển biến quan trọng về mặt nhận thức. Đây là thời điểm trẻ bắt đầu chuyển từ tư duy trực quan - cụ thể sang tư duy trừu tượng ở mức độ ban đầu. Các em dần hình thành khả năng suy luận logic, khái quát hóa và tư duy độc lập. Tuy nhiên, nhận thức

của HS lớp 4 vẫn còn mang tính cụ thể, bề nổi, dễ bị chi phối bởi cảm xúc và các yếu tố từ môi trường xung quanh.

Về tri giác, HS lớp 4 đã biết quan sát có mục đích, có định hướng. Các em có thể chú ý đến chi tiết của sự vật, hiện tượng theo yêu cầu học tập, như quan sát để vẽ, viết văn hoặc trả lời câu hỏi. Tuy nhiên, tri giác của các em vẫn dễ bị hấp dẫn bởi những yếu tố nổi bật như màu sắc sặc sỡ, âm thanh lạ tai hoặc hình ảnh sinh động. Tri giác cũng mang tính xúc cảm rõ rệt, những gì gây ấn tượng mạnh hoặc gắn với cảm xúc tích cực thường được ghi nhớ sâu sắc hơn. Ngược lại, nếu cảm thấy lo lắng, căng thẳng hoặc chán nản, khả năng tiếp nhận thông tin sẽ giảm sút đáng kể.

Về tư duy, HS lớp 4 bước đầu hình thành tư duy trừu tượng và tư duy logic. Các em có khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa các đối tượng và hiện tượng trong cuộc sống cũng như trong học tập. Trẻ cũng bắt đầu nhận ra mối quan hệ giữa các sự vật, biết suy luận để giải quyết vấn đề đơn giản. Đặc biệt, tư duy sáng tạo ở lứa tuổi này cũng được bộc lộ thông qua các hoạt động như vẽ tranh, làm thủ công, kể chuyện sáng tạo hoặc viết văn.

Về trí nhớ, HS lớp 4 ghi nhớ máy móc rất tốt, đặc biệt với các nội dung ngắn gọn, có vần điệu như thơ, bài hát, công thức. Đồng thời, trí nhớ có chủ định cũng đang phát triển, các em đã biết học có mục tiêu, biết sử dụng kỹ năng ghi nhớ như gạch ý, tóm tắt hoặc sơ đồ hóa thông tin. Tuy nhiên, khả năng ghi nhớ vẫn phụ thuộc vào cảm xúc, sự hứng thú và cách tổ chức hoạt động học. Các PP trực quan, sinh động và gắn với trò chơi sẽ giúp trẻ ghi nhớ hiệu quả hơn.

Về tưởng tượng, trẻ ở độ tuổi này có trí tưởng tượng phong phú và linh hoạt. Các em có thể sáng tạo nên các hình ảnh, câu chuyện, nhân vật mới dựa trên trải nghiệm thực tế và các yếu tố đã biết. Tưởng tượng của trẻ thường gắn liền với các hoạt động nghệ thuật và học tập, như vẽ, đóng vai, kể chuyện hoặc làm thơ. Trí tưởng tượng góp phần quan trọng trong việc phát triển tư duy sáng tạo và khả năng tự biểu đạt của HS.

Về chú ý, HS lớp 4 có khả năng tập trung tốt hơn so với các lớp dưới nhưng vẫn còn hạn chế. Các em thường chỉ duy trì sự chú ý trong khoảng 30 - 35 phút. Trẻ dễ bị xao nhãng bởi các yếu tố bên ngoài như tiếng động, hình ảnh hoặc hành vi của bạn bè. Những hoạt động học tập mang tính hấp dẫn, gần gũi với đời sống và sở thích của HS sẽ giúp kéo dài thời gian chú ý và nâng cao hiệu quả tiếp thu bài học.

Về ngôn ngữ, HS lớp 4 đã phát triển khá thành thạo về ngôn ngữ nói và đang dần hoàn thiện kỹ năng viết. Trẻ có khả năng trình bày ý kiến, trao

đổi, thảo luận trong các tình huống học tập. Việc được tham gia vào các hoạt động học tập tích cực - nơi HS được phát biểu, tranh luận, giải thích - không chỉ giúp nâng cao hiệu quả nhận thức mà còn góp phần phát triển tư duy và vốn từ vựng cho các em.

Từ những đặc điểm trên có thể thấy, nhận thức của HS lớp 4 đang trong giai đoạn chuyển biến tích cực, là tiền đề quan trọng để áp dụng các PPDH tích cực. Việc thiết kế bài học gắn với trải nghiệm, phát huy tư duy và ngôn ngữ, đồng thời tạo điều kiện để HS quan sát, hợp tác, khám phá sẽ giúp các em phát triển toàn diện cả về nhận thức và kỹ năng học tập.

1.5.4. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi của học sinh lớp 4 chi phối đến việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực

HS lớp 4 có những đặc điểm tâm lý lứa tuổi đặc trưng cần được xem xét khi áp dụng các PPDH tích cực. Dưới đây là một số ảnh hưởng chính:

- *Khả năng tập trung và chú ý*: HS lớp 4 có khả năng tập trung tốt hơn so với các lớp dưới, nhưng vẫn dễ bị phân tâm bởi những yếu tố xung quanh. PPDH tích cực cần tạo ra các hoạt động học tập đa dạng và thú vị để giữ cho HS tập trung và hứng thú. Việc xen kẽ các hoạt động ngắn hạn và nghỉ giải lao giúp duy trì sự chú ý.

- *Khả năng tư duy logic và phản biện*: HS lớp 4 bắt đầu phát triển khả năng tư duy logic và phản biện. HS có thể phân tích, so sánh và đưa ra các lập luận cơ bản. PPDH tích cực nên khuyến khích HS tham gia vào các hoạt động thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề và thí nghiệm để phát triển kỹ năng này.

- *Tính tò mò và sáng tạo*: HS lớp 4 rất tò mò và luôn muốn khám phá thế giới xung quanh, thích tìm hiểu, thử nghiệm và sáng tạo. GV cần thiết kế các bài học kích thích sự tò mò và sáng tạo của HS, thông qua các dự án học tập, thí nghiệm và trò chơi giáo dục.

- *Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm*: HS bắt đầu phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, thích trò chuyện và chia sẻ ý kiến với bạn bè. PPDH tích cực cần bao gồm các hoạt động nhóm, thảo luận và trò chơi, giúp HS rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hợp tác.

- *Nhu cầu vận động và hoạt động thực tế*: HS lớp 4 có nhu cầu vận động cao, thích các hoạt động thực tế và trải nghiệm. GV cần kết hợp các hoạt động vận động, thực hành và trải nghiệm thực tế để đáp ứng nhu cầu, giúp HS học tập hiệu quả hơn.

- *Khả năng tự học và tự quản lý*: HS bắt đầu phát triển khả năng tự học và tự quản lý. HS có thể lên kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ đơn giản. GV

cần khuyến khích HS tự học, hướng dẫn cách lập kế hoạch và quản lí thời gian, giúp HS trở nên tự tin và độc lập hơn trong học tập.

Như vậy, các đặc điểm lứa tuổi của HS lớp 4 có ảnh hưởng lớn đến cách thức áp dụng các PPDH tích cực. GV cần hiểu rõ và tận dụng những đặc điểm này để thiết kế các bài học phù hợp, giúp HS phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực.

1.5.5. Một số lưu ý khi vận dụng phương pháp dạy học tích cực để phù hợp với đặc điểm của học sinh lớp 4

Để vận dụng PPDH tích cực một cách hiệu quả và phù hợp với đặc điểm của HS lớp 4, GV cần lưu ý các yếu tố sau:

- *Hiểu rõ đặc điểm của HS*: GV hiểu rõ đặc điểm của HS từ đó, thiết kế các hoạt động học tập ngắn gọn, đa dạng để giữ cho HS tập trung và hứng thú, phù hợp với khả năng tập trung, chú ý của các em. Sử dụng các bài tập kích thích tư duy logic và phản biện để phát triển khả năng phân tích và đánh giá của HS. Tạo các hoạt động khám phá, thí nghiệm và trò chơi để khuyến khích sự tò mò và sáng tạo của HS. Tổ chức các hoạt động nhóm, thảo luận và thuyết trình để phát triển kĩ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

- *Thiết kế các hoạt động học tập đa dạng*: GV áp dụng các hoạt động thực hành, thí nghiệm và trải nghiệm thực tế để giúp HS hiểu rõ và nhớ lâu hơn kiến thức. Khuyến khích HS tham gia vào các dự án thực tế, từ đó áp dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Sử dụng các trò chơi để tạo hứng thú và động lực học tập cho HS, giúp HS nắm bắt kiến thức một cách nhẹ nhàng và thú vị.

- *Tạo môi trường học tập tích cực*: GV khuyến khích HS đặt câu hỏi, trao đổi ý kiến và tham gia tích cực vào các hoạt động học tập. Đưa ra các phản hồi kịp thời và chính xác, giúp HS nhận ra những điểm mạnh và điểm cần cải thiện. Khen ngợi và động viên HS, tạo động lực học tập tích cực cho các em.

- *Ứng dụng công nghệ trong dạy học*: GV nên tăng cường áp dụng các công nghệ như máy tính, bảng thông minh, phần mềm học tập để tăng cường hiệu quả giảng dạy và khuyến khích HS tự học. Sử dụng các video học tập và tài liệu trực tuyến để minh họa và giải thích kiến thức một cách sinh động.

- *Lập kế hoạch và tổ chức rõ ràng*: GV cần lập kế hoạch chi tiết cho từng bài học, xác định rõ mục tiêu, nội dung và PPDH. Sắp xếp lớp học một cách hợp lí, tạo không gian thoải mái và thuận tiện cho các hoạt động học tập.

- *Đánh giá và cải tiến liên tục*: GV theo dõi và đánh giá quá trình học tập của HS để nắm bắt tiến độ và hiệu quả của PPDH. Liên tục cải tiến PPDH dựa trên phản hồi của HS và kết quả đánh giá.

Như vậy, việc vận dụng linh hoạt các PPDH tích cực và điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của HS, GV có thể tạo ra một môi trường học tập hiệu quả, kích thích sự phát triển toàn diện của HS.

Kết luận chương 1

Chương 1 của khóa luận trình bày cơ sở lí luận về PPDH, trong đó làm rõ các khái niệm then chốt và phân tích những đặc trưng nổi bật của PPDH tích cực – một định hướng quan trọng trong đổi mới giáo dục hiện nay. Qua việc so sánh đối chiếu giữa PPDH truyền thống và PPDH tích cực, đề tài khẳng định tính linh hoạt, nhân văn và hiệu quả lâu dài của PPDH tích cực trong việc phát triển phẩm chất, năng lực tự học và khả năng giải quyết vấn đề của người học.

Chúng tôi đã phân tích cụ thể một số PPDH tích cực thường được vận dụng ở tiểu học như: Giải quyết vấn đề, Thảo luận nhóm, Trò chơi học tập, Điều tra, Dự án, Đóng vai, Dạy học theo góc,... Mỗi PP đều được trình bày về khái niệm, quy trình thực hiện, ưu điểm, hạn chế và các lưu ý khi vận dụng, góp phần hình thành cơ sở lí luận vững chắc cho các chương tiếp theo.

Ngoài ra, tác giả khóa luận cũng nghiên cứu, tìm hiểu những đặc điểm về thể chất, nhận thức và tâm lí của HS lớp 4 nhằm làm rõ sự phù hợp và cần thiết của việc áp dụng các PPDH tích cực. Điều đó không chỉ nâng cao hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt mà còn góp phần phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của HS tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

CHƯƠNG 2

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

2.1. Một số nguyên tắc khi vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4

Việc vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 4, đặc biệt ở hoạt động Khám phá kiến thức, cần tuân thủ một số nguyên tắc nhằm tối ưu hóa hoạt động học tập của HS. Cụ thể:

2.1.1. Nguyên tắc lấy người học làm trung tâm

Nguyên tắc này nhấn mạnh vai trò chủ thể của HS trong quá trình học tập. Thay vì là đối tượng tiếp nhận thụ động, HS được đặt vào vị trí trung tâm, chủ động tham gia vào các hoạt động khám phá, tìm tòi kiến thức. GV giữ vai trò người hướng dẫn, tổ chức và hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để HS tự kiến tạo tri thức. Cụ thể, trong môn Tiếng Việt lớp 4, HS sẽ được khuyến khích đặt câu hỏi, đưa ra ý kiến, giải quyết vấn đề về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc câu hay nội dung văn bản.

2.1.2. Nguyên tắc phát triển năng lực và phẩm chất học sinh

Hoạt động Khám phá kiến thức cần được thiết kế nhằm kích thích và phát triển các năng lực tư duy của HS như phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, khái quát hóa và suy luận. Thay vì chỉ ghi nhớ các quy tắc hay khái niệm, các em được khuyến khích suy nghĩ, lập luận để tự mình “khám phá” ra các quy luật về ngôn ngữ. Ví dụ, thay vì GV đưa ra định nghĩa về danh từ, động từ,... HS có thể được yêu cầu quan sát các từ trong ngữ cảnh, sau đó phân loại và rút ra nhận xét về đặc điểm của chúng.

2.1.3. Nguyên tắc phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí học sinh lớp 4

GV cần hiểu rõ về đặc điểm tâm sinh lí của HS lớp 4, độ tuổi đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ về nhận thức và cảm xúc. Vì vậy, các hoạt động dạy học cần được thiết kế sao cho phù hợp với khả năng nhận thức, sự tập trung của HS và có tính sinh động, gần gũi với đời sống thực tế. Nội dung bài học phải được lựa chọn sao cho dễ tiếp cận và kích thích sự hứng thú của HS, qua đó giúp các em cảm thấy yêu thích môn học và phát triển đam mê khám phá kiến thức.

2.1.4. Nguyên tắc đa dạng hóa các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Môn Tiếng Việt ở tiểu học không chỉ đơn thuần là cung cấp kiến thức ngữ pháp, từ vựng cho HS mà còn nhằm hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) cho các em. Khi GV phối kết hợp đa dạng các PP,

HTTC dạy học sẽ giúp HS rèn luyện khả năng giao tiếp, diễn đạt ý tưởng, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ.

Trong mỗi giờ học Tiếng Việt, HS không chỉ làm việc cá nhân mà còn làm việc nhóm, thảo luận, tranh luận, đóng vai, thực hiện các trò chơi ngôn ngữ,... Sự tương tác giữa HS với HS, giữa HS với GV và giữa HS với tài liệu học tập là yếu tố then chốt giúp kiến thức, kỹ năng được hình thành, phát triển và củng cố vững chắc. Chẳng hạn, khi khám phá về các biện pháp tu từ, các em có thể thảo luận nhóm để tìm ví dụ, phân tích hiệu quả nghệ thuật và trình bày sản phẩm trước lớp.

Bên cạnh đó, kiến thức của bài học cần gắn liền với thực tiễn, giúp HS thấy được ý nghĩa và tính ứng dụng của chúng. Việc tạo cơ hội cho người học trải nghiệm ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp cụ thể sẽ giúp các em hiểu sâu sắc và vận dụng hiệu quả kiến thức đã học.

2.1.5. Nguyên tắc gắn kết giữa dạy học và đánh giá

Một yếu tố quan trọng không thể thiếu trong quá trình dạy học là việc kết hợp giữa dạy học và đánh giá khả năng học tập của HS. Việc đánh giá khả năng học tập của HS không chỉ diễn ra vào cuối kì mà phải là một phần không thể tách rời trong quá trình giảng dạy. Đánh giá thường xuyên giúp HS nhận thức được sự tiến bộ của mình, từ đó có thể điều chỉnh PPDH sao cho hiệu quả. Đồng thời, đánh giá cũng là công cụ quan trọng giúp GV điều chỉnh các hoạt động dạy học, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu và khả năng của từng HS.

Việc đánh giá trong giờ học cần thực hiện kịp thời, cụ thể, mang tính xây dựng, chỉ ra những điểm HS đã làm tốt và những điểm cần cải thiện. Vận dụng đa dạng các hình thức đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, đánh giá của GV), khuyến khích sự tiến bộ của HS, thay vì chỉ tập trung vào kết quả cuối cùng. Điều này giúp các em nhận ra giá trị của sự nỗ lực và không ngừng hoàn thiện bản thân trong quá trình khám phá kiến thức Tiếng Việt.

2.2. Thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4 có sử dụng phương pháp dạy học tích cực

Dựa vào các nguyên tắc khi vận dụng PPDH tích cực và quy trình áp dụng các PP đó, GV có thể thiết kế các hoạt động dạy học giúp tiết học trở nên hấp dẫn, thú vị và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, trong phạm vi của đề tài, chúng tôi lựa chọn một số bài học thuộc các nội dung Đọc, Luyện từ và câu, Nói và nghe, Viết trong chương trình Tiếng Việt lớp 4 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) ở cả hai học kì để thiết kế hoạt động dạy học Khám phá kiến thức có sử dụng PPDH tích cực.

Việc lựa chọn dựa trên những tiêu chí cụ thể nhằm đảm bảo tính đại diện và phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Thứ nhất, các bài học được lựa

chọn thuộc những chủ đề trọng tâm, có tính liên kết nội dung rõ ràng và thể hiện rõ tính chất khám phá kiến thức. Thứ hai, các bài học được chọn mang tính đa dạng về thể loại và yêu cầu kỹ năng (đọc, viết, nói và nghe), giúp có cái nhìn tổng thể về khả năng áp dụng PPDH tích cực trong nhiều dạng bài khác nhau.

Việc lựa chọn có chủ đích này giúp đảm bảo tính thực tiễn, khả năng ứng dụng cao và phù hợp với mục tiêu nâng cao hiệu quả giảng dạy trong môn Tiếng Việt lớp 4.

Các bài chúng tôi lựa chọn được cụ thể trong bảng sau:

Bảng 2.1. Thống kê một số bài học được lựa chọn để thiết kế hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) có sử dụng PPDH tích cực

STT	Nội dung	Tên bài	PP, PTDH	Học kì
1	Luyện từ và câu	Bài 1: Danh từ	Thảo luận nhóm, Trò chơi học tập, Khăn trải bàn, Phiếu học tập.	I
2	Nói và nghe	Bài 2: Tôi và bạn	Trực quan, Thực hành – Luyện tập, Thảo luận nhóm, Phiếu học tập, Bức chân dung tự họa.	
3	Luyện từ và câu	Bài 9: Động từ	Vòng bi, Think – Pair – Share, Trực quan, Phiếu học tập.	
4	Luyện từ và câu	Bài 15: Cách dùng và công dụng của từ điển	Dạy học theo trạm, Trò chơi học tập.	
5	Đọc	Bài 21: Làm con thỏ bằng giấy	Vòng bi, Think – Pair – Share, Đóng vai, Trực quan, Thực hành.	
6	Viết	Bài 22: Viết hướng dẫn thực hiện một công việc	Sơ đồ tư duy, Vòng bi, Thảo luận nhóm, Phiếu học tập.	

7	Luyện từ và câu	Bài 3: Hai thành phần chính của câu	Trực quan, Thảo luận nhóm, Phiếu học tập.	II
8	Viết	Bài 12: Viết đoạn văn nêu ý kiến	Thảo luận nhóm, Thực hành – Luyện tập, Phiếu học tập.	
9	Đọc	Bài 13: Vườn của ông tôi	Thảo luận nhóm, Trò chơi học tập, Trực quan, Phiếu học tập.	
10	Luyện từ và câu	Bài 13: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn	Thảo luận nhóm, Phiếu học tập, Vòng bi, Vấn đáp.	
11	Đọc	Bài 15: Người thầy đầu tiên của bố tôi	Mảnh ghép, Phiếu học tập, Vấn đáp.	
12	Nói và nghe	Bài 18: Những miền quê yêu dấu	Sơ đồ tư duy, Trực quan, Thảo luận nhóm.	
13	Viết	Bài 19: Quan sát cây cối	Trực quan, Sơ đồ tư duy, Phòng tranh.	
14	Nói và nghe	Bài 26: Chung tay bảo vệ động vật	Đóng vai, Trực quan, Thảo luận nhóm.	
15	Viết	Bài 29: Viết thư	Trực quan, Thực hành.	

2.2.1. Thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức trong dạy Đọc

2.2.1.1. Đọc: Làm con thỏ bằng giấy

Tuần 12

Bài 21 LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY

ĐỌC

Em biết làm những đồ chơi nào? Chia sẻ với bạn cách làm một đồ chơi.

LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY

Sắp đến sinh nhật Hoa, Hà quyết định làm tặng bạn một con thỏ bằng giấy. Hà đã chuẩn bị dụng cụ, vật liệu và làm theo cách sau:

Dụng cụ, vật liệu

- Kéo, bút chì, bút màu, hồ dán.
- Giấy trắng hoặc bì (2 tờ).
- Giấy màu (1 tờ).

Cách làm

Bước 1. Cắt

- Cắt hai hình chữ nhật từ 2 tờ giấy trắng để làm đầu thỏ, thân thỏ.
- + Hình thứ nhất: rộng 10 cm, dài 25 cm.
- + Hình thứ hai: rộng 15 cm, dài 25 cm.
- Cắt hình tai thỏ từ giấy trắng, sau đó gấp theo đường kẻ nét đứt (như hình bên).
- Cắt để từ giấy màu (như hình bên).

(Đầu thỏ) (Thân thỏ)

(Tai thỏ) (Đế)

Bước 2. Dán

- Dùng hồ dán hai mép của mỗi hình chữ nhật để tạo đầu thỏ và thân thỏ.
- Dán tai thỏ, đầu thỏ, thân thỏ với nhau, sau đó dán lên đế.

Bước 3. Vẽ

- Dùng bút màu vẽ trang trí tai thỏ.
- Dùng bút màu vẽ mắt, râu, mũi, miệng ở đầu thỏ và tay ở thân thỏ.

Vậy là Hà đã có một chú thỏ con đáng yêu bằng giấy để tặng Hoa trong ngày sinh nhật. Hi vọng Hoa sẽ vui sướng đón nhận món quà của bạn.

(Làm Anh tổng hợp)

Từ ngữ

Đề bộ phận gắn liền với phần dưới của vật, giữ cho vật đứng vững.

1. Dựa vào bài đọc, cho biết cần chuẩn bị những đồ vật nào dưới đây khi làm thỏ con bằng giấy.

băng dính bút chì hồ dán kéo giấy trắng bút màu giấy màu kim chỉ

2. Để làm được thỏ con bằng giấy, cần phải thực hiện những bước nào? Nêu hoạt động chính trong mỗi bước.

3. Dựa vào bài đọc, trình bày 1 – 2 bước làm thỏ con bằng giấy.

4. Giới thiệu về chú thỏ con bằng giấy được nói đến trong bài đọc.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TÍNH TỪ

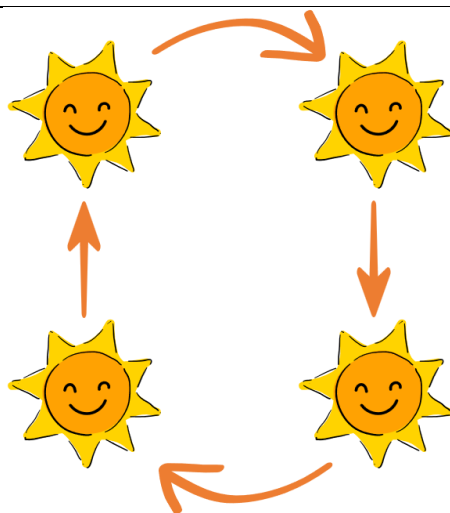
1. Tìm từ chỉ đặc điểm theo yêu cầu dưới đây:

Vị của quả táo Mùi hương của hoa hồng Kích thước của một chú voi

Màu của mặt trời Hình dáng của cầu vồng Âm thanh trong giờ ra chơi

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng * Mục tiêu: - Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc <i>Làm thỏ con bằng giấy</i> . - Biết ngắt nghỉ câu phù hợp; nhấn giọng vào những từ ngữ, chi tiết quan trọng trong văn bản. * PP&PTDH: Thực hành, Thảo luận nhóm. * Thời gian: 10 phút * Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu toàn bài. - GV hướng dẫn và gọi 2 HS đọc nối tiếp các phần của bài đọc.	- HS lắng nghe. - HS đọc nối tiếp. + Phần 1. Đoạn mở đầu + Phần 2: Dụng cụ, vật liệu. + Phần 3: Bước 1. Cắt + Phần 4: Bước 2. Dán + Phần 5: Bước 3. Vẽ + Phần 6: Đoạn kết thúc. - HS thực hiện yêu cầu.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm (4 HS/nhóm) luyện đọc các phần và thực hiện yêu cầu:	

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: <i>nét đứt, trang trí, vui sướng,....</i> + Cách ngắt giọng ở những câu dài: <i>Dùng hồ dán hai mép của mỗi hình chữ nhật/để tạo đầu thỏ và thân thỏ.....</i> + Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin về dụng cụ, vật liệu, hoạt động trong các bước làm thỏ con bằng giấy: <i>Dùng hồ dán hai mép của mỗi hình chữ nhật để tạo đầu thỏ và thân thỏ; Dùng bút màu vẽ mắt, râu, mũi, miệng ở đầu thỏ và tay ở thân thỏ.</i> - GV gọi một số nhóm đọc trước lớp. - GV nhận xét, khen ngợi HS đọc tốt.	- HS đọc bài.
Hoạt động 2: Tìm hiểu bài * Mục tiêu: - HS hiểu được các thông tin trong bài đọc “Làm thỏ con bằng giấy” (dụng cụ, vật liệu, các bước làm thỏ con bằng giấy,...). - Rút ra được nội dung khái quát của bài đọc: Những hướng dẫn cụ thể để làm thỏ con bằng giấy. - HS thực hành làm con thỏ bằng giấy. * PP&KTDH: Vòng bi, Think – Pair – Share, Đóng vai, Trục quan, Thực hành. * Thời gian: 18 phút * Cách tiến hành:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu mỗi HS trong nhóm suy nghĩ và trả lời một câu hỏi trong 2 phút. - GV sử dụng kĩ thuật vòng bi và hướng dẫn HS luân phiên thay đổi vị trí để trao đổi về các câu hỏi theo sơ đồ sau:	- Nhóm trưởng phân công mỗi bạn suy nghĩ và trả lời một câu hỏi.



- GV tổ chức cho các nhóm thực hành làm con thỏ bằng giấy.
- GV chiếu tiêu chí đánh giá để các nhóm theo dõi và thực hiện.



Tiêu chí đánh giá



1. Sản phẩm	
- Hình dáng rõ ràng, giống con thỏ	
- Gấp/dán chắc chắn, gọn gàng	
- Trang trí đẹp mắt	
2. Tính sáng tạo	
3. Thuyết trình tự tin, trình bày rõ ràng, mạch lạc	
4. Trả lời đúng các câu hỏi	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, trợ giúp HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV tổ chức cho các nhóm đóng vai “Phóng viên nhí” để giới thiệu về sản phẩm, đồng thời trả lời các câu hỏi:
 - + Bạn hãy cho biết cần chuẩn bị những đồ vật nào để làm thỏ con bằng giấy?
 - + Để làm được thỏ con bằng giấy, chúng ta cần phải thực hiện những bước nào? Nêu hoạt động chính trong mỗi bước.
 - + Trình bày 1 – 2 bước làm thỏ con bằng

- HS thực hành làm con thỏ bằng giấy.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Các nhóm giới thiệu về sản phẩm đồng thời trả lời các câu hỏi.

giấy. Bước 4: GV nhận xét, kết luận - GV tổ chức cho lớp nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các tiêu chí đã đề ra. - GV và cả lớp nhận xét, kết luận.	- HS nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
---	---

2.2.1.2. Đọc: Vườn của ông tôi

Tuần 25
Bài 13 **VƯỜN CỦA ÔNG TÔI**

ĐỌC



Tôi sinh ở thành phố. Bà nội tôi sống dưới quê. Lần đầu về quê, tôi được bà dẫn ra thăm vườn. Đến cạnh cái bể nước, bà chỉ vào cây mít:

– Ông mất từ ngày nó chưa ra quả.
Tôi giữa vườn, bà trở cây nhãn:
– Lúc ông đi, nó mới cao bằng cháu.

Ra bờ ao, đến bên cây sung cành lá xoà xuống gần mặt nước, bà kể:
– Cây này ông trồng, rồi ông uốn nó xuống để cho cá ăn sung.
Vườn của ông, theo lời chỉ dẫn của bà, có nhiều thứ cây. Chuối um tùm sau nhà. Trước sân là năm cây cau cao vút. Dưới gốc cây cau thứ nhất, đứng ở thềm nhìn ra là bể nước. Giữa quãng cách của những cây cau là hoa dành dành và hoa mẫu đơn. Bà kể thêm:
– Tất cả đều do ông trồng từ trước. Lùi cây nào, bà bảo các chú trồng lại cây ấy, đúng như khi ông còn sống.
Mảnh vườn nhỏ, lúc tôi đã đủ trí khôn để nhớ, có cả cam, mận, chanh, bưởi nữa. Riêng cây xoan, cây khế thì mọc tít ở ngoài ngõ, gần cổng. Trong vườn còn có lá lốt, lá mọ, ngải cứu, khoai sọ, ...
Vào vườn, tôi nhớ đến ông và tự hình dung ra ông đã trồng cây, chăm cùi vun xới ra sao. Dù chỉ hoàn toàn là tưởng tượng nhưng bóng hình ông không thể phai nhạt khi vườn cây còn mãi xanh tươi.
Tết đến, hoa mận nở trắng. Sang xuân lại có hoa bưởi, hoa chanh, hoa nhãn. Mẫu đơn thì đơm bông cả bốn mùa. Đêm giao thừa nào bà tôi cũng làm một mâm cơm cúng đặt lên bể nước để mời ông về vui với con cháu và để cho cây vườn đỡ nhớ.
(Theo Phong Thu)

Từ ngữ
– **Lụi** (cây) đứng phát triển, heo úa dần rồi chết.
– **Hình dung**: làm hiện lên trong trí óc một cách khá rõ nét những gì không có ở trước mắt.
– **Mẫu đơn**: cây nhỏ, lá xẻ lông chim, hoa nở vào dịp Tết, vỏ và rễ cây dùng làm thuốc.
– **Dành dành**: cây nhỏ, hoa trắng và thơm, quả chín có màu vàng da cam, dùng để nhuộm thực phẩm hoặc làm thuốc.

1. Lần đầu về quê, bạn nhỏ được bà nội giới thiệu cho biết về những cây nào trong vườn?
2. Theo em, qua lời giới thiệu của bà, bạn nhỏ hiểu được điều gì về vườn cây?
G: Cây nào trong vườn cũng gợi nhớ đến ông.
3. Vì sao hình bóng ông không bao giờ phai nhạt trong lòng người thân?
4. Đóng vai bạn nhỏ, nói 1 – 2 câu nhận xét về vườn cây của ông.
5. Nếu là bạn nhỏ trong câu chuyện, em sẽ làm gì để gìn giữ vườn cây của ông được nguyên vẹn đúng như khi ông còn sống?

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng * Mục tiêu: - Đọc đúng, diễn cảm câu chuyện <i>Vườn của ông tôi</i> . - Chỉ dẫn cách đọc một số câu dài. - Chia đoạn văn bản và xác định nội dung chính của mỗi đoạn. - Giải nghĩa được một số từ khó. * PP, PTDH: Thảo luận nhóm, Vấn đáp, Luyện tập theo mẫu, Trực quan, Phiếu học tập. * Thời gian: 17 phút * Cách tiến hành:	
Bước 1: Đọc mẫu - GV hướng dẫn đọc: giọng đọc nhẹ	- HS lắng nghe GV hướng dẫn

nhàng, tình cảm; phân biệt lời của người kể chuyện và lời của nhân vật; lời thoại của bà: giọng trầm ấm, tâm tình, thủ thỉ, thể hiện sự xúc động. Nhấn giọng ở những từ ngữ tả cảnh (<i>um tùm, cao vút, mọc títt ở ngoài ngõ,...</i>) hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật (<i>nhớ, hình dung, tưởng tượng,...</i>) - GV đọc mẫu văn bản một lượt. - Gọi 1 HS có giọng đọc tốt đọc bài. - Hướng dẫn HS chia đoạn văn bản. - GV và cả lớp nhận xét, kết luận. Bước 2: Giải nghĩa từ, luyện đọc câu dài	đọc. - HS lắng nghe. - 1 HS đọc toàn bài. - Bài đọc được chia làm 5 đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến “cho cá ăn sung”: Lần đầu về quê, bạn nhỏ được bà dẫn ra thăm vườn và nghe bà kể về những kỉ niệm gắn với ông qua các loại cây trong vườn. + Đoạn 2: Tiếp theo đến “như khi ông còn sống”: Các cây trong vườn đều do ông trồng, bà gìn giữ như lúc ông còn sống. + Đoạn 3: Tiếp theo đến “khoai sọ”: Trong vườn có rất nhiều cây trái và rau, gắn bó với kỉ niệm về ông. + Đoạn 4: Tiếp theo đến “còn mãi xanh tươi”: Bạn nhỏ tưởng tượng hình ảnh ông qua việc chăm sóc vườn cây. + Đoạn 5: Phần còn lại: Vườn cây đẹp cả bốn mùa, bà thường đặt mâm cơm cúng ông vào đêm giao thừa.
---	--

- GV chia lớp thành các nhóm (5 HS/nhóm) thực hiện nhiệm vụ.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm:

Thời gian: 5 phút

1. Giải nghĩa một số từ

lụi:.....

hình dung:.....

mẫu đơn:.....

dành dành:.....

2. Chỉ dẫn cách đọc một số câu theo yêu cầu

Gạch chéo (/): đánh dấu chỗ cần ngắt nghỉ.

Gạch chân: những từ cần nhấn giọng.

Mũi tên lên (↑) / xuống (↓): chỉ chỗ cần lên hoặc xuống giọng.

Gạch ngang (—): kéo dài giọng.

Dù chỉ hoàn toàn là những tưởng tượng nhưng bóng hình ông không thể phai nhạt khi vườn cây còn mãi xanh tươi.

Đêm giao thừa nào bà tôi cũng làm một mâm cơm cúng đặt lên bệ nước để mời ông về vui với con cháu và để cho cây vườn đỡ nhớ.

- GV chiếu hình ảnh cây “mẫu đơn” và cây “dành dành” cho cả lớp quan sát.
- GV gọi một số nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ trước lớp.

- GV và cả lớp nhận xét, kết luận.

Bước 3: Luyện đọc nối tiếp đoạn

- GV cho HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm, lần lượt từng HS nêu cách đọc một đoạn và đọc cho cả nhóm nghe.

Bước 4: Thi đọc diễn cảm

- GV gọi đại diện các nhóm thi đọc diễn cảm một đoạn trong văn bản.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Âm lượng: phù hợp.
 - + Đọc đúng: từ ngữ, ngắt nhịp,...
 - + Đọc diễn cảm: sử dụng ngữ điệu, thể

- HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ:

+ Giải nghĩa một số từ:

lụi: (cây) dùng phát triển, héo úa rồi chết.

hình dung: làm hiện lên trong trí óc một cách khá rõ nét những gì không có ở trước mắt.

mẫu đơn: cây nhỏ, lá xẻ lông chim, hoa to nở vào dịp Tết, vỏ và rễ cây dùng làm thuốc.

dành dành: cây nhỏ, hoa trắng và thơm, quả chín có màu vàng da cam, dùng để nhuộm thực phẩm hoặc làm thuốc.

+ Chỉ dẫn cách đọc một số câu:

Dù chỉ hoàn toàn là những tưởng tượng/ nhưng / bóng hình ông/ không thể phai nhạt/ khi vườn cây/ còn mãi xanh tươi//.

Đêm giao thừa nào/ bà tôi cũng làm một mâm cơm cúng/ đặt lên bệ nước/ để mời ông về/ vui với con cháu/ và để cho cây vườn/ đỡ nhớ ↘//

- HS luyện đọc nối tiếp đoạn trong nhóm.

- Đại diện nhóm lên thi đọc diễn cảm một đoạn trong văn bản.



** Hướng dẫn chơi*

- Cách chơi:

- + Các nhóm lần lượt chọn câu hỏi từ 1 đến 4 (ứng với 4 cây xanh).
- + Sau khi nhóm trả lời, các nhóm khác có thể nhận xét, bổ sung.
- + GV xác nhận câu trả lời đúng/sai và trao quyền trồng cây.

- Luật chơi:

- + Trả lời đúng, nhóm được “trồng” 1 cây xanh.
- + Nếu nhóm trả lời sai, nhóm khác có quyền trả lời.
- + Nhóm trồng được nhiều cây xanh nhất sẽ chiến thắng.

Bước 3: Thực hiện trò chơi

- GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả lần lượt các câu hỏi thông qua trò chơi.
- Câu 1: Lần đầu về quê, bạn nhỏ được bà nội giới thiệu cho biết về những cây nào trong vườn?
- Câu 2: Theo em, qua lời giới thiệu của bà, bạn nhỏ hiểu được điều gì về vườn cây?

- HS lắng nghe GV hướng dẫn.

- HS báo cáo kết quả các câu hỏi thông qua trò chơi.

- Lần đầu về quê bạn nhỏ được bà nội giới thiệu cho biết về nhiều loại cây: mít, nhãn, sung, chuối, cau, khế, dành dành, mầu đơn.

- HS diễn đạt theo ý hiểu của mình. Chẳng hạn:

+ Cây nào trong vườn cũng gọi nhớ về ông.

+ Cây trong vườn luôn gọi kỉ niệm về ông,...

- Câu 3: Đóng vai bạn nhỏ, nói 1 - 2 câu nhận xét về vườn cây của ông.

- Câu 4: Vì sao có thể nói hình bóng ông không bao giờ phai nhạt trong lòng người thân?

* Sau khi HS hoàn thành các câu hỏi, các cây xanh tương ứng được trồng xuống.



- HS đóng vai bạn nhỏ, nói 1-2 câu nhận xét về vườn cây của ông. Chẳng hạn:

+ Vườn của ông rất rộng và nhiều cây xanh. Mỗi cây đều được ông chăm sóc rất kĩ.

+ Vườn cây của ông đẹp và yên bình. Em rất thích được dạo chơi ở đó.

+ Vườn cây giống như ngôi nhà thứ hai của ông, đầy sức sống và tình cảm. Nhờ bàn tay chăm sóc của ông mà vườn cây lúc nào cũng xanh mát, dễ chịu.

- HS diễn đạt theo ý hiểu của mình. Chẳng hạn:

+ Vì vườn cây luôn xanh tốt, luôn gọi cảnh ông chăm sóc vườn cây.

+ Vì ông rất hiền hậu, yêu thương mọi người và luôn chăm sóc vườn cây. Những việc làm và tình cảm của ông khiến ai cũng nhớ mãi.

+ Vì vườn cây ông trồng luôn gọi hình bóng ông,...

Bước 4: Tổng kết, đánh giá - GV tổng kết trò chơi, công bố kết quả từng đội. - Nhận xét ý thức tham gia trò chơi của các đội. - Nếu là bạn nhỏ trong câu chuyện, em sẽ làm gì để gìn giữ vườn cây của ông được nguyên vẹn đúng như khi ông còn sống? - Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì? - GV và cả lớp nhận xét, kết luận.	- HS lắng nghe. - HS diễn đạt theo ý hiểu của mình. Chẳng hạn: Nếu là bạn nhỏ trong câu chuyện, em sẽ thường xuyên chăm bón, tưới nước và tỉa cành để thay ông chăm sóc, giữ gìn vườn cây của ông được nguyên vẹn. Nếu có cây nào lụi, em sẽ trồng lại cây ấy như khi ông còn sống. - HS diễn đạt theo ý hiểu của mình. Chẳng hạn: Câu chuyện kể về khu vườn của người ông, qua đó thể hiện được sự trân trọng, lòng biết ơn của cháu con đối với ông đã làm nên khu vườn đó.
---	---

2.2.1.3. Đọc: Người thầy đầu tiên của bố tôi



Em hiểu thế nào về câu "Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy?"



NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN CỦA BỐ TÔI

Hôm qua, bố rủ tôi đi tàu đến thăm người thầy đầu tiên của bố, thầy Cơ-rô-xét-ti, năm nay đã tám mươi tuổi.

Xuống tàu, chúng tôi hỏi thăm đường đến nhà thầy, một ngôi nhà nhỏ cuối làng. Bố nhẹ nhàng gõ cửa. Ra mở cửa là một cụ già râu tóc đã bạc.

– Con chào thầy ạ! – Bố vừa nói vừa bỏ mũ ra.

– Chào anh. Xin lỗi, anh là...

– Con là An-béc-tô, học trò cũ của thầy. Con đến thăm thầy ạ.

– Thật hân hạnh quá! Nhưng... anh học với tôi hồi nào nhỉ?

Bố nói tên lớp và ngày bố vào trường. Cụ cúi đầu suy nghĩ rồi bỗng ngẩng lên:

– An-béc-tô Bết-ti-ni?

– Đúng ạ! – Bố đưa cả hai tay về phía cụ.

Cụ bước tới ôm hôn bố và nói:

– Xin mời vào nhà.

Chúng tôi vào nhà và ngồi xuống ghế yên lặng. Cụ nhìn bố tôi một lần nữa rồi nói to:

– An-béc-tô, tôi nhớ chữ Lớp Một, anh ngồi bên trái, cạnh cửa sổ. Hồi đó, anh rất hiếu động. Đến lớp Hai, anh bị ốm, phải nghỉ một tuần, phải không nào? Anh còn nhớ đến người thầy giáo già của mình, thật quý hoá...

Cụ trò chuyện cùng bố tôi như chưa hề xa cách. Bỗng cụ đứng dậy:

– Tôi dành cho anh một bất ngờ đây.

Nói rồi cụ lục tìm trên giá sách, rút ra một tờ giấy đã ngả vàng đưa cho bố. Bố nhận ra bài chính tả của mình, nét chữ to cổ cổ. Bố vừa đọc vừa mỉm cười. Rồi bố cúi xuống hôn vào trang giấy, mắt rưng rưng.

– Thưa thầy kính yêu, con xin cảm ơn thầy! – Bố đưa tay lên gạt nước mắt rồi ôm lấy người thầy của mình.

(Theo A-mi-xi)



1. Hành động bỏ mũ khi chào thầy giáo cũ của bố bạn nhỏ nói lên điều gì?
2. Những cử chỉ, lời nói, việc làm nào của thầy giáo già làm cho bố bạn nhỏ xúc động?
3. Vì sao bố bạn nhỏ rưng rưng nước mắt khi nhận lại bài chính tả cũ của mình?
4. Theo em, bạn nhỏ có cảm nghĩ gì khi được tới thăm người thầy đầu tiên của bố?
5. Nếu ý nghĩa của câu chuyện.

63

64

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 2: Luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu * Mục tiêu: - Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện <i>Người thầy đầu tiên của bố tôi</i> . - Chỉ dẫn được cách đọc của một số câu, đoạn văn bản. - Giải thích một số từ khó. - Hiểu được nội dung câu chuyện và thông điệp mà tác giả nhắn gửi qua câu chuyện. * PP, PTDH: Mạnh ghép, Vấn đáp, Phiếu học tập. * Thời gian: 20 phút * Cách tiến hành:	
Bước 1: Đọc mẫu và chia đoạn - GV hướng dẫn đọc và đọc mẫu: + Giọng đọc nhẹ nhàng, tình cảm; phân biệt lời của người kể chuyện và lời thoại của nhân vật; thể hiện tâm trạng, cảm xúc phù hợp với mỗi nhân vật. + GV đọc toàn bộ văn bản một lượt. Hoặc GV đọc một phần, gọi 1 HS có giọng đọc tốt đọc tiếp. - Yêu cầu HS chia đoạn văn bản.	- HS lắng nghe và đọc bài. - HS trả lời: Bài được chia làm 2

- Mỗi nhóm Chuyên gia luyện đọc một đoạn văn bản theo hướng dẫn.

Nội dung	Yêu cầu
1. Luyện đọc từ	- Dùng bút chì gạch chân dưới các từ ngữ khó đọc trong đoạn 2 và luyện đọc những từ đó.
2. Luyện đọc câu dài	- Chỉ dẫn cách ngắt giọng của 1-2 câu văn dài trong đoạn 2. - Luyện đọc câu dài.
3. Giải nghĩa từ	- Tìm các từ ngữ cần giải nghĩa trong đoạn 2. - Giải nghĩa các từ ngữ trên bằng một trong những cách sau: tra từ điển, dựa vào kinh nghiệm thực tế, đặt câu với từ ngữ đó.
4. Luyện đọc diễn cảm	- Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 2 và luyện đọc diễn cảm đoạn đó.
5. Trả lời câu hỏi	
Câu 2: Những cư chi, lời nói, việc làm nào của thầy giáo già làm cho bố bạn nhỏ xúc động?	
Câu 4: Theo em, bạn nhỏ có cảm nghĩ gì khi được tới thăm người thầy đầu tiên của bố?	

- HS thực hiện yêu cầu trong
Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP
VÒNG 1: CHUYÊN GIA

Nội dung	Yêu cầu
1. Luyện đọc từ	- Dùng bút chì gạch chân dưới các từ ngữ khó đọc trong đoạn 1 và luyện đọc những từ đó.
2. Luyện đọc câu dài	- Chỉ dẫn cách ngắt giọng của 1-2 câu văn dài trong đoạn 1. - Luyện đọc câu dài.
3. Giải nghĩa từ	- Tìm các từ ngữ cần giải nghĩa trong đoạn 1. - Giải nghĩa các từ ngữ trên bằng một trong những cách sau: tra từ điển, dựa vào kinh nghiệm thực tế, đặt câu với từ ngữ đó.
4. Luyện đọc diễn cảm	- Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 1 và luyện đọc diễn cảm đoạn đó.
5. Trả lời câu hỏi	
Câu 1: Hành động bỏ mũ khi chào thầy giáo của bố bạn nhỏ nói lên điều gì?	
Câu 3: Vì sao bố bạn nhỏ rung rung nước mắt khi nhận lại bài chính tả cũ của mình?	

- Hết thời gian thực hiện, GV yêu cầu các nhóm Chuyên gia của mỗi dãy điểm danh từ 1 đến 5 để chuẩn bị thành lập nhóm Mảnh ghép.

** Vòng 2: Mảnh ghép*

- GV yêu cầu các HS có số thứ tự cùng nhau tạo thành một nhóm Mảnh ghép.
- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm hoàn thành Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP
VÒNG 2: MẢNH GHÉP

- Mỗi trưởng nhóm “Chuyên gia” chia sẻ với nhóm Mảnh ghép về các nội dung đã được học tập (vòng 1), đảm bảo cả nhóm đều hiểu rõ về 2 đoạn truyện.
- Luyện đọc diễn cảm toàn bài.
- Nêu nội dung chính của bài đọc:

.....

.....

.....

.....

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

** Rút phiếu trả lời câu hỏi:*

- Gọi HS bất kì lên rút thăm và trình bày trước lớp:
+ Đọc diễn cảm đoạn...
+ Giải nghĩa từ: ...
+ Đọc câu: ...
+ Nêu cách đọc đoạn...
+ Hành động bỏ mũ khi chào thầy giáo cũ của bố bạn nhỏ nói lên điều gì?

- HS tạo nhóm Mảnh ghép.

- HS thực hiện yêu cầu.

- HS lên rút thăm và thực hiện yêu cầu.

+ Những cử chỉ, lời nói, việc làm nào của thầy giáo già làm cho bố bạn nhỏ xúc động? + Vì sao bố bạn nhỏ rưng rưng nước mắt khi nhận lại bài chính tả cũ của mình? + Theo em, bạn nhỏ có cảm nghĩ gì khi được tới thăm người thầy đầu tiên của bố? + Em thích nhất chi tiết/nhân vật nào trong truyện? Vì sao? + Nêu một bài học sâu sắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện? - GV và cả lớp nhận xét, kết luận.	- HS nhận xét.
--	-----------------------

2.2.2. Thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức trong dạy Luyện từ và câu

2.2.2.1. Luyện từ và câu: Danh từ

1. Những chi tiết nào trong bài thơ cho thấy các bạn nhận ra "mỗi đứa mình một khác"?
2. Bạn nhỏ lo lắng điều gì về sự khác biệt đó?
3. Bạn nhỏ đã phát hiện ra điều gì khi ngắm nhìn vườn hoa của mẹ?
4. Hình ảnh dân đồng ca ở cuối bài thơ thể hiện điều gì? Tìm câu trả lời đúng.
- Một tập thể thích hát.
 - Một tập thể thống nhất.
 - Một tập thể đầy sức mạnh.
 - Một tập thể rất đông người.
5. Theo em, bài thơ muốn nói đến điều gì? Điều gì điều đó thể hiện như thế nào trong lớp của em?
- * Học thuộc lòng bài thơ.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

DANH TỪ

1. Xếp các từ in đậm vào nhóm thích hợp.

Thế là kì nghỉ hè kết thúc. Năng **thu** đã toả vàng khắp nơi thay cho những tia **nắng** hè gay gắt. **Gió** thổi mát rượi, đuổi những chiếc lá rụng chạy lao xao. **Lá** như cũng biết nó đùa, cứ quẩn theo chân các bạn **học sinh** đang đi vội vã. Bạn thì đi với **bố**, bạn thì đi với **mẹ**, có bạn lại đi một mình. Ai cũng vội đến trường để gặp lại **thầy giáo**, **cô giáo**, **bạn bè**, gặp lại **bàn**, **ghế** thân quen. **Hôm nay** bắt đầu **năm học** mới.

(Hạnh Minh)

Từ chỉ người Từ chỉ vật Từ chỉ hiện tượng tự nhiên Từ chỉ thời gian

2. Chơi trò chơi: **Đường đua kì thú**.

Cách chơi:

- Tung xúc xắc để biết được đi mấy ô.
- Đến ô nào phải nói được 2 từ thuộc ô đó (không trùng với các từ đã nêu).
- Nếu không nói được, phải lùi lại một ô.
- AI đến đích trước, người đó chiến thắng.

XUẤT PHÁT

ĐIỂM

Ghi nhớ

Danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...).

3. Tìm các danh từ chỉ người, vật trong lớp học của em.

4. Đặt 3 câu, mỗi câu chứa 1 – 2 danh từ tìm được ở bài tập 3.

VIẾT

TÌM HIỂU ĐOẠN VĂN VÀ CÂU CHỦ ĐỀ

1. Đọc các đoạn văn dưới đây và thực hiện yêu cầu.

- Nhận xét về hình thức trình bày của các đoạn văn.
- Ý chính của mỗi đoạn văn là gì?
- Tìm câu nêu ý chính của mỗi đoạn. Câu đó nằm ở vị trí nào trong đoạn?

Đoạn 1

Mọi người bắt tay vào việc chuẩn bị cho cuộc khiêu vũ. Người thì xén bốt cỏ để làm sân nhảy, người thì kê ghế dài xung quanh bãi cỏ đã xén gọn. Bên này, hai bạn nhanh nhẹn nhất đang dựng một cái sân khấu để biểu diễn nhạc. Bên kia, mười tay đàn xuất sắc đã lập thành một dàn nhạc và chơi thử ngay tại chỗ.

(Theo Ni-cô-lai Nô-xốp)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS				
Hoạt động: Tìm hiểu về danh từ (17 phút) * Mục tiêu: - Xếp được các từ in đậm trong đoạn văn vào nhóm thích hợp. - Tìm được các từ chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian... theo yêu cầu. - Rút ra khái niệm/nêu cách hiểu đúng về danh từ. * PP, PTDH: Thảo luận nhóm, Trò chơi học tập, Khăn trải bàn, Vấn đáp, Phiếu học tập. * Thời gian: 17 phút * Cách tiến hành:					
* Bài tập 1. Xếp các từ in đậm vào nhóm thích hợp Bước 1: Tìm hiểu yêu cầu bài tập - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập. Bước 2: Giao nhiệm vụ - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS thực hiện theo nhóm (4 HS/nhóm). PHIẾU HỌC TẬP Nhóm số: Thời gian: 5 phút <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center; vertical-align: top;"> Từ chỉ người  _____ _____ _____ </td><td style="width: 50%; text-align: center; vertical-align: top;"> Từ chỉ vật  _____ _____ _____ </td></tr> <tr> <td style="text-align: center; vertical-align: top;"> Từ chỉ hiện tượng tự nhiên  _____ _____ </td><td style="text-align: center; vertical-align: top;"> Từ chỉ thời gian  _____ _____ </td></tr> </table> Bước 3: Thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát và hỗ trợ các nhóm HS. Bước 4: HS báo cáo kết quả - GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Bước 5: Nhận xét, kết luận - GV nhận xét, biểu dương những nhóm có ý	Từ chỉ người  _____ _____ _____	Từ chỉ vật  _____ _____ _____	Từ chỉ hiện tượng tự nhiên  _____ _____	Từ chỉ thời gian  _____ _____	- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập. - Các nhóm HS cử nhóm trưởng, thư kí. - HS thảo luận và hoàn thành phiếu bài tập. - Các nhóm dán phiếu học tập lên bảng, nhóm trưởng đọc kết quả. - Cả lớp nhận xét, bổ sung.
Từ chỉ người  _____ _____ _____	Từ chỉ vật  _____ _____ _____				
Từ chỉ hiện tượng tự nhiên  _____ _____	Từ chỉ thời gian  _____ _____				

thức học tập tốt.

- Trình chiếu kết quả bài tập:

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm số: Thời gian: 5 phút

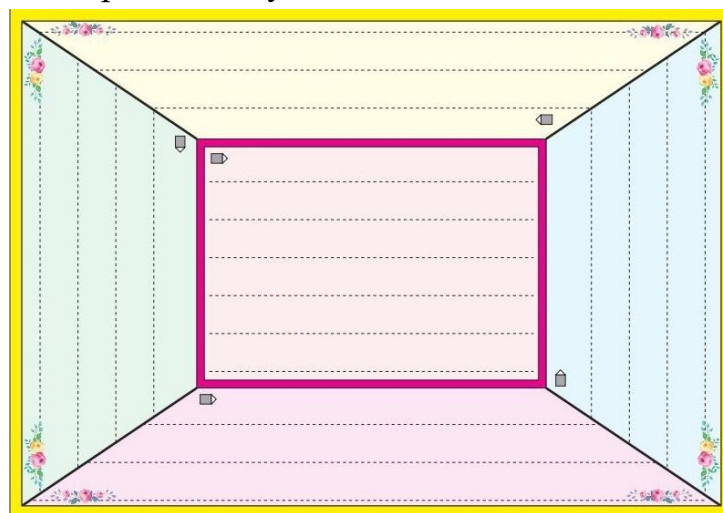
Từ chỉ người  học sinh, bố, mẹ, cô giáo, thầy giáo, bạn bè	Từ chỉ vật  lá, bàn, ghế
Từ chỉ hiện tượng tự nhiên  nắng, gió	Từ chỉ thời gian  hè, thu, hôm nay, năm học

- HS đối chiếu kết quả bài tập.

*** Bài tập 2. Tìm từ ngữ chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian.**

1. Hoạt động nhóm

- GV chia lớp thành các nhóm (4 HS/nhóm) (Mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng và 1 thư ký)
- GV sử dụng kỹ thuật “Khăn trải bàn” tổ chức cho lớp tìm các từ chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian.
- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu theo yêu cầu.

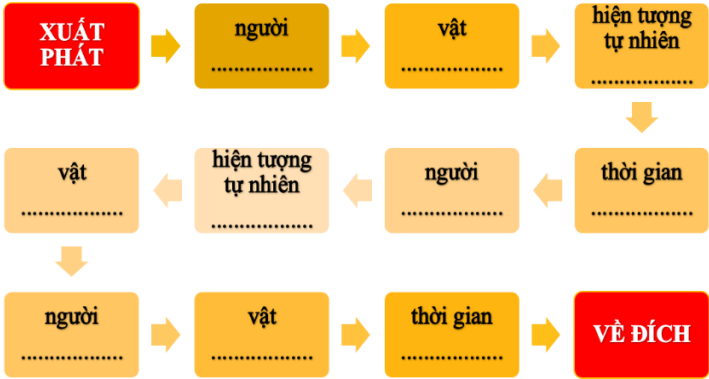


- GV quan sát, trợ giúp HS.
- Các nhóm đối chiếu phiếu học tập, nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, biểu dương những nhóm có ý thức học tập tốt.

- Bầu nhóm trưởng, thư kí.

- Mỗi thành viên viết ý kiến của mình vào phiếu bài tập theo yêu cầu.

- Nhóm trưởng và thư ký tổng hợp ý kiến vào ô ở giữa phiếu học tập.

2. Tổ chức trò chơi “Cuộc đua kì thú” Bước 1: Giới thiệu trò chơi - GV nêu tên trò chơi “Cuộc đua kì thú” - Mục đích: Tìm được danh từ chỉ người, chỉ vật, chỉ hiện tượng tự nhiên, chỉ thời gian. Bước 2: Hướng dẫn chơi - Dụng cụ chơi: 2 sơ đồ đường đua (giấy A0), bút dạ.  <pre> graph LR A[XUẤT PHÁT] --> B[người] B --> C[vật] C --> D[hiện tượng tự nhiên] D --> E[thời gian] E --> F[người] F --> G[hiện tượng tự nhiên] G --> H[vật] H --> I[người] I --> J[vật] J --> K[thời gian] K --> L[VỀ ĐÍCH] </pre> - Cách chơi: + Mỗi đội chơi xếp thành một hàng dọc. + HS đứng đầu hàng viết 1 từ vào chỗ trống. Viết xong đập tay với bạn tiếp theo, các bạn lần lượt hoàn thành phiếu. - Luật chơi: + Viết đúng chính tả; từ ngữ không được trùng nhau. + Hết thời gian chơi, đội nào tìm được nhiều đáp án đúng hơn là đội chiến thắng. Nếu ai phạm luật, sẽ bị loại khỏi đội chơi. Bước 3: Thực hiện trò chơi - GV chia lớp làm 2 nhóm, mỗi nhóm chọn ra 5 bạn tham gia trò chơi. - GV theo dõi, hỗ trợ đội chơi, đảm bảo chơi đúng luật. Bước 4: Tổng kết, đánh giá - GV tổng kết trò chơi, công bố kết quả từng đội. - Nhận xét ý thức tham gia trò chơi của các đội.	- HS tìm hiểu cách chơi. - HS tìm hiểu luật chơi. - Mỗi nhóm cử 5 bạn chơi. - HS thực hiện trò chơi.
--	---

- GV kết luận: Tất cả các từ chúng ta tìm được ở bài 1 và bài 2 được gọi là danh từ. - Thế nào là danh từ?	- Danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...)
- GV kết luận. - GV gọi 2 HS đọc ghi nhớ trước lớp, cả lớp đọc thầm ghi nhớ. - Yêu cầu HS tìm thêm một số danh từ và nói rõ danh từ chỉ gì?	- 2 HS đọc lại ghi nhớ. - HS tìm danh từ

2.2.2.2. Luyện từ và câu: Động từ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

ĐỘNG TỪ

1. Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp với người và vật trong tranh.



chạy bay bơi
hót đậu vẫy
đi cười
nói

2. Các từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây có điểm gì chung?

Trời xanh mà tôi **yêu**
Trời xanh ấy mang theo
Cả nỗi lo nỗi sợ:
Tôi **lo** bão **lo** gió
Tôi **sợ** cắt **sợ** diều
Thoáng bóng nó nơi nào
Tôi nấp ngay cánh mẹ...
(Xuân Quỳnh)

Ghi nhớ
Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

3. Tìm động từ trong các câu tục ngữ dưới đây:

a. Yêu trẻ, trẻ đến nhà. b. Thương người như thể thương thân.
c. Uống nước nhớ nguồn. d. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

4. Dựa vào tranh ở bài tập 1, đặt câu có chứa 1 – 2 động từ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động: Tìm hiểu về động từ * Mục tiêu: - Tìm được động từ theo yêu cầu. - Rút ra khái niệm/nêu cách hiểu đúng về động từ. * PP, PTDH: Vòng bi, Think – Pair – Share, Trực quan, Thảo luận nhóm, Phiếu học tập. * Thời gian: 17 phút	

* Cách tiến hành:	
* Bài tập 1: Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp với người và vật trong tranh Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS nêu yêu cầu bài tập. - GV sử dụng kỹ thuật vòng bi và hướng dẫn HS đứng quay mặt vào nhau thảo luận cặp trong nhóm theo sơ đồ sau:	- HS nêu yêu cầu bài tập: <i>Nói từ chỉ hoạt động thích hợp với người và vật trong tranh.</i> - HS lắng nghe.
Bước 2: HS luyện nói theo nhóm - GV quan sát, trợ giúp HS.	- HS thực hành nói theo cặp. + Vòng 1: HS đứng xếp hàng, chia sẻ với bạn đối diện (1 phút). + Vòng 2: HS di chuyển theo hướng dẫn của GV để tạo cặp mới, tiếp tục chia sẻ (1 phút).
Bước 3: HS luyện nói trước lớp - GV gọi đại diện 1-2 nhóm lên chỉ vào tranh và nói trước lớp.	- HS lên chỉ tranh và nói từ chỉ hoạt động thích hợp với người và vật. + Người: bạn nam (trên cùng, bên trái) – vẫy; các bạn – cười,

Bước 4: GV nhận xét, kết luận

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- GV kết luận: Các từ in đậm trong đoạn thơ đều là những từ chỉ trạng thái của sự vật.

* Hoàn thành Phiếu học tập

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ: hoàn thành Phiếu học tập, tìm từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái phù hợp với hình ảnh.

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên: Thời gian: 5 phút

Nhiệm vụ: Tìm từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái phù hợp với mỗi hình ảnh dưới đây.

 1	 2	 3	 4
 5	 6	 7	 8

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, trợ giúp HS.

Bước 3: HS báo cáo kết quả

- GV gọi một số HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- GV và HS nhận xét, kết luận.

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên: Thời gian: 5 phút

Nhiệm vụ: Tìm từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái phù hợp với mỗi hình ảnh dưới đây.

 1. khóc/buồn	 2. sợ/lo	 3. uống	 4. ăn
 5. chạy/tập	 6. suy nghĩ	 7. vui/mừng	 8. cười/hạnh phúc

Bước 4: GV nhận xét, kết luận

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả

- HS lắng nghe.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

thực hiện nhiệm vụ của HS. - GV kết luận: Những từ đã tìm được từ 3 bài tập được gọi là động từ. Vậy em hiểu thế nào là động từ? - GV gọi 2 HS đọc ghi nhớ trước lớp, cả lớp đọc thầm ghi nhớ.	- Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật. - 2 HS đọc lại ghi nhớ.
---	---

2.2.2.3. Luyện từ và câu: Cách dùng và công dụng của từ điển

Từ ngữ

- Gút: đồ làm bằng mây tre để mang đồ đạc (trên lưng), dùng ở một số khu vực miền núi.
- Thung (thung lũng): dải đất trũng, thấp giữa các sườn (dãy) núi.

1. Bài thơ viết về các bạn nhỏ ở đâu? Những cảnh vật nào giúp em biết điều đó?

2. Những chi tiết nào cho thấy việc đi học của bạn nhỏ ở vùng cao rất vất vả?

3. Trên đường đi học, bạn nhỏ nghe thấy những âm thanh nào? Theo em, những âm thanh đó đem lại cảm xúc gì cho bạn nhỏ?

4. Theo em, hai dòng thơ "Đường xa chân có mỏi/ Chữ vẫn gửi trên lưng" thể hiện điều gì?

5. Em thích hình ảnh thơ nào nhất? Vì sao?

* Học thuộc lòng bài thơ.



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÁCH DÙNG VÀ CÔNG DỤNG CỦA TỪ ĐIỂN

1. Đọc hướng dẫn và thực hành sử dụng từ điển:

(1) Chọn từ điển thích hợp với học sinh tiểu học.

(2) Đọc Hướng dẫn sử dụng (cách sắp xếp mục từ và các thông tin cần thiết khác).

(3) Đọc bảng chữ viết tắt.

(4) Tra từ cần tìm nghĩa.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Các mục từ được sắp xếp theo thứ tự chữ cái A, Ă, Æ, B, C, D, Đ, E, Ê, G, H, I, K, L, M, N, O, Ô, Ơ, P, Q, R, S, T, U, Ư, V, X, Y và thứ tự dấu thanh (thanh điệu): ngang (không dấu), huyền, hỏi, ngã, nặng.

2. Các từ đồng âm khác nghĩa được sắp xếp thành các mục từ riêng có đánh số 1, 2, 3, ... sát sau mỗi từ để phân biệt.

CHỮ VIẾT TẮT

cá: cá dao	rủ: như
đ: danh từ	ph: phụ từ
đp: địa phương	th: thành ngữ
lq: liên ngữ	tt: tính từ

2. Dựa vào các bước tìm nghĩa của từ theo ví dụ dưới đây, tìm nhanh nghĩa của các từ *cao ngất*, *cheo leo*, *hoang vu* trong từ điển.

Ví dụ: Tìm nghĩa của từ *bình minh*.

Bước 1: Tìm mục chữ B trong từ điển.

Bước 2: Tìm từ *bình minh*.

- Tìm tiếng *bình*.

- Tìm tiếng đứng sau *bình*: *bình + minh* → *bình minh*.

Bước 3: Đọc nghĩa của từ *bình minh*.

Bước 4: Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng.

3. Những ý nào dưới đây nêu đúng công dụng của từ điển?

A. Cung cấp thông tin về từ loại (danh từ, động từ, tính từ,...).

B. Cung cấp cách sử dụng từ thông qua các ví dụ.

C. Dạy cách nhớ từ.

D. Giúp hiểu nghĩa của từ.

VIẾT

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN

Đề bài: Viết bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 14, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

a. Đọc lại bài làm của em để phát hiện lỗi.

Cách viết mở bài, kết bài → **Trình tự các sự việc được kể ở thân bài** → **Cách dùng từ, đặt câu** → **Chỉnh tả**

b. Sửa lỗi (nếu có).

Kể cho người thân nghe những điều em biết về cuộc sống và việc đi học của các bạn học sinh vùng cao.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động: Tìm hiểu cách dùng và công dụng của từ điển * Mục tiêu: - Nêu được cách dùng, công dụng của từ điển. - Tìm được nghĩa của một số từ trong từ điển. * PP, PTDH: Dạy học theo trạm, Vấn đáp, Trò chơi học tập. * Thời gian: 25 phút * Cách tiến hành:	
Bước 1. Tìm hiểu cách dùng của từ điển - GV gọi HS kể tên một số cuốn từ điển. - GV chiếu hình ảnh/cho HS xem trực tiếp một số cuốn từ điển thường gặp; giới thiệu thêm một số trang từ điển trực tuyến:	- HS kể tên một số cuốn từ điển. Chẳng hạn: Từ điển tiếng Việt, Từ điển Anh – Việt, Từ điển Việt – Anh,

<http://tratu.soha.vn//>;
<http://vi.wikipedia.org/wiki>

- GV trình chiếu “Hướng dẫn sử dụng” từ điển (SGK tr.64) và hướng dẫn chung cho cả lớp; thị phạm cho HS hiểu rõ qua một cuốn từ điển cụ thể.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG									
(2) Đọc Hướng dẫn sử dụng (cách sắp xếp mục từ và các thông tin cần thiết khác).	1. Các mục từ được sắp xếp theo thứ tự chữ cái A, Ă, Æ, B, C, D, Đ, E, Ê, G, H, I, K, L, M, N, O, Ô, Ơ, P, Q, R, S, T, U, Ư, V, X, Y và thứ tự dấu thanh (thanh điệu): ngang (không dấu), huyền, hỏi, ngã, sắc, nặng. 2. Các từ đồng âm khác nghĩa được sắp xếp thành các mục từ riêng có đánh số 1, 2, 3,... sát sau mỗi từ để khu biệt.								
(3) Đọc bảng chữ viết tắt.	CHỮ VIẾT TẮT <table border="0"> <tr> <td>cd: ca dao</td> <td>nh: như</td> </tr> <tr> <td>dt: danh từ</td> <td>ph: phụ từ</td> </tr> <tr> <td>đph: địa phương</td> <td>thng: thành ngữ</td> </tr> <tr> <td>kng: khẩu ngữ</td> <td>tt: tính từ</td> </tr> </table>	cd: ca dao	nh: như	dt: danh từ	ph: phụ từ	đph: địa phương	thng: thành ngữ	kng: khẩu ngữ	tt: tính từ
cd: ca dao	nh: như								
dt: danh từ	ph: phụ từ								
đph: địa phương	thng: thành ngữ								
kng: khẩu ngữ	tt: tính từ								
(4) Tra từ cần tìm nghĩa.									

- Hướng dẫn HS làm việc theo cặp: đọc và trao đổi với bạn về các bước sử dụng từ điển.

Bước 1: Tìm mục chữ B trong từ điển.	bình minh <i>đ.</i> Khoảng thời gian mới hừng sáng trước khi mặt trời mọc. <i>Ánh bình minh.</i>
Bước 2: Tìm từ <i>bình minh</i>. - Tìm tiếng <i>bình</i>. - Tìm tiếng đứng sau <i>bình</i>: bình + minh → bình minh.	
Bước 3: Đọc nghĩa của từ <i>bình minh</i> .	
Bước 4: Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng.	

- Gọi một số nhóm trình bày trước lớp.
 - GV và cả lớp nhận xét, kết luận.
 - Ngoài cách sử dụng cuốn từ điển, GV hướng dẫn HS tìm nghĩa của từ bằng từ điển trực tuyến tại <http://tratu.soha.vn//>
 + Bước 1: Mở trình duyệt web (Chrome, Cốc Cốc, Safari,...).
 + Bước 2: Gõ địa chỉ trang web <http://tratu.soha.vn//> vào thanh tìm kiếm và nhấn phím Enter.
 + Bước 3: Khi trang hiện ra, sẽ thấy ô tìm kiếm lớn ở giữa màn hình.
 + Bước 4: Gõ từ cần tra vào ô tìm kiếm; sau

Từ điển chính tả tiếng Việt,
 Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam, Từ điển văn học, Từ điển Hán Việt...

- HS thực hiện nhiệm vụ.

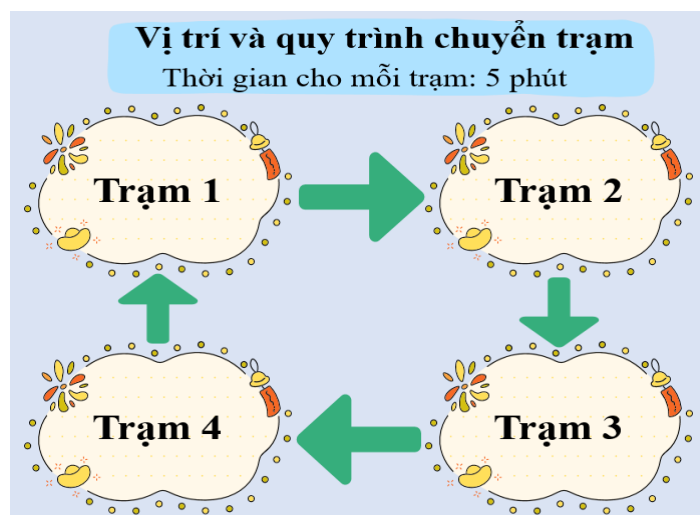
- Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
 - HS lắng nghe.

đó nhấn phím Enter hoặc click vào biểu tượng kính lúp.

+ Bước 5: Đọc thông tin hiển thị: Định nghĩa của từ. Ví dụ sử dụng. Các nghĩa mở rộng (nếu có).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ theo trạm

- GV giới thiệu PP học tập theo trạm: nhiệm vụ tại các trạm, quy trình chuyển trạm, quy định thời gian. Ngoài 4 trạm bắt buộc, có một trạm tự chọn, dành cho nhóm nào hoàn thành nhiệm vụ trước thời hạn, có nhu cầu ghi thêm điểm.



* *Chuyển giao nhiệm vụ cho các nhóm:*

- GV chia lớp thành 4 nhóm và sắp xếp vị trí nhóm phù hợp với không gian lớp học.

+ Trạm 1: Từ điển tiếng Việt

Nhiệm vụ: Trao đổi với nhóm để tìm ra nghĩa các từ *cao ngất*, *cheo leo*, *hoang vu* trong từ điển. Ghi nghĩa của từ vào dòng thích hợp của nhóm mình.

+ Trạm 2: Từ điển Thành ngữ - Tục ngữ

Nhiệm vụ: Trao đổi với nhóm để tìm ra nghĩa của thành ngữ, tục ngữ *Cả thềm chóng chán* và *Máu chảy ruột mềm* trong từ điển. Ghi nghĩa của từ vào dòng thích hợp của nhóm mình.

+ Trạm 3: Từ điển Từ láy

- HS quan sát, lắng nghe.

- Các nhóm bầu nhóm trưởng, thư kí.

Nhiệm vụ: Trao đổi với nhóm để tìm ra nghĩa của từ láy *độc đáo, lao nhao, gốc gác* trong từ điển. Ghi nghĩa của từ vào dòng thích hợp của nhóm mình.

+ Trạm 4: Từ điển trực tuyến

Nhiệm vụ: Hãy thảo luận với nhóm để tìm ra nghĩa của từ *hạnh phúc, tự hào, xa tít* trong từ điển trực tuyến *tratu.soha.vn*. Ghi nghĩa của từ vào dòng thích hợp của nhóm mình.

+ Trạm 5: Công dụng của từ điển

Nhiệm vụ: Hãy nêu công dụng của từ điển.

* *Tổ chức thực hiện nhiệm vụ*

- GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ tại các trạm theo yêu cầu và trả lời vào phiếu học tập của nhóm.

PHIẾU HỌC TẬP			
Nhóm số:...		Thời gian: 5 phút	
Trạm 1	Từ điển Tiếng Việt	Trạm 3	Từ điển Từ láy
<i>"cao ngát":</i> <i>"cheo leo":</i> <i>"hoang vu":</i>		<i>"độc đáo":</i> <i>"lao nhao":</i> <i>"gốc gác":</i>	
Trạm 2	Từ điển Thành ngữ - Tục ngữ	Trạm 4	Từ điển trực tuyến
<i>"Cả thèm chóng chán":</i> <i>"Máu chảy ruột mềm":</i>		<i>"hạnh phúc":</i> <i>"tự hào":</i> <i>"xa tít":</i>	

- GV thường xuyên theo dõi, quan sát, phát hiện khó khăn của HS để hỗ trợ kịp thời.

- Trước khi hết thời gian mỗi trạm, GV thông báo cho HS nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị chuyển trạm.

* *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

- Hết thời gian thực hành, GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

- Thực hiện nhiệm vụ đã ghi trên phiếu giao việc để sẵn tại mỗi trạm.

- Các nhóm chuyển trạm theo trình tự quy định, tránh lộn xộn, gây ồn.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

+ Trạm 1:

cao ngát: cao đến quá tầm
cheo leo: cao và không có chỗ bấu víu gây cảm giác

* Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	nguy hiểm dễ bị rơi ngã. <i>hoang vu</i>: ở trạng thái bỏ không để cho cây cỏ mọc tự nhiên chưa hề có tác động của con người. + Trạm 2: <i>Cả thèm chóng chán</i>: thèm muốn tới mức đam mê, mãnh liệt nhưng khi được rồi lại rất mau chán, muốn vứt bỏ ngay <i>Máu chảy ruột mềm</i>: đau xót, thương yêu, đồng cảm trước tai họa của người thân, của đồng bào. + Trạm 3: <i>độc đáo</i>: có tính chất đặc biệt, không có cái cùng loại (<i>Sáng kiến độc đáo</i>). <i>lao nhao</i>: ồn ào, lộn sộn (<i>Đám trẻ lao nhao chờ phát quà</i>) <i>gốc gác</i>: nguồn gốc từ xa xưa, nơi sinh ra (<i>Cô ấy gốc gác ở tận Cà Mau</i>) + Trạm 4: <i>hạnh phúc</i>: trạng thái sung sướng vì cảm thấy hoàn toàn đạt được ý nguyện. <i>tự hào</i>: lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có. <i>xa tí</i>: xa lắm, đến mức mắt thường không thể nhìn tới được.
--	--

- GV phổ biến tiêu chí đánh giá và phát phiếu chấm điểm cho các nhóm. - GV đánh giá, kết luận chung về hoạt động thực hành của HS.	- Các nhóm nhận xét, đánh giá chéo nhau; HS trong mỗi nhóm tự đánh giá, cho điểm từng thành viên của nhóm mình theo tiêu chí quy định. - Tập hợp phiếu chấm điểm nộp cho GV.
---	---

2.2.2.4. Luyện từ và câu: Hai thành phần chính của câu

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

HAI THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU

1. Tách mỗi câu dưới đây thành hai thành phần.

TT	Câu	Thành phần thứ nhất	Thành phần thứ hai
1	M: Ông Bụt đã cứu con.	Ông Bụt	đã cứu con.
2	Nắng mùa thu vàng óng.	?	?
3	Nhàn lan ấy rất đẹp.	?	?
4	Nhạc sĩ Văn Cao là tác giả bài hát Tiến quân ca.	?	?

2. Từ kết quả ở bài tập 1, thực hiện các yêu cầu sau:

a. Xếp thành phần thứ nhất của mỗi câu vào nhóm thích hợp.

người vật hiện tượng tự nhiên

b. Xếp thành phần thứ hai của mỗi câu vào nhóm thích hợp.

hoạt động, trạng thái đặc điểm giới thiệu, nhận xét

3. Đặt câu hỏi cho các thành phần câu trong bài tập 1.

M: – Ai đã cứu con?
– Ông Bụt làm gì?

Ghi nhớ
Câu thường gồm 2 thành phần chính: chủ ngữ và vị ngữ.
– Chủ ngữ nêu người, vật, hiện tượng tự nhiên... được nói đến trong câu. Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi có từ ngữ để hỏi: *ai, cái gì, con gì,...*
– Vị ngữ nêu hoạt động, trạng thái, đặc điểm của đối tượng được nói ở chủ ngữ hoặc giới thiệu, nhận xét về đối tượng đó. Vị ngữ trả lời cho câu hỏi có từ ngữ để hỏi: *làm gì, thế nào, là ai,...*

4. Tìm chủ ngữ hoặc vị ngữ thích hợp để hoàn thành câu.

a. Chú chim sơn ca ? b. ? chìm vào giấc ngủ say.
c. Vườn hồng ? d. ? nằm phơi nắng bên thềm.

18

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động: Tìm hiểu về hai thành phần chính của câu * Mục tiêu: - HS tách được câu thành hai thành phần chủ ngữ và vị ngữ. - Xếp được hai thành phần chủ ngữ và vị ngữ vào nhóm thích hợp. - Đặt được câu hỏi cho các thành phần câu. * PP, PTDH: Trực quan, Thảo luận nhóm, Phiếu học tập, Vấn đáp. * Thời gian: 25 phút * Cách tiến hành:	
* Bài tập 1: Tách câu thành hai thành phần	

- GV chiếu bài tập, hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu bài tập.

1. Tách mỗi câu dưới đây thành hai thành phần.

TT	Câu	Thành phần thứ nhất	Thành phần thứ hai
1	M: Ông Bụt đã cứu con.	Ông Bụt	đã cứu con.
2	Nắng mùa thu vàng óng.	?	?
3	Nhàn lan ấy rất đẹp.	?	?
4	Nhạc sĩ Văn Cao là tác giả bài hát <i>Tiến quân ca</i> .	?	?

- GV nêu câu mẫu.

- GV phát Phiếu học tập cho HS. Yêu cầu HS làm việc cá nhân trên Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

Thời gian: 3 phút

Nhiệm vụ: Tách mỗi câu dưới đây thành hai thành phần.

TT	Câu	Thành phần thứ nhất	Thành phần thứ hai
1	M: Ông Bụt đã cứu con	Ông Bụt	đã cứu con.
2	Nắng mùa thu vàng óng.		
3	Nhàn lan ấy rất đẹp.		
4	Nhạc sĩ Văn Cao là tác giả bài hát <i>Tiến quân ca</i> .		

- Gọi một số HS trình bày kết quả.

- Từ bài tập 1, em hãy cho biết: Câu có mấy thành phần chính?

- GV nhận xét, kết luận.

PHIẾU HỌC TẬP

Thời gian: 3 phút

Nhiệm vụ: Tách mỗi câu dưới đây thành hai thành phần.

TT	Câu	Thành phần thứ nhất	Thành phần thứ hai
1	M: Ông Bụt đã cứu con	Ông Bụt	đã cứu con.
2	Nắng mùa thu vàng óng.	Nắng mùa thu	vàng óng.
3	Nhàn lan ấy rất đẹp.	Nhàn lan ấy	rất đẹp.
4	Nhạc sĩ Văn Cao là tác giả bài hát <i>Tiến quân ca</i> .	Nhạc sĩ Văn Cao	là tác giả bài hát <i>Tiến quân ca</i> .

- HS tìm hiểu yêu cầu bài tập.

- HS thực hiện yêu cầu.

- HS trình bày kết quả.

- Câu có 2 thành phần chính.

* Bài tập 2: Xếp các thành phần câu vào nhóm thích hợp

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm: HS cắt phiếu (Bài tập 1) thành các thành phần rời nhau.

- GV phát Phiếu học tập và hướng dẫn

- HS cắt phiếu Bài tập 1 thành các thành phần rời nhau.

HS cách xếp:

PHIẾU HỌC TẬP
Thời gian: 3 phút

a) Xếp thành phần thứ nhất của mỗi câu vào nhóm thích hợp

người	vật	hiện tượng tự nhiên

b) Xếp thành phần thứ hai của mỗi câu vào nhóm thích hợp

hoạt động, trạng thái	đặc điểm	giới thiệu, nhận xét

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi, xếp các thành phần vào các nhóm.
- GV gọi một số nhóm trình bày kết quả.

- GV nêu câu hỏi: Từ kết quả của bài tập 2, em hãy cho biết:
- + Thành phần chính thứ nhất của câu thường chỉ gì?
- + Thành phần chính thứ hai của câu thường chỉ gì?

- GV và cả lớp nhận xét, kết luận.

* Bài tập 3: Đặt câu với mỗi thành phần

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm (4 HS/nhóm), bắt thăm một thành phần bất kì ở Bài tập 2, đặt câu với thành phần đó.
- + Mỗi nhóm có một hộp thẻ. HS lần lượt bắt thăm và đặt câu hỏi theo mẫu.
- + Yêu cầu: Từng HS bắt thăm và đặt câu hỏi, bạn này thực hiện xong mới đến bạn

- HS làm việc nhóm, xếp các thành phần vào các nhóm.
- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.

PHIẾU HỌC TẬP
Thời gian: 3 phút

a) Xếp thành phần thứ nhất của mỗi câu vào nhóm thích hợp

người	vật	hiện tượng tự nhiên
Ông Bụt	Nhánh lan ấy	Nắng mùa thu
Nhạc sĩ Văn Cao		

b) Xếp thành phần thứ hai của mỗi câu vào nhóm thích hợp

hoạt động, trạng thái	đặc điểm	giới thiệu, nhận xét
đã cứu con.	vàng óng.	là tác giả bài hát
	rất đẹp.	Tiến quân ca.

- HS trả lời.
- + Thành phần chính thứ nhất của câu thường chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên.
- + Thành phần chính thứ hai của câu thường chỉ hoạt động, trạng thái; đặc điểm; giới thiệu, nhận xét.

- HS lắng nghe GV hướng dẫn.

- GV gọi 2 HS đọc ghi nhớ trước lớp, cả lớp đọc thầm ghi nhớ. - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.	- 2 HS đọc lại ghi nhớ. - HS lắng nghe.
--	--

2.2.2.5. Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TRẠNG NGỮ CHỈ THỜI GIAN, NƠI CHỖ

- Tìm trạng ngữ của mỗi câu dưới đây và cho biết chúng bổ sung thông tin gì cho câu.
 - Mùa xuân, các loài hoa đua nhau khoe sắc.
 - Dưới chân đồi, đàn trâu đang thung thàng gặm cỏ.
 - Tháng Ba, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.
 - Trước nhà, bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp.
- Đặt câu hỏi cho mỗi trạng ngữ vừa tìm được ở bài tập 1.

Ghi nhớ

- Trạng ngữ chỉ thời gian bổ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc nêu trong câu; trả lời cho câu hỏi có từ ngữ để hỏi: *khí nào, bao giờ,...*
- Trạng ngữ chỉ nơi chốn bổ sung thông tin về địa điểm diễn ra sự việc nêu trong câu; trả lời cho câu hỏi có từ ngữ để hỏi: *ở đâu, chỗ nào,...*

- Tìm trạng ngữ của mỗi câu trong đoạn văn dưới đây và xếp vào nhóm thích hợp.

Ở góc vườn, bà tôi trồng một cây cam. Tháng Chạp, cam chín vàng tươi. Những quả cam tròn, mọng nước, trông thật đẹp mắt. Vào ngày Tết, bà thường cắt cam bày lên bàn thờ tổ tiên. Khắp gian phòng, hương cam thoang thoảng nhẹ bay.

(Theo Bảo Khánh)

Trạng ngữ
chỉ thời gian

Trạng ngữ
chỉ nơi chốn
- Tìm trạng ngữ chỉ thời gian hoặc nơi chốn thay cho ô vuông trong mỗi câu dưới đây:
 - bầy chim hót líu lo.
 - hoa phượng nở đỏ rực.
 - đoàn thuyền nối đuôi nhau ra khơi.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động: Tìm hiểu về trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn * Mục tiêu: - Xác định được thành phần trạng ngữ trong các câu đã cho và chỉ rõ mỗi thành phần trạng ngữ đó bổ sung thông tin gì cho câu. - Đặt câu hỏi phù hợp với mỗi trạng ngữ. - Rút ra khái niệm/nêu cách hiểu đúng trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn. * PP, PTDH: Thảo luận nhóm, Phiếu học tập, Vòng bi, Vấn đáp. * Thời gian: 15 phút * Cách tiến hành:	
* Bài tập 1: Tìm trạng ngữ của mỗi câu dưới đây và cho biết chúng bổ sung thông tin gì cho câu. - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 1.	- HS đọc yêu cầu bài tập.

- GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 thực hiện yêu cầu:

PHIẾU HỌC TẬP	
Nhóm số:	Thời gian: 5 phút
Gạch chân dưới trạng ngữ trong câu	Ý nghĩa của trạng ngữ
a. Mùa xuân, các loài hoa đua nhau khoe sắc.	
b. Dưới chân dê, đàn trâu đang thung thắng gặm cỏ.	
c. Tháng Ba, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.	
d. Trước nhà, bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp.	

- GV yêu cầu các nhóm trình bày kết quả.

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có ý thức học tập tốt.

- GV kết luận:

PHIẾU HỌC TẬP	
Nhóm số:	Thời gian: 5 phút
Gạch chân dưới trạng ngữ trong câu	Ý nghĩa của trạng ngữ
a. <u>Mùa xuân</u> , các loài hoa đua nhau khoe sắc.	thời gian
b. <u>Dưới chân dê</u> , đàn trâu đang thung thắng gặm cỏ.	nơi chốn
c. <u>Tháng Ba</u> , hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.	thời gian
d. <u>Trước nhà</u> , bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp.	nơi chốn

- GV hỏi: Nếu bỏ đi thành phần trạng ngữ đó, câu sẽ như thế nào?

- GV kết luận: Khi sử dụng trạng ngữ phù hợp, câu sẽ đầy đủ và rõ nghĩa hơn.

*** Bài tập 2: Đặt câu hỏi cho mỗi trạng ngữ vừa tìm được ở bài tập 1**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: đặt câu hỏi cho thành phần trạng ngữ tìm được ở bài tập 1.

- GV chia lớp thành các nhóm (6 HS/nhóm) sử dụng kỹ thuật Vòng bi và hướng dẫn HS quay mặt vào nhau, thảo luận cặp trong nhóm, luân chuyển vị trí để tạo thành 2 - 3

- HS thực hiện yêu cầu.

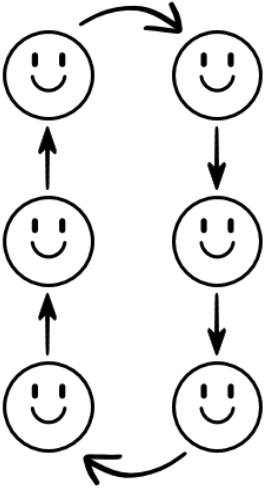
- Đại diện nhóm trình bày kết quả.

- HS lắng nghe.

- HS suy nghĩ, trả lời.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe.

cặp mới (theo sơ đồ).  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, trợ giúp HS. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Bước 4: GV nhận xét, kết luận - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. - GV hỏi: Em hiểu thế nào là trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn? - GV nhận xét, kết luận. - GV gọi 2 HS đọc ghi nhớ trước lớp, cả lớp đọc thầm ghi nhớ.	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - HS trả lời. + Trạng ngữ chỉ thời gian bổ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc trong câu; trả lời cho câu hỏi: khi nào, bao giờ,... + Trạng ngữ chỉ nơi chốn bổ sung thông tin về địa điểm diễn ra sự việc nêu trong câu; trả lời cho câu hỏi: ở đâu, chỗ nào,... - 2 HS đọc lại ghi nhớ.
---	--

2.2.3. Thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức trong dạy Nói và nghe

2.2.3.1. Nói và nghe: Tôi và bạn

sum họp âm áp: "Bà hiện ra móm mém, hiền từ, đang tay ôm hai đứa cháu hiếu thảo vào lòng."

(Vinh Nga)

- Câu mở đầu có điểm nào giống với câu mở đầu của đoạn văn ở bài tập 1?
- Những lí do người viết yêu thích câu chuyện là gì?
- Đoạn văn trình bày các ý theo cách nào dưới đây?

Cách 1

- Mở đầu: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ.
- Triển khai: Nêu các lí do yêu thích câu chuyện.

Cách 2

- Mở đầu: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ.
- Triển khai: Nêu các lí do yêu thích câu chuyện.
- Kết thúc: Tiếp tục khẳng định ý kiến về câu chuyện.

- Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
 - Cách sắp xếp ý trong đoạn (mở đầu, triển khai,...)
 - Cách nêu lí do yêu thích câu chuyện
 - Cách thức trình bày đoạn văn



Ghi nhớ

Khi viết đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện, cần nói rõ mình thích hoặc không thích câu chuyện đó và giải thích lí do.

NÓI VÀ NGHE

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI TÔI VÀ BẠN

Yêu cầu: Giới thiệu đặc điểm nổi bật của bản thân.

- Nói về bản thân.
 - Giới thiệu bức chân dung tự họa (nếu có).
 - Nêu đặc điểm nổi bật của bản thân (giải thích rõ từng đặc điểm hoặc đưa ví dụ minh họa).
- Trao đổi.
 - Nêu những điểm tốt của một người bạn mà em muốn học tập.
 - Nói điều em mong muốn ở bạn.



- Giới thiệu với người thân về đặc điểm nổi bật của những người bạn mà em yêu quý.
- Tìm đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật.

15

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động: Giới thiệu những điểm nổi bật của bản thân * Mục tiêu: - Giới thiệu được đặc điểm nổi bật của bản thân với các bạn. - Tác phong tự tin, cởi mở; kết hợp cử chỉ, điệu bộ phù hợp. - Sử dụng các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, sơ đồ,...), để tăng tính thuyết phục của bài nói. * PP, PTDH: Trực quan, Thực hành - Luyện tập, Thảo luận nhóm, Bức chân dung tự họa, Phiếu học tập. * Thời gian: 25 phút * Cách tiến hành:	
Bước 1: Nói về bản thân - GV cho HS nói về bản thân trong nhóm (4 HS/nhóm). - GV tổ chức cho HS nói về bản thân trước lớp, yêu cầu như sau: + Người nói: Khi nói cần có lời mở đầu, lời kết thúc, kết hợp ngôn ngữ cơ thể, phong thái tự tin; phát âm rõ ràng, âm	- HS giới thiệu và nêu những đặc điểm nổi bật về bản thân qua bức chân dung tự họa. - HS thực hiện yêu cầu.

lượng vừa phải; nội dung bài nói rõ ràng, mạch lạc.

+ Người nghe: Lắng nghe và ghi điều tốt, điều em mong muốn ở bạn vào Phiếu học tập.

🌟 📄 PHIẾU HỌC TẬP 📄 🌟

Chủ đề: Tôi và bạn

✍️ Họ và tên học sinh: _____

📖 Lớp: _____

🌟 Nhiệm vụ: Lắng nghe các bạn chia sẻ và ghi chép:

Tên bạn 😊😊	Một điểm tốt em học được từ bạn 🌟🌟🌟	Một điều em mong muốn ở bạn 🎯🎯🎯

🌟 Cùng nhau chia sẻ, cùng nhau tốt hơn mỗi ngày! 🌟

- GV gọi HS nói về bản thân trước lớp.
- GV và cả lớp nhận xét.

Bước 2: Trao đổi

- GV tổ chức cho HS trao đổi về những điều tốt và điều em mong muốn ở các bạn.
- GV nhận xét, kết luận.
- GV khen ngợi những HS có bài chia sẻ tốt, tích cực lắng nghe, góp ý cho bạn.

- HS nói về bản thân trước lớp.

- HS trao đổi về những điều tốt và điều em mong muốn ở các bạn.
- HS lắng nghe.

2.2.3.2. Nói và nghe: Những miền quê yêu dấu

**Ghi nhớ**

Ngoài cách tả lần lượt từng bộ phận của cây, ta có thể tả đặc điểm của cây theo từng thời kì phát triển. Có thể kết hợp tả sự vật, hoạt động có liên quan đến cây.

NÓI VÀ NGHE**NHỮNG MIỀN QUÊ YÊU DẤU**

Yêu cầu: Em hãy giới thiệu về một miền quê mà em yêu mến.

1. Chuẩn bị.

- G:**
- Em muốn giới thiệu về miền quê nào (quê nội, quê ngoại hay một miền quê em đã có dịp ghé thăm)?
 - Cảnh vật và con người nơi đó có gì thú vị?
 - Em mong ước điều gì cho miền quê đó?
- (Có thể lựa chọn tranh ảnh, tư liệu,... để sử dụng khi giới thiệu)

**2. Nói.**

- Giới thiệu về miền quê theo nội dung đã chuẩn bị.
- Trong vai người nghe, lắng nghe bạn giới thiệu, có thể ghi lại những nội dung em thấy thú vị.

3. Trao đổi, góp ý.

- Có thể hỏi bạn những điều em muốn biết rõ hơn về miền quê bạn giới thiệu.
- Góp ý cho bạn về nội dung giới thiệu, cách nói, giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,...



1. Chia sẻ với người thân thông tin về những miền quê em hoặc bạn đã giới thiệu.
2. Tìm đọc sách báo về quê hương, đất nước.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động: Giới thiệu về miền quê yêu mến * Mục tiêu: - HS giới thiệu được về một miền quê mà mình yêu mến. - Thể hiện phong thái tự tin, thân thiện; sử dụng cử chỉ và điệu bộ một cách linh hoạt, phù hợp với nội dung bài nói. - Sử dụng các phương tiện hỗ trợ (đặc sản, bài hát,...) để tăng tính thuyết phục của bài nói. * PP, KTDH: Sơ đồ tư duy, Trực quan, Thảo luận nhóm. * Thời gian: 25 phút * Cách tiến hành:	
Bước 1: Chuẩn bị - GV tổ chức cho HS lập sơ đồ bài nói về miền quê mà mình yêu mến trong 5 phút. - GV chiếu sơ đồ minh họa.	



Bước 2: Giới thiệu về miền quê theo nội dung đã chuẩn bị

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm (4HS/nhóm) thực hiện yêu cầu:

+ Từng em giới thiệu về miền quê mình yêu mến.

+ Cả nhóm chú ý lắng nghe và có thể đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn điều bạn nói.

- GV thường xuyên theo dõi, quan sát, phát hiện khó khăn của HS để hỗ trợ kịp thời.

- GV chiếu các tiêu chí đánh giá và tổ chức cho HS thi nói. Yêu cầu:

+ Người nói: Khi nói cần có lời mở đầu, lời kết thúc, kết hợp ngôn ngữ cơ thể, phong thái tự tin; phát âm rõ ràng, âm lượng vừa phải; nội dung bài nói rõ ràng, mạch lạc.

+ Người nghe: Lắng nghe và nhận xét dựa trên các tiêu chí.

Tiêu chí đánh giá	
1. Phong cách tự tin	☆☆☆☆☆
2. Nói nói ràng, mạch lạc	☆☆☆☆☆
3. Nội dung bài nói	☆☆☆☆☆
4. Phương tiện hỗ trợ	☆☆☆☆☆

Bước 3: Trao đổi, góp ý

- GV tổ chức cho HS trao đổi về bài nói của các bạn:

- HS giới thiệu được những nét chính về miền quê mình nói. Chẳng hạn: đó là quê nào, ở đâu, có mối liên hệ gì với HS, nói đó có đặc điểm tự nhiên ra sao, con người và sinh hoạt ở đó có gì đặc biệt,...

- HS sử dụng tư liệu mình đã chuẩn bị để minh họa cho bài nói. Chẳng hạn: hình ảnh, kỉ vật, món ăn, bài hát hoặc đặc sản về miền quê mình muốn giới thiệu.

- HS nghe bạn nói, có thể phản hồi ý kiến với bạn về chi tiết bạn kể.

- Đại diện các nhóm thi nói trước lớp.

- HS nêu được những nhận xét, đánh giá bạn.

+ Hỏi bạn điều em muốn biết rõ hơn về miền quê bạn giới thiệu. + Góp ý cho bạn về nội dung trình bày, về cách nói, giọng nói, ngữ điệu,... - Em ấn tượng với miền quê nào nhất? Vì sao? - GV nhận xét, khen ngợi các HS nói tốt, chú ý lắng nghe và góp ý cho bạn.	- HS trả lời. - HS lắng nghe.
---	----------------------------------

2.2.3.3. Nói và nghe: Chung tay bảo vệ động vật

3. Đọc hoặc nghe bài làm của bạn, nếu những điều em muốn học tập.
 4. Sửa lỗi trong bài (nếu có) hoặc viết lại một số câu văn cho hay hơn.

NÓI VÀ NGHE

CHUNG TAY BẢO VỆ ĐỘNG VẬT

Yêu cầu: Trình bày ý kiến của em về hoạt động bảo vệ động vật.

1. Chuẩn bị.

- Sưu tầm tư liệu về những việc làm bảo vệ động vật.
- Lựa chọn các phương tiện hỗ trợ khi trình bày ý kiến: tranh ảnh, sơ đồ, video,...

2. Nói.

a. Giải thích lí do cần phải bảo vệ động vật.
 b. Nêu những việc làm để bảo vệ động vật.

G:

- Trồng nhiều cây xanh để tạo môi trường sống cho động vật.
- Nói không với việc chụp ảnh cùng động vật hoang dã.
- Tích cực tuyên truyền về nguy cơ tuyệt chủng của các loài thú quý hiếm.

c. Nêu việc em có thể làm để bảo vệ động vật.

Lưu ý: Để ý kiến của em có sức thuyết phục, em nên nêu rõ hiệu quả của từng việc làm góp phần bảo vệ động vật và kết hợp sử dụng phương tiện đã chuẩn bị.

3. Trao đổi, góp ý.

Ghi lại điều em thích trong bài nói của bạn hoặc điều em muốn bổ sung.

1. Trao đổi với người thân về hoạt động bảo vệ động vật.
2. Tìm đọc sách báo viết về những công trình kiến trúc nổi tiếng trên thế giới.

119

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động: Tuyên truyền “Chung tay bảo vệ động vật” * Mục tiêu: - HS trình bày ý kiến của bản thân về hoạt động bảo vệ động vật: lí do cần phải bảo vệ động vật, những việc cần làm và những việc bản thân có thể làm để bảo vệ động vật. - Ghi chép, trao đổi, góp ý cho bài nói của bạn. * PP, PTDH: Đóng vai, Trực quan, Thảo luận nhóm. * Thời gian: 17 phút * Cách tiến hành:	

Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV tổ chức hoạt động “Em là tuyên truyền viên nhí”. - GV chia lớp thành các nhóm (4 HS/nhóm). Giao nhiệm vụ: Hãy đóng vai là một tuyên truyền viên nhí, phát biểu ý kiến trong buổi lễ phát động phong trào “Chung tay bảo vệ động vật”. - GV khuyến khích HS dùng giọng điệu truyền cảm, hành động minh họa, đạo cụ đơn giản (giấy vẽ, loa giấy, khẩu hiệu viết tay,...). Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chiếu các tiêu chí đánh giá và tổ chức cho các nhóm thi nói. Yêu cầu: + Nhóm tuyên truyền: Bài nói cần có nội dung phù hợp, đúng chủ đề; Hình thức trình bày sáng tạo; Gửi được thông điệp ý nghĩa. + Nhóm nghe: Lắng nghe và nhận xét dựa trên gợi ý. Bước 4: GV và cả lớp nhận xét, bình chọn - GV đặt câu hỏi, khuyến khích các nhóm đặt câu hỏi sau mỗi phần trình bày của nhóm bạn. + Em thấy nhóm bạn đã nêu được những hành động cụ thể nào để bảo vệ động vật? + Nhóm bạn trình bày theo hình thức gì?	- HS lắng nghe. - Các nhóm bầu trưởng nhóm, thư kí. - HS thảo luận, trình bày trong nhóm. - Đại diện các nhóm thi nói. - Các nhóm lắng nghe và nhận xét dựa trên tiêu chí gợi ý: + Bài nói đề cập đến việc bảo vệ động vật không? Có nêu lí do và hành động cụ thể không? + Hình thức thể hiện có thú vị không? Có sử dụng tranh vẽ, đạo cụ, khẩu hiệu,...? + Bài nói có để lại ấn tượng không? Có kêu gọi hành động không? - HS trả lời và đặt câu hỏi cho nhóm bạn.
---	---

Hình thức đó có giúp em cảm thấy dễ hiểu và thú vị không? Vì sao? + Nhóm bạn gửi đến người nghe thông điệp gì? Theo em, thông điệp đó có ý nghĩa không? Có dễ nhớ không? - GV và cả lớp nhận xét, bình chọn. - GV nhận xét, tuyên dương nhóm có phần tuyên truyền sáng tạo, rõ ràng, có tính thuyết phục.	- HS nhận xét, bình chọn.
---	----------------------------------

2.2.4. Thiết kế một số hoạt động dạy học Khám phá kiến thức trong dạy Viết

2.2.4.1. Viết: Viết hướng dẫn thực hiện một công việc



VIẾT

VIẾT HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT CÔNG VIỆC

Đề bài: Viết hướng dẫn các bước làm một đồ chơi mà em yêu thích.

- Chuẩn bị.
 - Em chọn đồ chơi nào để viết hướng dẫn?
 - Đồ chơi đó được làm bằng gì?
 - Cần chuẩn bị dụng cụ, vật liệu gì để làm đồ chơi?
 - Khi làm đồ chơi, cần thực hiện những bước nào?
- Lập dàn ý.

G:

Những dụng cụ, vật liệu cần chuẩn bị

– Nêu những dụng cụ cần dùng (ví dụ: kéo, kim, dây thép,...).

– Nêu những vật liệu cần sử dụng (ví dụ: bìa, giấy,...).

Hướng dẫn thực hiện: kể lại các bước hướng dẫn làm đồ chơi

– Nêu các bước làm đồ chơi theo trình tự (ví dụ: 1. Vẽ; 2. Cắt; 3. Dán;...).

– Mỗi bước có thể gồm nhiều việc. Mỗi việc cần nêu rõ dụng cụ, vật liệu, cách làm,...

– Ví dụ: dùng kéo cắt hình chữ nhật từ giấy trắng để tạo thân thỏ.
- Viết hướng dẫn theo dàn ý đã lập.
- Đọc soát và chỉnh sửa.

Cách trình bày các bước
Cách dùng từ, đặt câu

99

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động: Viết hướng dẫn các bước làm đồ chơi * Mục tiêu: - Lập dàn ý cho bài viết: hướng dẫn các bước làm một đồ chơi yêu thích. - Viết bài theo dàn ý đã lập. - Đọc soát và chỉnh sửa bài đã viết cho phù hợp. * PP, KTDH: Sơ đồ tư duy, Thảo luận nhóm, Vòng bi, Phiếu học tập. * Thời gian: 25 phút	

*** Cách tiến hành:**

Bước 1: Chuẩn bị

- GV tổ chức cho HS chia sẻ về một món đồ chơi mình đã tự làm. Chia sẻ trong nhóm (4 HS/nhóm), sau đó chia sẻ trước lớp.

- GV và HS nhận xét.

- GV nhận xét ý thức chuẩn bị ở nhà của HS.

Bước 2: Lập dàn ý

- GV chiếu sơ đồ tư duy minh họa:



- GV hướng dẫn HS lập dàn ý đảm bảo đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. Thân bài đảm bảo 2 nội dung chính:

+ Dụng cụ, vật liệu cần chuẩn bị để làm đồ chơi.

+ Các bước hướng dẫn làm đồ chơi theo trình tự, mỗi bước có thể gồm một số việc.

- GV tổ chức cho HS lập dàn ý.

- GV tổ chức cho HS trình bày dàn ý trước lớp.

- GV và cả lớp nhận xét.

Bước 3: Viết hướng dẫn theo dàn ý đã lập

- GV tổ chức cho lớp viết bài văn ngắn theo dàn ý đã lập.

- GV quan sát, hỗ trợ HS.

- HS chia sẻ với các bạn về món đồ chơi mà mình tự làm: nguyên liệu, dụng cụ, các bước thực hiện... Ví dụ: con vật, xe đồ chơi, điều, đèn ông sao,...

- HS quan sát.

- HS lắng nghe GV hướng dẫn.

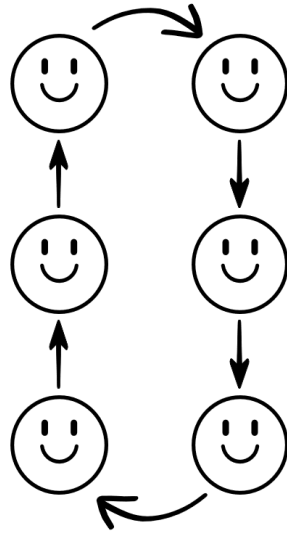
- HS lập dàn ý.

- HS trình bày dàn ý đã lập.

- Dựa vào dàn ý đã lập, HS viết hướng dẫn các bước làm đồ chơi yêu thích. Trong quá trình viết, HS có thể điều chỉnh, thêm bớt

Bước 4: Đọc soát và chỉnh sửa

- GV yêu cầu mỗi HS tự đọc soát và chỉnh sửa bài làm của mình. Sau đó, HS tạo thành từng cặp để đọc rà soát và chỉnh sửa bài viết cho nhau; ghi tóm tắt kết quả thực hiện vào Phiếu học tập. Luân chuyển vị trí để tạo thành 2 - 3 cặp mới (theo sơ đồ).



- GV gọi HS đọc bài viết trước lớp.
- GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong phiếu học tập.
- GV chấm chữa bài của một số HS, rút kinh nghiệm cho cả lớp.
- GV nhận xét, khen ngợi những HS có bài viết hay.

các từ ngữ sao cho phù hợp.

- HS đọc soát và chỉnh sửa bài làm của mình.
- Trong quá trình tạo thành từng cặp để đọc rà soát và chỉnh sửa bài viết cho nhau, HS ghi tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ vào Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

Chủ đề: Viết hướng dẫn các bước làm đồ chơi

Họ và tên học sinh: _____

Lớp: _____

Nhiệm vụ: Đọc soát, nhận xét bài của bạn và ghi chép:

Tên bạn	Nhận xét về nội dung bài viết	Nhận xét về hình thức trình bày bài viết	Góp ý cho bạn (nếu có)

Cùng nhau chia sẻ, cùng nhau tốt hơn mỗi ngày!

- HS đọc bài viết trước lớp. Sau đó, mời các bạn nhận xét, góp ý.
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2.2.4.2. Viết: Viết đoạn văn nêu ý kiến

Bước 3: Tổ chức cho HS luyện viết đoạn văn

- GV yêu cầu HS viết đoạn văn theo bố cục 3 phần theo gợi ý trong SGK tr.53. Lưu ý: khi có nhiều lí do yêu thích câu chuyện, HS nên lựa chọn những lí do nổi bật và sắp xếp theo một trình tự hợp lí.

- GV quan sát và hỗ trợ HS trong khi viết.

Bước 4: Đọc soát và sửa lỗi

- GV yêu cầu HS đọc lại bài mình một lượt rồi trao đổi bài với bạn để nhận xét và bổ sung cho nhau:

+ Đoạn văn có đủ 3 phần?

+ Lí do được trình bày rõ ràng?

+ Có mắc lỗi chính tả, diễn đạt?

- Gọi 3 - 4 HS đọc bài trước lớp/kết hợp chiếu bài làm của HS để cả lớp đọc thầm.

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá bài viết của bạn thông qua các tiêu chí:

Tiêu chí đánh giá bài viết

1. Đoạn văn đủ 3 phần	
2. Trình bày lý do rõ ràng, hợp lý	
3. Diễn đạt mạch lạc, đúng chính tả, ngữ pháp	
4. Có cảm xúc, thể hiện suy nghĩ cá nhân	

- GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho cả lớp.

- HS thực hiện viết đoạn văn.

- HS soát lại bài và trao đổi với bạn.

- HS đọc bài.

- HS nhận xét, đánh giá bài làm của bạn.

2.2.4.3. Viết: Quan sát cây cối

Nam vội tiếp ngay: “Quý nhất là thì giờ. Thấy giáo thường nói thì giờ quý hơn vàng bạc. Có thì giờ mới làm ra lúa gạo, vàng bạc!”
(Theo Trịnh Mạnh)

c. Cuốn sách “Đất rừng phương Nam” giúp tôi hiểu thêm về đẹp của con người và vùng đất Nam Bộ.
(Theo Vũ Phương Thu)

Đánh dấu
tên tác phẩm, tài liệu

Đánh dấu
lời đối thoại

Đánh dấu
phần trích dẫn trực tiếp

Ghi nhớ
Ngoài công dụng đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại, **dấu ngoặc kép** có thể được dùng để đánh dấu tên tác phẩm (bài thơ, bài văn,...), tên tài liệu (tạp chí, báo,...).

3. Chép lại đoạn văn sau vào vở, chú ý dùng **dấu ngoặc kép** đánh dấu tên tác phẩm, tài liệu.

Đi học là bài thơ do Hoàng Minh Chính sáng tác, được Nhà xuất bản Kim Đồng in trong tuyển tập thơ thiếu nhi *Một trời xanh* vào năm 1971. Năm 1976, nhạc sĩ Bùi Đình Thảo phổ nhạc, cho bài thơ đó bằng một giai điệu mang âm hưởng dân ca Tây, Nùng. Từ đó trở đi, bài hát *Đi học* gần như đã trở thành “ca khúc của ngày tựu trường”.

(Theo Phạm Quý Hải)

4. Viết 1 – 2 câu có sử dụng **dấu ngoặc kép** để đánh dấu tên tác phẩm mà em yêu thích.

VIẾT

QUAN SÁT CÂY CỐI

1. Chuẩn bị.

- Lựa chọn cây để quan sát (cây ăn quả, cây bóng mát, cây hoa,...).
- Quan sát trực tiếp cây ở trường, trong vườn nhà, trên đường,... hoặc quan sát cây qua tranh ảnh, video,...

– Sử dụng các giác quan (mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi,...) để quan sát cây (quan sát bao quát toàn bộ cây, quan sát chi tiết từng bộ phận; quan sát sự vật, hoạt động có liên quan đến cây).

G:



1. Em nhìn thấy hình dáng của cây, các bộ phận của cây, màu sắc,...

2. Em nghe thấy tiếng lá reo trong gió, tiếng chim trong vòm lá,...

3. Em ngửi thấy mùi của hoa, mùi của quả chín,...

4. Em nếm được vị của quả,...

5. Chạm tay vào, em thấy thân cây ram ráp, lá cây mềm mượt,...

2. Quan sát và ghi chép kết quả quan sát.

G:

Đặc điểm bao quát		Đặc điểm của từng bộ phận			Sự vật, hoạt động có liên quan
Hình dáng	Tán lá	Thân	Cành	Lá	
cao lớn,...	rộng,...	thẳng,...	mập,...	xanh rì,...	

3. Trao đổi, góp ý.

- Các bộ phận của cây đã được quan sát.
- Các giác quan được dùng để quan sát.
- Những đặc điểm tiêu biểu, khác biệt của cây được lựa chọn.

 Đọc cho người thân nghe bài “Đi học” của Hương và nói về điều em thích nhất trong bài thơ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động: Quan sát cây cối * Mục tiêu: - Quan sát và ghi chép được đặc điểm của một số cây cối * PP, PTDH: Trực quan, Sơ đồ tư duy, Phòng tranh. * Thời gian: 25 phút * Cách tiến hành:	
Bước 1: Chuẩn bị - GV hướng dẫn HS quan sát, sử dụng các giác quan để quan sát. - GV chia lớp thành 4 nhóm, phát giá vẽ có kẹp sẵn giấy A0 cho mỗi nhóm. - GV cho HS ra sân trường quan sát, yêu cầu mỗi nhóm lựa chọn cây, sau đó, trình bày kết quả quan sát bằng sơ đồ tư duy. Thời gian thực hiện: 15 phút Bước 2: Quan sát và ghi chép kết quả quan sát - GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ. - GV thường xuyên theo dõi, quan sát,	- Các nhóm bầu nhóm trưởng, thư kí. - Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.

phát hiện khó khăn của HS để hỗ trợ kịp thời.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Hết thời gian thực hành, HS về lớp để báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV yêu cầu các nhóm dán sản phẩm lên bảng, lần lượt các nhóm lên trình bày về sản phẩm của nhóm mình.

Bước 4: Trao đổi, góp ý

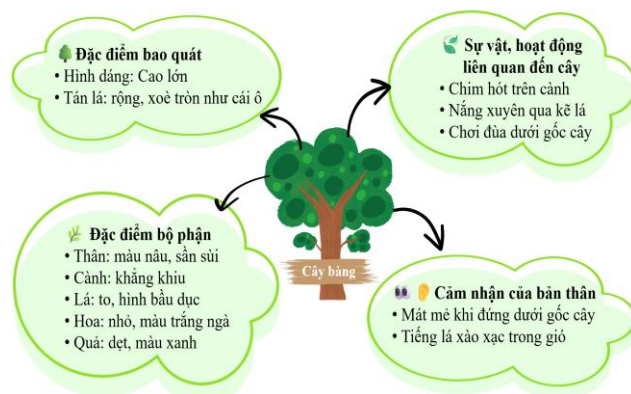
- GV tổ chức cho HS trao đổi, góp ý cho các nhóm, thông qua các câu hỏi. Chẳng hạn:

- + Các bộ phận của cây đã quan sát được.
- + Các giác quan dùng để quan sát.
- + Những điểm tiêu biểu, khác biệt của cây được lựa chọn.

- GV nhận xét, tuyên dương nhóm có ý thức học tập tốt.

Bước 5: GV nhận xét, kết luận

- GV trình chiếu sơ đồ tư duy minh họa:



- Khi quan sát cây cối, chúng ta cần lưu ý điều gì?

- HS dán sản phẩm lên bảng.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả và mời nhóm khác nhận xét, góp ý.

- Các nhóm trao đổi, góp ý cho nhau.

- Phải quan sát cây một cách bao quát (hình dáng, kích thước, màu sắc, tán lá,...), quan sát từng bộ phận cây (thân, rễ, lá, cành,...), quan sát cảnh vật xung quanh (sự vật, hoạt động có liên quan đến cây). Sử dụng đầy đủ các giác quan (mắt nhìn, tai nghe,

- GV và cả lớp nhận xét.	mũi người,...) để quan sát cây, tìm ra đặc điểm riêng biệt của cây.
--------------------------	---

2.2.4.4. Viết: Viết thư

VIẾT

VIẾT THƯ

Đề bài: Viết thư điện tử cho một người bạn ở xa mà đã lâu em chưa gặp.

- Chuẩn bị.**

G:

 - Chủ đề thư (ví dụ: Thư thăm bạn,...).
 - Nội dung thư:
 - + Thăm hỏi bạn (sức khỏe của bạn và gia đình, việc học tập của bạn,...)
 - + Kể chuyện của mình (sức khỏe của bản thân và gia đình, những thay đổi của bản thân và gia đình,...)
 - + Nếu mong muốn hoặc chia sẻ những dự định sắp tới.
 - Tập đính kèm (ví dụ: video, tranh ảnh,...).
- Viết.**

Lưu ý:

 - Viết thư theo nội dung đã chuẩn bị.
 - Nếu soạn thư trên máy tính, có thể sử dụng các biểu tượng cảm xúc hoặc đính kèm ảnh, video,...
- Đọc soát và chỉnh sửa.**

4. Nghe thầy cô giáo nhận xét và chỉnh sửa bài làm theo hướng dẫn.

130

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động : Viết thư điện tử * Mục tiêu: - Viết được thư điện tử cho một người bạn ở xa, đảm bảo đúng, đủ các phần của thư; trình bày khoa học, hợp lí. - Hiểu rõ quy trình gửi thư, mở thư điện tử trên máy tính. * PP, PTDH: Trực quan, Thực hành (phòng máy tính). * Thời gian: 20 phút * Cách tiến hành:	
Bước 1: Chuẩn bị - GV gọi HS nhắc lại quy trình viết và gửi thư điện tử.	- HS trả lời. Bước 1 Tạo chủ đề cho thư điện tử. Yêu cầu: Chủ đề phải ngắn gọn, thể hiện được nội dung thư. Bước 2 - Viết thư. - Đính kèm tệp (tranh ảnh, video,...). Bước 3 Bấm nút "gửi". Lưu ý: Trước khi gửi, em hãy đọc lại nội dung thư để soát lỗi chính tả, lỗi diễn đạt; kiểm tra địa chỉ email của người nhận.

- Khi viết thư, cần lưu ý điều gì? - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết thư: + Mỗi HS viết thư cho một bạn trong lớp (đã bắt cặp trước). + Xác định chủ đề thư. + Xác định nội dung chính. + Chọn tệp đính kèm. Bước 2: Thực hành viết thư - GV cho HS thực hành viết thư trên máy tính tại phòng Tin học. - GV tổ chức cho HS viết thư và thực hành gửi thư cho người nhận. - GV quan sát, hỗ trợ HS. Bước 3: Đọc soát thư - GV tổ chức cho HS tự đọc, chỉnh sửa bài làm của mình; thực hiện gửi thư cho bạn; đọc, góp ý bài làm của bạn. Bước 4: GV và cả lớp nhận xét - GV gọi một số đọc/chia sẻ bài làm trước lớp. - GV và cả lớp nhận xét, góp ý; rút kinh nghiệm. - GV khen ngợi, biểu dương những HS thực hiện tốt.	- HS trả lời: đảm bảo các phần của thư, địa chỉ email,... - HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị trước khi viết thư. Chẳng hạn: + Chủ đề thư (thăm hỏi bạn hoặc người thân ở xa lâu ngày không gặp,...). + Nội dung chính: thăm hỏi tình hình sức khỏe, công việc/học tập; chia sẻ tình hình của bản thân và gia đình, những dự định sắp tới,... + Chọn tệp đính kèm (video, tranh ảnh,...). - HS thực hiện viết thư. - HS tự đọc soát và chỉnh sửa thư. - HS gửi thư cho bạn để cùng đọc soát, góp ý chỉnh sửa cho nhau. - HS chỉnh sửa thư theo góp ý. - HS trình bày – HS khác nhận xét, góp ý.
---	--

2.3. Những lưu ý khi áp dụng phương pháp dạy học tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4

2.3.1. Tổ chức hoạt động vừa sức, phù hợp mục tiêu, tránh sa đà làm loãng nội dung trọng tâm

Trong quá trình thiết kế các hoạt động dạy học Khám phá kiến thức, GV cần xác định rõ mục tiêu của từng hoạt động để đảm bảo sự gắn kết chặt

chê giữa HTTC và nội dung bài học. Việc tổ chức các trò chơi, hoạt động nhóm hoặc trình bày sản phẩm không nên mang tính phô diễn hình thức hoặc chỉ nhằm tạo hứng thú mà thiếu định hướng kiến thức. Tránh trường hợp GV dành quá nhiều thời gian cho một hoạt động hoặc các hoạt động “ngoài lề” khiến HS bị cuốn vào hình thức, mà không tập trung vào nội dung trọng tâm của bài học. Điều này không chỉ làm phân tán mục tiêu bài học mà còn ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp thu của HS.

2.3.2. Cân đối giữa các phương pháp dạy học và thời lượng tiết học

GV cần có kĩ năng quản lí thời gian hợp lí để mỗi hoạt động được triển khai đúng mức, không quá dài cũng không quá ngắn. Nếu không cân nhắc kĩ, GV có thể rơi vào tình huống “cháy giáo án” hoặc phải bỏ qua những phần luyện tập và củng cố rất quan trọng ở cuối tiết học. Việc xác định trọng tâm hoạt động, phân chia thời gian theo từng bước và có phương án điều chỉnh linh hoạt trong quá trình tổ chức là yếu tố quyết định thành công của tiết học.

2.3.3. Chú ý đến sự tham gia của tất cả học sinh

Một yêu cầu then chốt của dạy học tích cực là phát huy vai trò chủ động, tích cực của từng HS. Tuy nhiên, trong thực tế, nếu không được tổ chức hợp lí, các hoạt động nhóm có thể khiến một số HS khá - giỏi lấn át, làm thay phần việc của những HS còn lại. HS yếu, rụt rè dễ bị đẩy ra ngoài hoạt động hoặc chỉ làm “khán giả”. Do đó, GV cần thiết kế nhiệm vụ phù hợp với năng lực của từng HS trong nhóm, phân công vai trò rõ ràng và tạo điều kiện để mọi HS đều có cơ hội đóng góp. Đồng thời, GV cần theo sát quá trình hoạt động của các nhóm để kịp thời điều chỉnh và hỗ trợ khi cần thiết.

2.3.4. Đảm bảo tính khả thi trong điều kiện thực tiễn lớp học

GV cần dựa trên điều kiện cụ thể của lớp học như sĩ số, năng lực HS, thời lượng tiết học, không gian lớp và thiết bị hỗ trợ sẵn có để lựa chọn HTTC phù hợp. Những hoạt động lí tưởng nếu không phù hợp với thực tế lớp học có thể gây khó khăn trong triển khai và ảnh hưởng đến chất lượng dạy học. Ví dụ, trong lớp học đông, việc tổ chức hoạt động nhóm lớn hoặc sử dụng nhiều thiết bị hỗ trợ công nghệ có thể không khả thi. Khi đó, GV cần thay đổi hình thức hoạt động như chuyển sang làm việc cặp đôi, sử dụng bảng phụ thay vì trình chiếu, đồng thời vẫn đảm bảo HS được khám phá và xây dựng kiến thức một cách chủ động.

2.3.5. Cần kết hợp hài hòa giữa đánh giá quá trình và đánh giá kết quả

Dạy học tích cực không chỉ chú trọng đến sản phẩm học tập cuối cùng mà còn đánh giá cả quá trình HS tham gia vào hoạt động học tập. Việc quan

sát, nhận xét, phản hồi kịp thời trong quá trình học giúp GV kịp thời điều chỉnh cách tổ chức, khơi dậy động lực học tập và tạo điều kiện cho HS nhận biết sự tiến bộ của bản thân. Thay vì chỉ chấm điểm sản phẩm, GV cần ghi nhận sự hợp tác, tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực và mức độ tham gia của từng HS. Đây là cách đánh giá toàn diện, nhân văn và phù hợp với định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Kết luận chương 2

Chương 2 của khóa luận tập trung làm rõ việc vận dụng PPDH tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4. Trên nền tảng lí thuyết dạy học hiện đại, chúng tôi xác lập các nguyên tắc cơ bản cần tuân thủ khi tổ chức hoạt động học tập. Trên cơ sở đó, người viết trình bày hệ thống các hoạt động dạy học cụ thể theo từng nội dung (Đọc, Luyện từ và câu, Viết, Nói và nghe), trong đó nhấn mạnh đến việc tổ chức cho HS tham gia chủ động vào quá trình khám phá, phân tích và vận dụng tri thức ngôn ngữ trong các tình huống học tập đa dạng, giàu tính thực tiễn.

Các hoạt động được thiết kế thể hiện rõ sự vận dụng linh hoạt các KTDH tích cực như thảo luận nhóm, trò chơi học tập, vòng tròn chia sẻ, học theo trạm,... góp phần phát huy tính tích cực, sáng tạo và hợp tác của HS. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng chỉ ra một số lưu ý quan trọng khi áp dụng PPDH tích cực. Những nội dung này vừa mang tính định hướng, vừa có giá trị thực tiễn trong việc nâng cao hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học nói chung và lớp 4 nói riêng.

CHƯƠNG 3

THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được tổ chức nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng PPDH tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4. Qua đó, khóa luận đánh giá mức độ tác động của các PPDH tích cực đối với sự hứng thú học tập, khả năng tiếp thu và phát triển năng lực ngôn ngữ của HS, đồng thời rút ra bài học thực tiễn cho việc tổ chức dạy học ở tiểu học.

3.2. Kế hoạch thực nghiệm

3.2.1. Địa điểm thực nghiệm

- Trường Tiểu học Quang Sơn - Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.
- Trường Tiểu học Quang Trung - Thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

3.3.2. Đối tượng thực nghiệm

Để kết quả thực nghiệm mang tính khách quan, chúng tôi lựa chọn các lớp thực nghiệm theo nguyên tắc: Các lớp HS được chọn thực nghiệm tương đương nhau về số lượng, về học lực so với các lớp đối chứng. Mặt khác, do phạm vi của đề tài và thời gian có hạn nên chúng tôi chỉ tiến hành thực nghiệm trên 74 HS ở 2 lớp khối 4 của 2 trường tiểu học. Cụ thể:

- Trường Tiểu học Quang Sơn - Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình:

TT	Lớp	Số HS	Ghi chú
1	4A	38	Lớp thực nghiệm
2	4C	38	Lớp đối chứng
Tổng		76	

- Trường Tiểu học Quang Trung - Thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình:

TT	Lớp	Số HS	Ghi chú
1	4C	36	Lớp thực nghiệm
2	4E	34	Lớp đối chứng
Tổng		70	

3.3.3. Phương pháp đánh giá

So sánh kết quả trước và sau thực nghiệm thông qua quan sát sư phạm, bài làm kiểm tra của HS.

3.3. Nội dung thực nghiệm

Do khuôn khổ của khóa luận, chúng tôi không thể triển khai thực nghiệm toàn bộ các hoạt động Khám phá kiến thức đã thiết kế và xây dựng

trong Chương 2. Do đó, chúng tôi lựa chọn để thiết kế Kế hoạch dạy học và thực nghiệm. Cụ thể:

TT	Dạng bài	Bài
1	Luyện từ và câu	Bài 13: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn
2	Độc	Bài 15: Người thầy đầu tiên của bố tôi

Các KHBD thực nghiệm trên được trình bày ở phần Phụ lục.

3.4. Tiến hành thực nghiệm

Chúng tôi xây dựng kế hoạch và tiến hành thực nghiệm, cụ thể như sau:

T T	Thời gian	Nội dung thực nghiệm	Địa điểm		Ghi chú
			Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng	
1	Sáng Thứ Ba ngày 10/3/2025	Bài 13: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn	4A	4C	
2	Sáng Thứ Hai ngày 17/3/2025	Bài 15: Người thầy đầu tiên của bố tôi	4C	4E	

Chúng tôi tổ chức thực nghiệm như sau:

Lớp thực nghiệm: Học theo KHBD có vận dụng PPDH tích cực do tác giả khóa luận thiết kế.

Lớp đối chứng: Học theo KHBD sử dụng PPDH truyền thống.

Tiến trình tổ chức:

Bước 1: Dạy thử, điều chỉnh giáo án.

Bước 2: Tổ chức dạy thực nghiệm theo đúng tiến độ chương trình.

Bước 3: Quan sát, ghi chép quá trình HS tham gia hoạt động.

Bước 4: Thực hiện đánh giá sau mỗi tiết và tổng kết sau toàn bộ quá trình thực nghiệm.

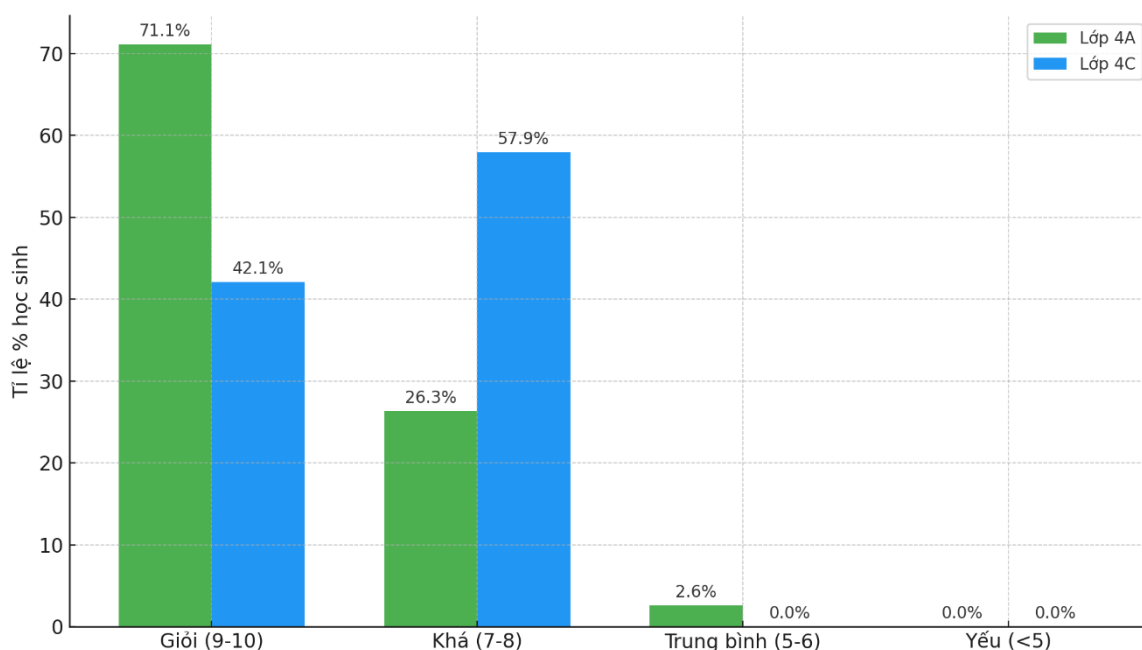
3.5. Kết quả thực nghiệm

3.5.1. Về năng lực

Để đánh giá phần kiến thức HS đạt được sau khi tiến hành thực nghiệm, chúng tôi đặt ra các câu hỏi với các mức độ khác nhau được trình bày cụ thể trong Bài kiểm tra sau thực nghiệm – Phụ lục 3, 5, 7. Sau đó, chúng tôi tiến hành chấm và chia thành 4 mức điểm: Giỏi (9-10 điểm), Khá (7-8 điểm), Trung bình (5-6 điểm) và Yếu (dưới 5 điểm). Kết quả cụ thể như sau:

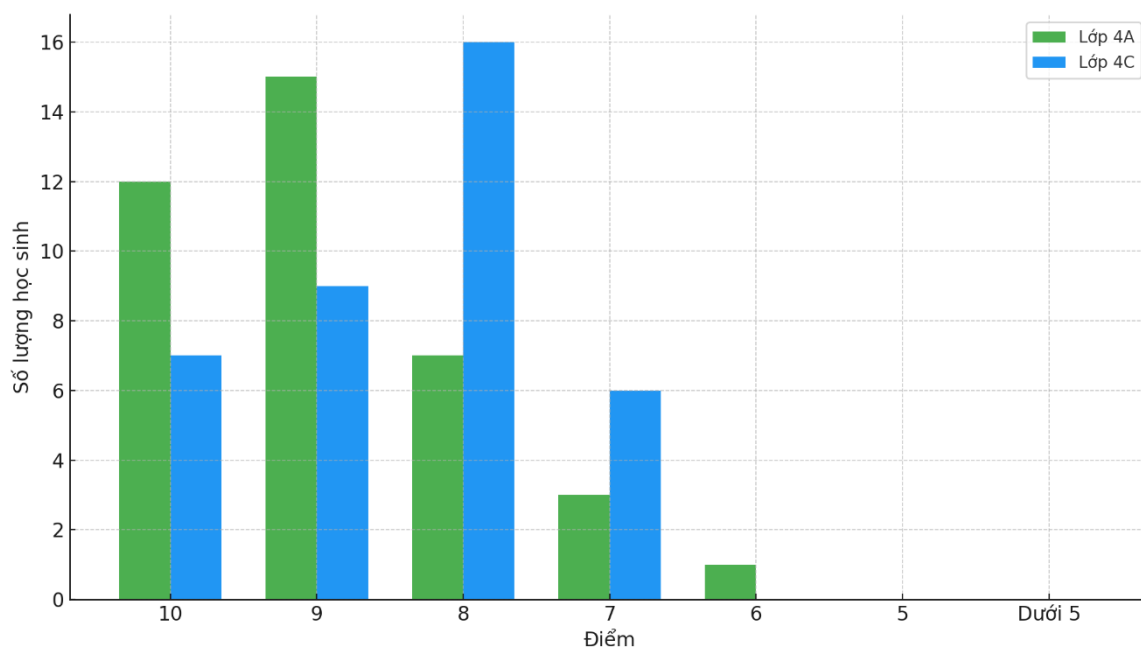
Bảng 3.1. Kết quả kiểm tra kiến thức sau thực nghiệm**Bài 13: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn**

Tên bài	Mức điểm	Lớp 4A (Lớp thực nghiệm)		Lớp 4C (Lớp đối chứng)		Ghi chú
		SL	%	SL	%	
Bài 13: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn	Giỏi (9-10)	27	71,1	16	42,1	
	Khá (7-8)	10	26,3	22	57,9	
	Trung bình (5-6)	1	2,6	0	0,0	
	Yếu (<5)	0	0,0	0	0,0	
Tổng		38	100	38	100	

**Hình 3.1. Biểu đồ so sánh kết quả kiểm tra kiến thức sau thực nghiệm****Bài 13: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn**

Số liệu trên cho thấy HS lớp 4A có tỷ lệ đạt mức Giỏi cao hơn (71,1%) so với lớp 4C (42,1%). Đây là một sự chênh lệch lớn, phản ánh sự vượt trội của HS lớp thực nghiệm trong việc nắm bắt và vận dụng kiến thức. Cho thấy, PPDH tích cực được áp dụng trong lớp 4A đã giúp HS tiếp cận kiến thức sâu sắc và chủ động hơn. Trong khi đó, lớp 4C có tỷ lệ HS đạt mức Khá cao hơn (57,9%) so với lớp 4A (26,3%). Điều này cho thấy mặc dù phần lớn HS lớp đối chứng vẫn hoàn thành bài kiểm tra ở mức khá, song khả năng đạt

mức điểm cao lại chưa nhiều. Cả hai lớp đều không có HS đạt mức Yếu, chỉ có duy nhất một HS lớp 4A đạt mức Trung bình (2,6%). Đây là dấu hiệu tích cực, phản ánh việc nắm bắt kiến thức chung của HS là khá tốt, đồng thời cho thấy việc tổ chức dạy học ở cả hai lớp đều đảm bảo được mục tiêu cơ bản của bài học.



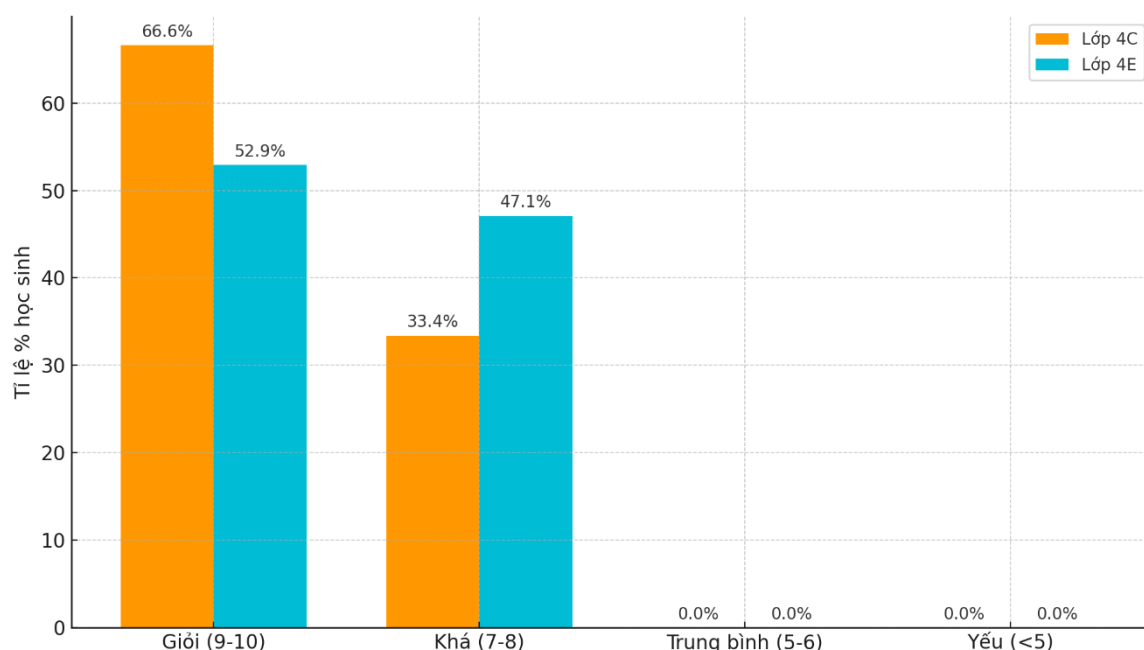
Hình 3.2. Biểu đồ phân bố điểm kiểm tra sau thực nghiệm
Bài 13: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn

Ở lớp 4A, phần lớn HS đạt điểm cao, trong đó có 12 HS đạt điểm 10, 15 HS đạt điểm 9 và 7 HS đạt điểm 8. Như vậy, có tổng cộng 34 HS đạt điểm từ 8 trở lên. Đặc biệt, có tới 27 HS đạt điểm 9 hoặc 10, cho thấy mức độ hiểu bài sâu và khả năng vận dụng kiến thức ngữ pháp cao. Ở lớp 4C, có 7 HS đạt điểm 10, 9 HS đạt điểm 9 và 16 HS đạt điểm 8. Tổng số HS đạt từ 8 điểm trở lên là 32 em. Ở hai lớp không chênh lệch quá lớn về kết quả kiểm tra sau thực nghiệm.

Để tiếp tục đánh giá hiệu quả của việc vận dụng PPDH tích cực, chúng tôi đã tổ chức kiểm tra sau thực nghiệm Bài 15: “Người thầy đầu tiên của bố tôi”. Kết quả bài kiểm tra được tổng hợp và trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3.2. Kết quả kiểm tra kiến thức sau thực nghiệm
Bài 15: Người thầy đầu tiên của bố tôi

Tên bài	Mức điểm	Lớp 4A (Lớp thực nghiệm)		Lớp 4C (Lớp đối chứng)		Ghi chú
		SL	%	SL	%	
Bài 15: Người thầy đầu tiên của bố tôi	Giỏi (9-10)	24	66,6	18	52,9	
	Khá (7-8)	12	33,4	16	47,1	
	Trung bình (5-6)	0	0,0	0	0,0	
	Yếu (<5)	0	0,0	0	0,0	
Tổng		36	100	34	100	



Hình 3.3. Biểu đồ so sánh kết quả kiểm tra kiến thức sau thực nghiệm
Bài 15: Người thầy đầu tiên của bố tôi

Kết quả bảng cho thấy, cả hai lớp đều có tỷ lệ HS hoàn thành bài kiểm tra ở mức khá và giỏi, trong đó không có HS nào rơi vào mức điểm trung bình hoặc yếu. Đây là dấu hiệu tích cực, phản ánh sự tiếp thu tốt của HS với nội dung bài học. Tuy nhiên, lớp 4C có số lượng HS đạt điểm Giỏi cao hơn (66,6%) so với lớp 4E là 52,9%. Ngược lại, lớp 4E lại có tỷ lệ HS đạt điểm

Khá cao hơn (47,1%) so với lớp 4C (33,4%). Đặc biệt, cả hai lớp đều không có HS đạt mức điểm Trung bình và Yếu, cho thấy nội dung bài học đã được truyền đạt phù hợp với trình độ và khả năng tiếp thu của HS. Đồng thời, điều này cũng cho thấy chất lượng dạy học ở cả hai lớp đều đảm bảo mức độ tiếp thu kiến thức cơ bản cho toàn bộ HS.

3.5.2. Về phẩm chất

Nhằm đánh giá toàn diện hơn hiệu quả của việc vận dụng PPDH tích cực trong môn Tiếng Việt lớp 4, chúng tôi đã tiến hành quan sát sự phạm, đối chiếu các tiêu chí phản ánh thái độ học tập, kỹ năng HS và kết quả học tập thực tế của các lớp. Sau khi tiến hành thực nghiệm, chúng tôi tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi trong Phiếu khảo sát mức độ hứng thú của học sinh (Phụ lục 7) và tổng hợp, phân tích, kết quả như sau:

HS lớp thực nghiệm: Hứng thú, chủ động, hợp tác tốt; mạnh dạn phát biểu, đặt câu hỏi, sử dụng từ ngữ phong phú hơn trong bài viết.

GV: Dễ dàng quan sát được tiến độ và sự tiến bộ của HS; linh hoạt trong tổ chức lớp học.

So sánh với lớp đối chứng: HS lớp đối chứng thiếu chủ động trong học tập, ít sáng tạo khi làm bài.

Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 3.3. Cảm xúc của HS trong tiết học

Nội dung	2 lớp thực nghiệm		2 lớp đối chứng	
	SL	%	SL	%
Giờ học tẻ nhạt, không hấp dẫn	0	0,0	11	15,3
Giờ học căng thẳng, áp lực	0	0,0	9	12,5
Giờ học vui vẻ, thú vị, hấp dẫn, lôi cuốn	74	100,0	33	45,8
Ý kiến khác	0	0,0	19	26,4
Tổng	74	100,0	72	100,0

Bảng 3.4. Mức độ hiểu bài của HS

Nội dung	2 lớp thực nghiệm		2 lớp đối chứng	
	SL	%	SL	%
Không hiểu	0	0,0	8	11,1
Còn mơ hồ	0	0,0	28	38,9
Hiểu một phần	26	35,1	24	33,3
Hiểu rất rõ	48	64,9	12	16,7
Tổng	74	100,0	72	100,0

Bảng 3.5. Mức độ tham gia các hoạt động học tập của HS

Nội dung	2 lớp thực nghiệm		2 lớp đối chứng	
	SL	%	SL	%
Không tham gia	0	0,0	5	6,9
Ít tham gia	0	0,0	11	15,3
Có tham gia	0	0,0	32	44,5
Tham gia tích cực	74	100,0	24	33,3
Tổng	74	100,0	72	100,0

Bảng 3.6. Cơ hội nêu ý kiến, trình bày suy nghĩ của HS

Nội dung	2 lớp thực nghiệm		2 lớp đối chứng	
	SL	%	SL	%
Không có	0	0,0	8	11,1
Hiếm khi	0	0,0	40	55,6
Thỉnh thoảng	0	0,0	24	33,3
Thường xuyên	74	100,0	0	0,0
Tổng	74	100,0	72	100,0

3.6. Đánh giá và kết luận

Qua quá trình dạy thực nghiệm tại 2 lớp 4 và dựa trên kết quả phân tích số liệu thu được, có thể nhận thấy rằng kết quả kiểm tra sau thực nghiệm giữa các nhóm HS không có sự chênh lệch đáng kể. Phần lớn HS ở cả lớp thực nghiệm và lớp đối chứng đều đạt kết quả học tập tốt. Nhưng vẫn còn một số HS do chưa tập trung trong quá trình học nên trả lời sai, chưa nắm vững kiến thức bài học và chưa đạt được các năng lực cần thiết sau khi học xong.

Tuy nhiên, sau khi được học tập theo các bài học có áp dụng PPDH tích cực, HS thể hiện rõ sự hứng thú và chủ động trong quá trình học. Đặc biệt, HS ở các lớp thực nghiệm phần lớn đều có thái độ học tập tích cực, vui vẻ. Trái lại, HS ở lớp đối chứng thường cảm nhận tiết học một cách bình thường, thiếu hứng thú, dẫn đến mức độ tham gia vào các hoạt động học tập không cao bằng HS ở lớp thực nghiệm.

Bên cạnh đó, trong quá trình dự giờ tại các lớp thực nghiệm, chúng tôi quan sát thấy HS luôn thể hiện sự hào hứng, tập trung cao độ. Các em tham gia vào các hoạt động học tập với thái độ tích cực, hợp tác chặt chẽ với GV. Không khí lớp học trở nên sôi nổi, vui tươi, được thể hiện rõ qua những tiếng cười, tiếng vỗ tay cổ vũ và những phát biểu hăng hái của HS trong suốt tiết học.

Kết luận chương 3

Chương 3 đã trình bày quá trình thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng PPDH tích cực trong hoạt động Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4. Việc thực nghiệm được tiến hành có kế hoạch, trên đối tượng HS cụ thể, với các tiết học được thiết kế theo định hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực hợp tác của HS.

Kết quả thực nghiệm cho thấy, việc áp dụng các PPDH tích cực đã góp phần nâng cao hứng thú học tập, khả năng tiếp thu kiến thức và năng lực sử dụng tiếng Việt của HS lớp 4. Đồng thời, qua thực nghiệm cũng rút ra một số bài học thực tiễn trong tổ chức hoạt động dạy học tích cực ở tiểu học.

Những kết quả đạt được từ thực nghiệm là cơ sở quan trọng để đề xuất những kiến nghị, giải pháp trong việc đổi mới PPDH môn Tiếng Việt ở tiểu học nói chung và lớp 4 nói riêng, hướng đến mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực HS theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc vận dụng các PPDH tích cực vào giảng dạy các môn học ở tiểu học là yêu cầu tất yếu nhằm phát triển phẩm chất và năng lực HS. Đề tài “Vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong hoạt động dạy học Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4” được thực hiện với mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt, đồng thời hỗ trợ HS tiếp cận tri thức một cách chủ động, tích cực và sáng tạo.

Qua quá trình nghiên cứu lí luận, khảo sát thực tiễn và tiến hành thực nghiệm sư phạm, đề tài đã đạt được một số kết quả như sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lí luận về PPDH tích cực và đặc điểm hoạt động Khám phá kiến thức trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 4.

- Xác định các nguyên tắc cơ bản khi vận dụng PPDH tích cực trong hoạt động khám phá kiến thức.

- Thiết kế một số hoạt động dạy học minh họa mang tính khả thi và phù hợp với thực tiễn giảng dạy.

- Tiến hành thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng hiệu quả, qua đó cho thấy việc vận dụng PPDH tích cực có tác động tích cực đến sự hứng thú học tập, khả năng tư duy và năng lực ngôn ngữ của HS.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng việc tổ chức các hoạt động khám phá kiến thức bằng PPDH tích cực là hoàn toàn khả thi, phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi HS lớp 4, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt trong Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Để nâng cao hiệu quả vận dụng PPDH tích cực trong hoạt động Khám phá kiến thức môn Tiếng Việt lớp 4, đề tài xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

Đối với GV tiểu học:

- Cần mạnh dạn áp dụng các PPDH tích cực trong tổ chức hoạt động khám phá kiến thức.

- Linh hoạt thiết kế các hoạt động phù hợp với nội dung bài học, khả năng nhận thức và điều kiện lớp học cụ thể.

- Thường xuyên quan sát, đánh giá quá trình học tập của HS để điều chỉnh hoạt động một cách kịp thời và hiệu quả.

Đối với nhà trường:

- Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và thời gian để GV có thể triển khai các PPDH tích cực một cách hiệu quả.

- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm trong việc vận dụng các PPDH tích cực.

Đối với các cơ sở đào tạo GV:

- Tăng cường nội dung rèn luyện kỹ năng thiết kế KHBD và tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS.

- Khuyến khích GV tích cực nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng hiệu quả các PPDH tích cực vào thực tiễn dạy học sau này nhằm thực hiện mục tiêu của chương trình và môn học.

Đối với sinh viên sư phạm:

- Tích cực rèn luyện kỹ năng thiết kế KHBD và tổ chức hoạt động dạy học, hướng đến mục tiêu phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS.

- Sinh viên cần hiểu rõ bản chất, ưu điểm và cách thức triển khai,... của các PPDH tích cực, đồng thời vận dụng trong các tiết thực hành, kiên tập và thực tập sư phạm.

- Tích cực trau dồi, rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm, học hỏi cách xử lý tình huống, cách tổ chức lớp học theo hướng phát huy năng lực và phẩm chất cho HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Công văn 2345/BGDĐT-GDTH về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học, ban hành ngày 07 tháng 6 năm 2021.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Mô đun 04: Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*.
5. Lê Anh, Huỳnh Bảo Hân, Nguyễn Minh Thanh Nhân, Hoàng Thụy Bích Thủy, Bùi Thị Thu Thủy (2023), *Thiết kế bài dạy theo phương án mở môn Tiếng Việt lớp 4*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
6. Dương Thị Ngọc Ánh (Chủ nhiệm), Đinh Thị Xuân Hương (2022), *Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học*, Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.
7. Trần Thị Ngọc Ánh (2023), *Thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 theo định hướng phát triển năng lực học sinh*, Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.
8. Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên), Đỗ Hương Trà (2022), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
9. Nguyễn Quốc Chí (2014), *Dạy học tích cực trong giáo dục tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Bùi Thị Hồng (Chủ nhiệm), Đỗ Hồng Linh, Nguyễn Thị Thanh Nga (2021), *Phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy học phần “Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2” - Trường Đại học Hoa Lư*, Đề tài nghiên cứu Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.
11. Bùi Mạnh Hùng, Trần Hiền Lương (2023), *Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng Giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Tiếng Việt lớp 4*, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
12. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Tiếng Việt 4*, tập một, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
13. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Tiếng Việt 4*, tập hai, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
14. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Tiếng Việt 4*, tập một, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
15. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Tiếng Việt 4*, tập hai, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

16. Lê Phương Nga (Chủ biên), Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo (2021), *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở Tiểu học I*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
17. Lê Phương Nga (2021), *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở Tiểu học II*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
18. Hoàng Phê (1010), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách Khoa..
19. Đỗ Xuân Thảo - Nguyễn Hữu Hợp (2019), *Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
20. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Đỗ Xuân Thảo (Chủ biên), Phan Thị Hồ Điệp, Lê Phương Nga (2023), *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
21. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp (2023), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
22. <https://voh.com.vn/song-dep/john-dewey-442318.html> (truy cập ngày 10/10/2024).

PHỤ LỤC 1
KẾ HOẠCH BÀI DẠY
Môn: Tiếng Việt Lớp: 4
(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*)
Chủ đề: Uống nước nhớ nguồn
Tuần: 25 – Bài 13

Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TRẠNG NGỮ CHỈ THỜI GIAN, NƠI CHỖN

1. Tìm trạng ngữ của mỗi câu dưới đây và cho biết chúng bổ sung thông tin gì cho câu.
 - a. Mùa xuân, các loài hoa đua nhau khoe sắc.
 - b. Dưới chân đồi, đàn trâu đang thung thàng gặm cỏ.
 - c. Tháng Ba, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.
 - d. Trước nhà, bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp.
2. Đặt câu hỏi cho mỗi trạng ngữ vừa tìm được ở bài tập 1.

Ghi nhớ

- Trạng ngữ chỉ thời gian bổ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc nêu trong câu; trả lời cho câu hỏi *khi nào, bao giờ,...*
- Trạng ngữ chỉ nơi chốn bổ sung thông tin về địa điểm diễn ra sự việc nêu trong câu; trả lời cho câu hỏi *có từ ngữ để hỏi: ở đâu, chỗ nào,...*

3. Tìm trạng ngữ của mỗi câu trong đoạn văn dưới đây và xếp vào nhóm thích hợp.

Ở góc vườn, bà tôi trồng một cây cam. Tháng Chạp, cam chín vàng tươi. Những quả cam tròn, mọng nước, trông thật đẹp mắt. Vào ngày Tết, bà thường cắt cam bày lên bàn thờ tổ tiên. Khắp gian phòng, hương cam thoang thoảng nhẹ bay.

(Theo Bảo Khánh)

Trạng ngữ
chỉ thời gian

Trạng ngữ
chỉ nơi chốn

4. Tìm trạng ngữ chỉ thời gian hoặc nơi chốn thay cho ô vuông trong mỗi câu dưới đây:

- a. bảy chim hót líu lo.
- b. hoa phượng nở đỏ rực.
- c. đoàn thuyền nối đuôi nhau ra khơi.

5. Cùng bạn hỏi – đáp về thời gian và nơi chốn.

M:

- Khi nào trường mình được nghỉ hè?
- Cuối tháng Năm, trường mình được nghỉ hè.

VIẾT

TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN NẾU Ý KIẾN

1. Nghe thầy cô nhận xét chung.
 - Việc lựa chọn câu chuyện yêu thích
 - Cách nêu lí do
 - Cách sắp xếp ý
 - Cách đưa dẫn chứng minh họa
 - Cách dùng từ, đặt câu,...
2. Đọc lại đoạn văn của em và lời nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm, nhược điểm trong bài làm.
3. Trao đổi bài làm với bạn và ghi lại những điều em muốn học tập.

Cách mở đầu độc đáo.

Ý kiến nêu rõ ràng.

Lí do giải thích hợp lí.

4. Sửa lỗi trong bài hoặc viết lại một số câu văn cho hay hơn.

Chia sẻ với người thân điều em học được từ đoạn văn nêu ý kiến của bạn.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Xác định được thành phần trạng ngữ trong các câu đã cho và chỉ rõ mỗi thành phần trạng ngữ đó bổ sung thông tin gì cho câu.

- Đặt câu hỏi phù hợp với mỗi trạng ngữ.

- Rút ra khái niệm/nêu cách hiểu đúng về trạng ngữ chỉ thời gian và trạng ngữ nơi chốn.

- Vận dụng kiến thức đã học về trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn vào thực tiễn.

2. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS tìm được trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn của câu trong đoạn văn, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực trao đổi, nhận xét trong các nhiệm vụ học tập như trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Phiếu học tập.
- Thăm ghi câu hỏi.

2. Học sinh

- Đọc trước bài ở nhà.
- Chia nhóm, nhận phiếu học tập trước giờ học theo hướng dẫn của GV.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: - Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Kiểm tra kiến thức đã học của HS ở bài trước. * PP, PTDH: Vấn đáp. * Thời gian: 5 phút * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho lớp trả lời câu hỏi: Tìm trạng ngữ trong mỗi câu sau? + Trong lớp, em luôn chăm chú nghe thầy, cô giảng bài. + Hôm qua, em cùng bố mẹ về quê chơi. - Nhận xét, tuyên dương. - GV giới thiệu vào bài.	- Đọc và trả lời câu hỏi: + Trong lớp + Hôm qua
2. KHÁM PHÁ Hoạt động: Tìm hiểu về trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn * Mục tiêu: - Xác định được thành phần trạng ngữ trong các câu đã cho và chỉ rõ mỗi thành phần trạng ngữ đó bổ sung thông tin gì cho câu. - Đặt câu hỏi phù hợp với mỗi trạng ngữ. - Rút ra khái niệm/nêu cách hiểu đúng trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn. * PP, PTDH: Thảo luận nhóm, Phiếu học tập, Vấn đáp. * Thời gian: 15 phút * Cách tiến hành:	

*** Bài tập 1: Tìm trạng ngữ của mỗi câu dưới đây và cho biết chúng bổ sung thông tin gì cho câu.**

- GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 thực hiện yêu cầu:

PHIẾU HỌC TẬP	
Nhóm số:	Thời gian: 5 phút
Gạch chân dưới trạng ngữ trong câu	Ý nghĩa của trạng ngữ
a. Mùa xuân, các loài hoa đua nhau khoe sắc.	
b. Dưới chân dê, đàn trâu đang thung thắng gặm cỏ.	
c. Tháng Ba, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.	
d. Trước nhà, bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp.	

- GV yêu cầu các nhóm trình bày kết quả.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có ý thức học tập tốt.
- GV kết luận:

PHIẾU HỌC TẬP	
Nhóm số:	Thời gian: 5 phút
Gạch chân dưới trạng ngữ trong câu	Ý nghĩa của trạng ngữ
a. Mùa xuân, các loài hoa đua nhau khoe sắc.	thời gian
b. Dưới chân dê, đàn trâu đang thung thắng gặm cỏ.	nơi chốn
c. Tháng Ba, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.	thời gian
d. Trước nhà, bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp.	nơi chốn

- GV hỏi: Nếu bỏ đi thành phần trạng ngữ đó, câu sẽ như thế nào?
- GV kết luận: Khi sử dụng trạng ngữ phù hợp, câu sẽ đầy đủ và rõ nghĩa hơn.

*** Bài tập 2: Đặt câu hỏi cho mỗi trạng ngữ vừa tìm được ở bài tập 1**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

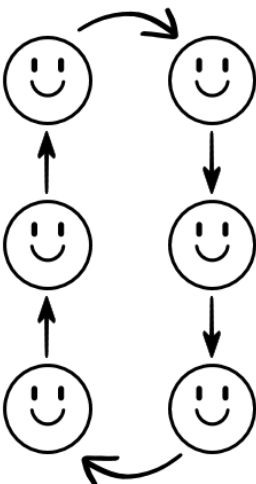
- GV nêu yêu cầu: đặt câu hỏi cho thành phần trạng ngữ tìm được ở bài tập 1.
- GV sử dụng kỹ thuật vòng bi và hướng dẫn HS quay mặt vào nhau thảo luận cặp trong

- HS đọc yêu cầu bài tập.
- HS thực hiện yêu cầu.

- Đại diện nhóm trình bày kết quả.
- HS lắng nghe.

- HS suy nghĩ, trả lời.
- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe.

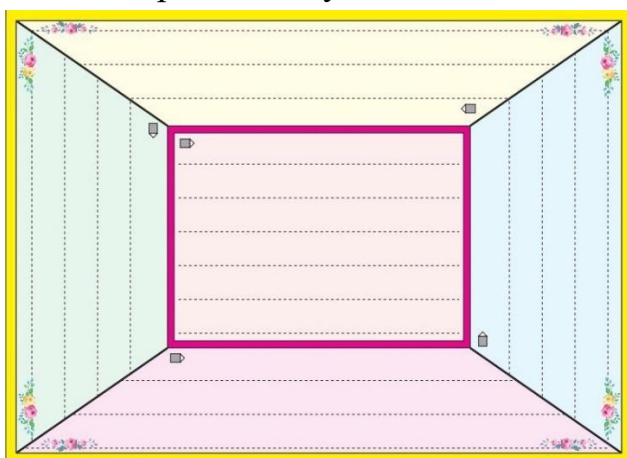
nhóm, luân chuyển vị trí để tạo thành 2-3 cặp mới (theo sơ đồ).  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, trợ giúp HS. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Bước 4: GV nhận xét, kết luận - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. - GV hỏi: Em hiểu thế nào là trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn? - GV kết luận. - GV gọi 2 HS đọc ghi nhớ trước lớp, cả lớp đọc thầm ghi nhớ.	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - HS trả lời. - 2 HS đọc lại ghi nhớ.
3. LUYỆN TẬP * Mục tiêu: - Tìm được trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn của một câu trong đoạn văn. - Đặt câu hỏi phù hợp với mỗi trạng ngữ. * PP, PTDH: Thảo luận nhóm, Phiếu học tập, Vấn đáp. * Thời gian: 12 phút * Cách tiến hành:	
* Bài tập 3: Tìm trạng ngữ của mỗi câu trong đoạn văn, xếp vào nhóm thích hợp. - Gọi HS đọc và nêu yêu cầu của bài tập. - GV giải nghĩa từ “Tháng Chạp” tháng 12 âm lịch.	- Đọc và nêu yêu cầu của bài tập.

- GV cho lớp thảo luận nhóm đôi, trong 3 phút thực hiện yêu cầu bài tập.
- GV cho 2 nhóm trình bày kết quả.
- GV nhận xét, kết luận.

Trạng ngữ chỉ thời gian	Trạng ngữ chỉ nơi chốn
Tháng Chạp, Vào ngày Tết	Ở góc vườn, Khắp gian phòng

*** Bài tập 4: Tìm trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn thay cho ô vuông.**

- GV chia lớp thành các nhóm (4 HS/nhóm) (Mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng và 1 thư ký)
- GV sử dụng kĩ thuật “Khăn trải bàn” tổ chức cho lớp tìm tìm các trạng ngữ phù hợp thay cho dấu “?” ở mỗi câu
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu theo yêu cầu.



- GV quan sát, trợ giúp HS.
- GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV và cả lớp nhận xét, biểu dương những nhóm có ý thức học tập tốt.

*** Bài tập 5: Hỏi đáp về thời gian và nơi chốn**

- GV yêu cầu HS quan sát, đọc phần mẫu hướng dẫn.
- GV tổ chức cho HS thực hiện nhóm đôi:

- HS trình bày kết quả hoạt động.

- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn.

- Mỗi thành viên viết ý kiến của mình vào phiếu bài tập theo yêu cầu.
- Nhóm trưởng và thư ký tổng hợp ý kiến vào ô ở giữa phiếu học tập.

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- HS quan sát, đọc phần mẫu hướng dẫn.

Hỏi đáp về thời gian và nơi chốn. - GV gọi HS thực hiện trước lớp. - GV và cả lớp nhận xét.	- HS thảo luận, thực hiện nhóm đôi theo hình thức hỏi - đáp.
4. VẬN DỤNG * Mục tiêu: - củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để HS khắc sâu nội dung. - Vận dụng kiến thức đã học về trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn vào thực tiễn. * PP, PTDH: Trực quan, Động não. * Thời gian: 3 phút * Cách tiến hành:	
- GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đặt một câu có sử dụng trạng ngữ chỉ thời gian hoặc nơi chốn. - GV và cả lớp nhận xét. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS quan sát hình ảnh, sau đó đặt câu. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

PHỤ LỤC 2

BÀI KIỂM TRA SAU THỰC NGHIỆM

Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn

TRƯỜNG TIỂU HỌC

BÀI KIỂM TRA

QUANG SƠN

MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

Năm học: 2024 – 2025

Thời gian làm bài: 15 phút.

Họ và tên: Lớp: 4.....

Điểm	Nhận xét của giáo viên

Câu 1. Dùng từ ngữ thích hợp để hoàn thành những câu dưới đây:

-, những chú chim hót vang báo hiệu một ngày mới bắt đầu.
- Vào những buổi chiều,
-, cậu bé chăm chú đọc từng trang sách.
- Trên cánh đồng,.....

Câu 2. Cho đoạn văn sau:

Ngoài kia, sau một mùa đông dài trời đông bão, những chiếc lộc non đã đâm chồi, những nụ mầm bé nhỏ run run như bàn tay non tơ. Có phải màu của lá non là màu của sự sống đang lên nhựa thanh xuân? Từ những thân cây mẹ, chồi non mạnh mẽ xuyên thủng lớp vỏ xù xì rồi bật ra nõn nà như tiếng trẻ thơ. Dưới những tầng cội rễ cỏ, bầy ấu trùng đợi ngày lột xác thành con ve sầu. Đâu đó trong những mắt lá diệp lục, tiếng chim ri âu yếm gọi bạn. Dường như mọi cội nguồn của sự sinh thành đều đổ dồn vào mùa xuân.

(Theo Nguyễn Xuân Hoàng)

Tìm trạng ngữ trong đoạn văn trên và điền vào bảng sau:

Trạng ngữ	Bổ sung thông tin gì cho câu

-----HẾT!-----

PHỤ LỤC 3
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM
BÀI KIỂM TRA SAU THỰC NGHIỆM
Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn

Câu 1:

- Viết đúng, trình bày sạch sẽ, đúng cấu trúc câu: 4 điểm
- Viết sai chính tả từ 3 lỗi trở lên mỗi lỗi trừ 0,5 điểm.

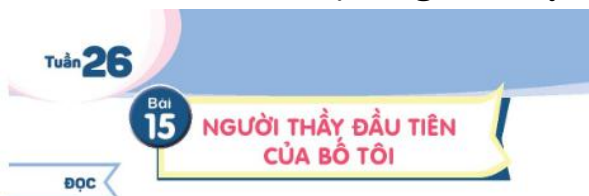
Câu 2:

- Tìm đúng trạng ngữ và nêu được chúng bổ sung thông tin gì cho câu: 6 điểm.
- Viết sai chính tả từ 3 lỗi trở lên mỗi lỗi trừ 0,5 điểm.

Những trạng ngữ trong đoạn văn là:

Trạng ngữ	Bổ sung thông tin gì cho câu
Ngoài kia	Nơi chốn
sau một mùa đông dài toi bời đông bão	Thời gian
Từ những thân cây mẹ	Nơi chốn
Dưới những tầng cội rễ cỏ	Nơi chốn
Đâu đó trong những mắt lá diệp lục	Nơi chốn

PHỤ LỤC 4
KẾ HOẠCH BÀI DẠY
Môn: Tiếng Việt Lớp: 4
(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*)
Chủ điểm: Uống nước nhớ nguồn
Tuần: 26 – Bài 15
Độc: Người thầy đầu tiên của bố tôi



Em hiểu thế nào về câu “Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy?”



NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN CỦA BỐ TÔI

Hôm qua, bố rủ tôi đi tàu đến thăm người thầy đầu tiên của bố, thầy Cơ-rô-xét-ti, năm nay đã tám mươi tuổi.

Xuống tàu, chúng tôi hỏi thăm đường đến nhà thầy, một ngôi nhà nhỏ cuối làng. Bố nhẹ nhàng gõ cửa. Ra mở cửa là một cụ già râu tóc đã bạc.

– Con chào thầy ạ! – Bố vừa nói vừa bỏ mũ ra.

– Chào anh. Xin lỗi, anh là...

– Con là An-béc-tô, học trò cũ của thầy. Con đến thăm thầy ạ.

– Thật hân hạnh quá! Nhưng... anh học với tôi hồi nào nhỉ?

Bố nói tên lớp và ngày bố vào trường. Cụ cúi đầu suy nghĩ rồi bỗng ngẩng lên:

– An-béc-tô Bớt-ti-ni?

– Đúng ạ! – Bố đưa cả hai tay về phía cụ.

Cụ bước tới ôm hôn bố và nói:

– Xin mời vào nhà.

Chúng tôi vào nhà và ngồi xuống ghế yên lặng. Cụ nhìn bố tôi một lần nữa rồi nói to:

– An-béc-tô, tôi nhớ chứ! Lớp Một, anh ngồi bên trái, cạnh cửa sổ. Hồi đó, anh rất hiếu động. Đến lớp Hai, anh bị ốm, phải nghỉ một tuần, phải không nào? Anh còn nhớ đến người thầy giáo già của mình, thật quý hoá...

Cụ trò chuyện cùng bố tôi như chưa hề xa cách. Bỗng cụ đứng dậy:

– Tôi dành cho anh một bất ngờ đây.

Nói rồi cụ lục tìm trên giá sách, rút ra một tờ giấy đã ngả vàng đưa cho bố. Bố nhận ra bài chính tả của mình, nét chữ to cỡ cổ. Bố vừa đọc vừa mỉm cười. Rồi bố cúi xuống hôn vào trang giấy, mắt rưng rưng.

– Thưa thầy kính yêu, con xin cảm ơn thầy! – Bố đưa tay lên gạt nước mắt rồi ôm lấy người thầy của mình.

(Theo A-mi-xi)



1. Hành động bỏ mũ khi chào thầy giáo cũ của bố bạn nhỏ nói lên điều gì?
2. Những cử chỉ, lời nói, việc làm nào của thầy giáo già làm cho bố bạn nhỏ xúc động?
3. Vì sao bố bạn nhỏ rưng rưng nước mắt khi nhận lại bài chính tả cũ của mình?
4. Theo em, bạn nhỏ có cảm nghĩ gì khi được tới thăm người thầy đầu tiên của bố?
5. Nêu ý nghĩa của câu chuyện.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện “Người thầy đầu tiên của bố tôi” (A-mi-xi).

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện: “Học trò luôn kính trọng và biết ơn thầy cô giáo đã dạy dỗ mình nên người. Thầy cô giáo cũng vô cùng thương yêu và luôn dành cho học trò những tình cảm tốt đẹp nhất”.

- Rút ra được bài học sâu sắc sau khi học xong câu chuyện.

- Nêu được cảm nhận về các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của tác giả được thể hiện trong truyện.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, chủ động tham gia các hoạt động để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe, chia sẻ ý kiến, phối hợp với người khác để cùng giải quyết nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: Có tình cảm yêu quý, kính trọng thầy cô giáo. Biết ơn những người đã giúp đỡ mình và người thân trong cuộc sống.

- Chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, tích cực thực hiện các nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Phiếu học tập.

- Bài hát “Bài học đầu tiên”.

https://www.youtube.com/watch?v=D_YQPIQw8iY

- Thăm ghi câu hỏi.

- Hình ảnh phóng to minh họa bài đọc.

2. Học sinh

- Đọc trước bài ở nhà.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Khởi động * Mục tiêu: - HS chia sẻ về người thầy giáo, cô giáo đã để lại ấn tượng sâu sắc. * PP, PTDH: Vấn đáp. * Thời gian: 5 phút * Cách tiến hành:	
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp về thầy giáo, cô giáo đã để lại cho các em ấn tượng sâu sắc. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ	- HS lên chia sẻ về thầy giáo, cô giáo đã để lại cho các em ấn tượng sâu sắc. Chẳng hạn: + HS 1: Em rất yêu quý cô giáo chủ nhiệm lớp 3 của em. Cô rất hiền và luôn động viên em khi em làm chưa tốt. + HS 2: Em ấn tượng với thầy

Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV tổ chức cho cả lớp nhận xét, đánh giá phần trình bày của các bạn. Bước 4: GV nhận xét, kết luận - GV và cả lớp nhận xét. - GV mời 1-2 HS nêu nội dung hình ảnh minh họa bài đọc. - GV dẫn dắt vào bài học.	Hòa. Thầy hát rất hay,... - Cả lớp lắng nghe, chuẩn bị ý kiến nhận xét. - HS nêu nội dung hình ảnh minh họa bài đọc.
Hoạt động 2: Luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu * Mục tiêu: - Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện <i>Người thầy đầu tiên của bố tôi</i>. - Chỉ dẫn được cách đọc của một số câu, đoạn văn bản. - Giải thích một số từ mới. - Hiểu được nội dung câu chuyện và thông điệp mà tác giả nhắn gửi qua câu chuyện. * PP, PTDH: Mảnh ghép, Vấn đáp, Phiếu học tập. * Thời gian: 20 phút * Cách tiến hành:	
Bước 1: Đọc mẫu và chia đoạn - GV hướng dẫn đọc và đọc mẫu: + Giọng đọc nhẹ nhàng, tình cảm; phân biệt lời của người kể chuyện và lời thoại của nhân vật; thể hiện tâm trạng, cảm xúc phù hợp với mỗi nhân vật. + GV đọc toàn bộ văn bản một lượt. Hoặc GV đọc một phần, gọi 1 HS có giọng đọc tốt đọc tiếp. - Yêu cầu HS chia đoạn văn bản.	- HS lắng nghe và đọc bài - HS trả lời: Bài được chia làm 2 đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến “Xin mời vào nhà”: Kể lại cuộc gặp gỡ đầy xúc động giữa bố và người thầy đầu tiên sau nhiều năm xa cách. + Đoạn 2: Phần còn lại: Thầy trò

- HS thực hiện yêu cầu trong phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP VÒNG 2: MẢNH GHÉP 1. Mỗi trường nhóm “Chuyên gia” chia sẻ với nhóm Mảnh ghép về các nội dung đã được học tập (vòng 1), đảm bảo cả nhóm đều hiểu rõ về 2 đoạn truyện. 2. Luyện đọc diễn cảm toàn bài. 3. Nêu nội dung chính của bài đọc: Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ <i>* Rút phiếu trả lời câu hỏi:</i> - Gọi HS bất kì lên rút thăm và trình bày trước lớp: + Đọc diễn cảm đoạn... + Giải nghĩa từ: ... + Đọc câu: ... + Nêu cách đọc đoạn... + Hành động bỏ mũ khi chào thầy giáo cũ của bố bạn nhỏ nói lên điều gì? + Những cử chỉ, lời nói, việc làm nào của thầy giáo già làm cho bố bạn nhỏ xúc động? + Vì sao bố bạn nhỏ rưng rưng nước mắt khi nhận lại bài chính tả cũ của mình? + Theo em, bạn nhỏ có cảm nghĩ gì khi được tới thăm người thầy đầu tiên của bố? + Em thích nhất chi tiết/nhân vật nào trong truyện? Vì sao? + Nêu một bài học sâu sắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện? - GV và cả lớp nhận xét, kết luận.	- HS lên rút thăm và thực hiện yêu cầu. - HS nhận xét.
Hoạt động 3: Vận dụng * Mục tiêu: - Tìm được câu ca dao, tục ngữ nói về tình thầy trò. * PP, PTDH: Trực quan, Vấn đáp.	

* Thời gian: 7 phút * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS đọc thơ, ca dao, tục ngữ hoặc hát một đoạn bài hát về tình cảm thầy trò. - GV và cả lớp nhận xét. - GV mở cho lớp nghe bài hát “Bài học đầu tiên”.	- HS thực hiện yêu cầu. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

PHỤ LỤC 5
BÀI KIỂM TRA SAU THỰC NGHIỆM
Đọc: Người thầy đầu tiên của bố tôi

TRƯỜNG TIỂU HỌC
QUANG TRUNG

BÀI KIỂM TRA
MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4
Năm học: 2024 – 2025
Thời gian làm bài: 15 phút.

Họ và tên: Lớp: 4.....

Điểm	Nhận xét của giáo viên

Đề bài

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu tình cảm, cảm xúc của em về câu chuyện “Người thầy đầu tiên của bố tôi” của A-mi-xi (Tiếng Việt 4, tập 2, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----HẾT!-----

PHỤ LỤC 6
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM
BÀI KIỂM TRA SAU THỰC NGHIỆM
Đọc: Người thầy đầu tiên của bố tôi

1. Yêu cầu chung

- HS viết đúng một đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu).
- Diễn đạt tình cảm, cảm xúc cá nhân sau khi đọc truyện.
- Sử dụng từ ngữ trong sáng, đúng ngữ pháp, đúng chính tả.
- Có thể nêu cảm nghĩ về người thầy, người bố hoặc bài học từ truyện.

2. Thang điểm chi tiết (10 điểm)

Mức độ đánh giá	Nội dung cụ thể	Điểm
1. Hình thức đoạn văn	Viết đúng hình thức đoạn văn, khoảng 5 - 7 câu.	1.0
2. Nội dung cảm xúc rõ ràng	Nêu được tình cảm, cảm xúc cụ thể (như xúc động, biết ơn, cảm phục,...) sau khi đọc câu chuyện.	3.0
3. Nhận xét hoặc bài học rút ra	Có nhận xét, suy nghĩ hoặc bài học rút ra từ truyện (về người thầy, tình thầy trò, lòng biết ơn...).	2.0
4. Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc	Câu văn rõ nghĩa, dùng từ phù hợp, liên kết tốt giữa các câu.	2.0
5. Chính tả, ngữ pháp	Không mắc quá 5 lỗi chính tả, ngữ pháp.	2.0

PHỤ LỤC 7

PHIẾU KHẢO SÁT MỨC ĐỘ HỨNG THÚ CỦA HỌC SINH

Dành cho học sinh lớp 4 – Môn Tiếng Việt

Tên trường:

Họ và tên học sinh: Lớp:

Phiếu khảo sát này nhằm thu thập ý kiến của em về mức độ hứng thú trong tiết học Tiếng Việt hôm nay. Em hãy đọc kỹ từng câu hỏi và đánh dấu vào mức độ phù hợp nhất với cảm nhận của em!

1. Em cảm thấy tiết học Tiếng Việt hôm nay như thế nào?

☐ Giờ học tẻ nhạt, không hấp dẫn

☐ Giờ học căng thẳng, áp lực

☐ Giờ học vui vẻ, thú vị, hấp dẫn, lôi cuốn

☐ Ý kiến khác:.....

4. Theo em, tiết học hôm nay có giúp em hiểu bài tốt không?

☐ Không hiểu ☐ Còn mơ hồ ☐ Hiểu một phần ☐ Hiểu rõ

5. Trong tiết học, em có được tham gia hoạt động nhóm hoặc làm việc cùng bạn không?

☐ Không tham gia ☐ Ít tham gia ☐ Có tham gia ☐ Tham gia tích cực

6. Em có cơ hội nêu ý kiến, trình bày suy nghĩ của mình không?

☐ Không có ☐ Hiếm khi ☐ thỉnh thoảng ☐ Thường xuyên

PHỤ LỤC 8

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC NGHIỆM



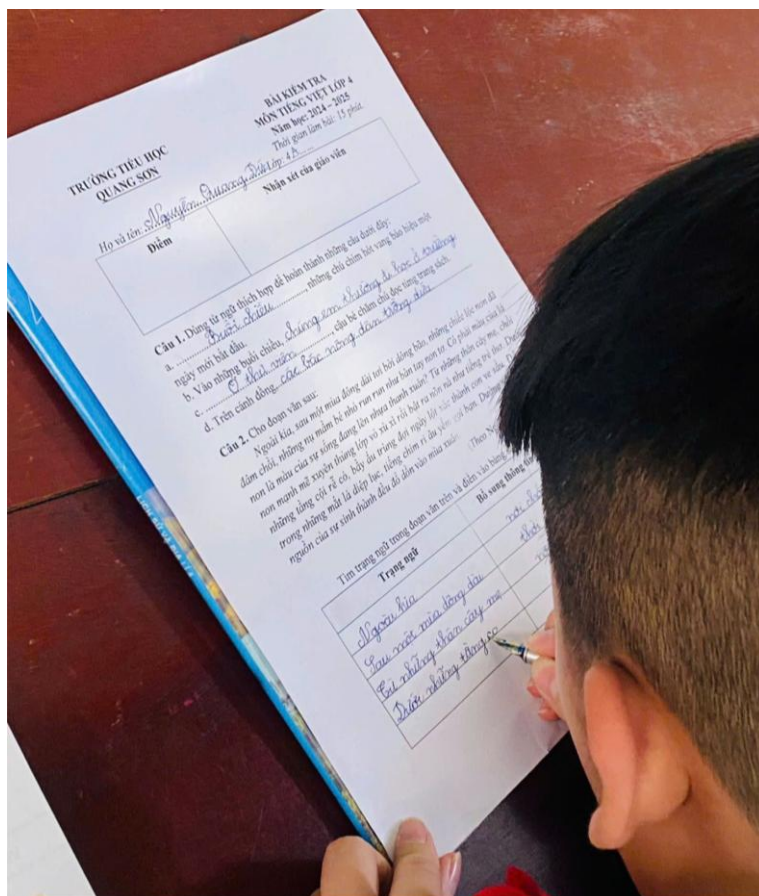
*Hình ảnh HS lớp 4A trong tiết học Luyện từ và câu:
Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.*



Hình ảnh HS lớp 4C trong tiết học Đọc: Người thầy đầu tiên của bố tôi.



Hình ảnh HS thảo luận nhóm.



Hình ảnh HS làm bài kiểm tra sau tiết học.